



Kính gửi:

- Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Tên công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT (VDSC)**
Mã chứng khoán : VDS
Trụ sở chính : Lầu 1-2-3-4 Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.
Điện thoại : 028.6299.2006
Người thực hiện CBTT : Bà Nguyễn Thị Thu Huyền
Điện thoại cơ quan : 028-6299 2006
Loại thông tin công bố : 24 h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt trân trọng công bố Báo cáo thường niên năm 2021.

Toàn văn Báo cáo thường niên được đăng tải tại địa chỉ website: www.vdsc.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2021

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VT, PC.



NGUYỄN THỊ THU HUYỀN



Kiến tạo tương lai thịnh vượng

CỦNG CỐ nền tảng
MỞ RỘNG quy mô
GIA TĂNG hiệu quả

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021

VỀ RỒNG VIỆT

Là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam, **Rồng Việt** chuyên cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính và đầu tư chuyên nghiệp cho tất cả nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trên thị trường.

Rồng Việt luôn nỗ lực không ngừng để theo đuổi các mục tiêu kinh doanh, luôn chủ động trong từng hành động để kiến tạo giá trị gia tăng cao nhất cho các bên liên quan, luôn ý thức trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển của Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Rồng Việt cam kết tuân theo các chuẩn mực về đạo đức và nghề nghiệp trong mọi hoạt động có liên quan đến Khách hàng, Người lao động, Cổ đông, Cơ quan quản lý Nhà nước và Cộng đồng. Đối với Khách hàng, **Rồng Việt** vinh dự được Nhà đầu tư tin tưởng lựa chọn là Người bạn đồng hành trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam, được tin nhiệm giao phó nhiệm vụ tư vấn và đưa ra những giải pháp, công cụ tài chính và sản phẩm đầu tư hiệu quả nhất. Đối với Người lao động, **Rồng Việt** là Người bạn dẫn dắt và định hướng cho mỗi cá nhân theo lộ trình phát triển sự nghiệp rõ ràng với nhiều cơ hội trải nghiệm và thăng tiến. Đối với Cổ đông, **Rồng Việt** nỗ lực để liên tục tạo ra kết quả kinh doanh hiệu quả. Đối với Cơ quan quản lý Nhà nước, **Rồng Việt** luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định có liên quan, hoàn thành mọi nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước. Đối với Cộng đồng, **Rồng Việt** là Nhà đồng hành sẻ chia những khó khăn trong cuộc sống, cũng như kiến tạo và vun đắp cho thế hệ trẻ tương lai.

Với tầm nhìn trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu, hiện đại và hiệu quả nhất Việt Nam, **Rồng Việt** tiếp tục kiến tạo thành công hệ sinh thái về tài chính, đầu tư cho cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư Việt Nam đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, tạo nền tảng vững chắc và mở ra nhiều triển vọng mới cho tương lai.

DANH MỤC VIẾT TẮT

| | |
|--------------------|------------------------------------------|
| Rồng Việt, Công ty | Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| BKS | Ban kiểm soát |
| UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| HSX, HOSE | Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh |
| HNX | Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội |
| TTCK | Thị trường chứng khoán |
| DVCK | Dịch vụ chứng khoán |
| KDMG | Kinh doanh môi giới |
| NHĐT | Ngân hàng đầu tư |
| CNTT | Công nghệ thông tin |
| CBNV | Cán bộ nhân viên |
| BHSK/BHTN | Bảo hiểm sức khỏe/Bảo hiểm tai nạn |
| Thuế TNDN | Thuế Thu nhập doanh nghiệp |
| Thuế TNCN | Thuế Thu nhập cá nhân |
| VAT | Thuế giá trị gia tăng |
| GDP | Tổng sản phẩm quốc nội |
| USD | Đô la Mỹ |
| NSNN | Ngân sách Nhà nước |
| NHNN | Ngân hàng Nhà nước |
| DNNN | Doanh nghiệp Nhà nước |
| DN | Doanh nghiệp |
| QTRR | Quản trị rủi ro |
| KTNB | Kiểm toán nội bộ |

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHƯƠNG

01

TỔNG QUAN VỀ RỒNG VIỆT

1. Thông tin chung
2. Ngành nghề kinh doanh
3. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
4. Chặng đường phát triển
5. Danh hiệu và giải thưởng
6. Sơ đồ tổ chức
7. Điểm nhấn 2021

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021 CỦA RỒNG VIỆT

1. Tổ chức và nhân sự
2. Tình hình hoạt động kinh doanh
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính

CHƯƠNG

02

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

CHƯƠNG

04

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS
4. Thông tin cổ phiếu và đảm bảo quyền của cổ đông và các bên liên quan
5. Quản trị rủi ro và kiểm toán nội bộ

CHƯƠNG

05

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững
2. Các hoạt động kiến tạo tương lai bền vững
3. Thông tin liên hệ

CHƯƠNG

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN 2021

1. Thông tin chung về doanh nghiệp
2. Báo cáo của ban tổng giám đốc
3. Báo cáo kiểm toán độc lập
4. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất
5. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất
8. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Thông điệp

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



“ Trong năm 2022, Rong Viet sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực cho các dự án chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa hệ thống vận hành, gia tăng trải nghiệm cho khách hàng và đưa vào vận hành các mô hình kinh doanh mới trên nền tảng số. Bên cạnh đó, chúng tôi sẽ mở rộng mạng lưới hoạt động ở các địa bàn tiềm năng, tăng cường đội ngũ nhân sự chất lượng, liên tục đổi mới, sáng tạo nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính và đầu tư đa dạng, phù hợp, mang lại hiệu quả cao nhất cho khách hàng. ”

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý khách hàng, đối tác của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rong Viet,

Năm 2021, đại dịch Covid-19 tiếp tục có những diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng nặng đến nhiều nước trên thế giới. Tại Việt Nam, dịch bắt đầu bùng phát trên diện rộng từ cuối tháng 04/2021, đưa cả nước vào trạng thái đóng cửa suốt gần 6 tháng, gây ảnh hưởng to lớn cho nền kinh tế khi kết quả GDP năm 2021 chỉ tăng 2,58%, thấp hơn mức kỳ vọng 6% được đặt ra vào đầu năm. Tuy nhiên, nhờ mặt bằng lãi

suất được duy trì ở mức thấp và làn sóng tham gia đầu tư chứng khoán của các nhà đầu tư mới (F0), năm 2021 tiếp tục là một năm thuận lợi của thị trường chứng khoán Việt Nam với nhiều kỷ lục mới được thiết lập về chỉ số chứng khoán, thanh khoản và quy mô thị trường, tổng mức huy động vốn trên TTCK tăng 25% so với năm 2020. Qua đó, khẳng định được vai trò của thị trường chứng khoán là kênh đầu tư và huy động vốn quan trọng của nền kinh tế.

Trong bối cảnh đầy biến động của năm 2021 với nhiều cơ hội và thách thức đan xen, nhờ vào sự đoàn kết và nỗ lực nắm bắt các cơ hội kinh doanh nên Rong Viet đã đạt được kết quả kinh doanh đầy ấn tượng về doanh thu, lợi nhuận và hiệu quả sinh lời. Tổng doanh thu hợp nhất năm 2021 của Rong Viet đạt 1.054,1 tỷ đồng, bằng 199,6% kế hoạch năm và tăng hơn 126% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Rong Viet năm 2021 đạt 534,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Rong Viet năm 2021 là 426,7 tỷ đồng, đạt 296,3% kế hoạch năm và tăng hơn 184,3% so với năm 2020. Thu nhập bình quân trên mỗi cổ phần (EPS) năm 2021 đạt 4.050 đồng/cổ phần; tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROEa) đạt 30,4% - thuộc nhóm công ty chứng khoán dẫn đầu về hiệu quả sinh lời. Giá trị vốn hóa của Rong Viet cũng vượt mức 3.600 tỷ đồng, tăng hơn 260% so với đầu năm 2021. Đây là những mức tăng trưởng vượt bậc và là mức kỷ lục của Rong Viet kể từ khi thành lập đến nay, đánh dấu bước chuyển mình tích cực cho giai đoạn phát triển mới.

Trong năm 2021, với định hướng “Xây nền tảng-Đón tương lai”, Rong Viet đã tập trung vào việc xây dựng hệ thống bằng việc hoàn thiện và chuẩn hóa hệ thống vận hành. Các dự án chuyển đổi số đã được khởi động và từng bước đưa vào ứng dụng, từ vận hành, đến gia tăng trải nghiệm khách hàng và xây dựng các mô hình kinh doanh mới. Trong năm 2021, Rong Viet đã ban hành Bộ quy tắc ứng xử với mục tiêu cung cấp những nguyên tắc ứng xử và nền tảng văn hóa để tất cả thành viên Rong Viet học hỏi và áp dụng. Những nỗ lực bền bỉ của tập thể Rong Viet đã giúp Công ty đạt được tốc độ tăng trưởng và hiệu quả sinh lời cao trong năm 2021, góp phần giúp Rong Viet lần đầu tiên được vinh danh trong Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2021 và được trao tặng giải thưởng Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh của Giải thưởng Doanh nghiệp Xuất sắc Châu Á- Thái Bình Dương (APEA).

Nhân kỷ niệm 15 năm thành lập, ngày 21/12/2021, Rong Viet cũng đã cho ra mắt logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới cùng slogan “Kiến tạo tương lai thịnh vượng” nhằm nâng tầm thương hiệu, phục vụ cho chiến lược phát triển dài hạn và là lời khẳng định đầy mạnh mẽ, thuyết phục của tập thể Rong Viet về mục tiêu phát triển bền vững, mang lại sự thịnh vượng cho Quý khách hàng, cổ đông, người lao động và cộng đồng xã hội.

Kính thưa quý vị,

Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ lấy lại đà tăng trưởng với GDP tăng trên 6,5%. Thị trường chứng khoán Việt Nam tuy đối mặt với một số rủi ro khi lạm phát và lãi suất đều có xu hướng tăng nhưng triển vọng tăng trưởng trong năm 2022 và trong dài hạn vẫn rất tích cực.

Năm 2022 là năm Rong Viet bước vào tuổi 16, bước sang một chặng đường phát triển mới. Chúng tôi khát khao xây dựng Rong Viet trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu, hiện đại và hiệu quả nhất Việt Nam vào năm 2030 với việc kiến tạo thành công hệ sinh thái tài chính-đầu tư dành cho khách hàng của Rong Viet, chúng tôi mong muốn “Kiến tạo tương lai thịnh vượng” cho khách hàng, cổ đông, người lao động và góp phần xây dựng nên một nước Việt Nam hùng cường-thịnh vượng.

Bám sát tầm nhìn và các sứ mệnh trên, Rong Viet xác lập định hướng hoạt động trong năm 2022 là **“Củng cố nền tảng – Mở rộng quy mô – Gia tăng hiệu quả”**. Trong năm 2022, Rong Viet sẽ tiếp tục tập trung nguồn lực cho các dự án chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa hệ thống vận hành, gia tăng trải nghiệm cho khách hàng và đưa vào vận hành các mô hình kinh doanh mới trên nền tảng số. Bên cạnh đó, chúng tôi sẽ mở rộng mạng lưới hoạt động ở các địa bàn tiềm năng, tăng cường đội ngũ nhân sự chất lượng, liên tục đổi mới, sáng tạo nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính và đầu tư đa dạng, phù hợp, mang lại hiệu quả cao nhất cho khách hàng.

Thay mặt cho Ban lãnh đạo và toàn thể các thành viên Rong Viet, tôi xin trân trọng cảm ơn Quý khách hàng, Quý cổ đông, Quý nhà đầu tư và các cơ quan quản lý đã luôn tin tưởng, đồng hành và giúp đỡ Rong Viet trong suốt thời gian qua. Trong hành trình phát triển sắp tới, Rong Viet mong muốn sẽ tiếp tục nhận được sự tin yêu, đồng hành và ủng hộ của tất cả Quý vị.

Kính chúc Quý vị luôn mạnh khỏe, thành công, thịnh vượng và hạnh phúc.

Trân trọng cảm ơn tất cả Quý vị.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Nguyễn Miên Tuấn

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ RỒNG VIỆT

- THÔNG TIN CHUNG
- NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
- TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI
- CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN
- DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG
- SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
- ĐIỂM NHẤN 2021



I. THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (Rồng Việt) được thành lập từ tháng 12/2006 với các Cổ đông sáng lập là các tổ chức tài chính, thương mại hàng đầu Việt Nam như Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank), Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (Satra), Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long (VDFM) và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Sài Gòn Á Châu kết hợp với các chuyên gia uy tín và giàu kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

TÊN DOANH NGHIỆP: Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

TÊN TIẾNG ANH: Viet Dragon Securities Corporation

NGÀY THÀNH LẬP: 21/12/2006

VỐN ĐIỀU LỆ (31/12/2021): 1.051.046.650.000 đồng

TRỤ SỞ CHÍNH: 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

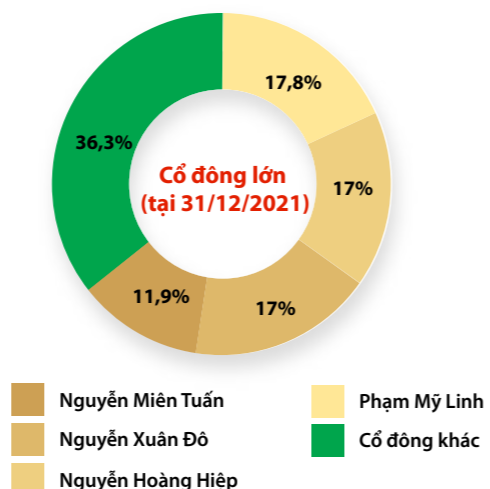
WEBSITE: www.vdsc.com.vn

ĐIỆN THOẠI: (+84) 28 6299 2006

FAX: (+84) 28 6291 7986

TỔNG SỐ NHÂN VIÊN (31/12/2021): 381 nhân sự

TỈ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG LỚN:



HỆ THỐNG CHI NHÁNH:

HỘI SỞ TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Tầng 1-2-3-4, tòa nhà Viet Dragon
141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM
ĐT: +84.28 6299 2006
Fax: +84.28 6291 7986
Email: info@vdsc.com.vn

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Hà Nội
ĐT: +84.24 6288 2006
Fax: +84.24 6288 2008

CHI NHÁNH NHA TRANG
Tầng 7, số 76 Quang Trung, P. Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
ĐT: +84.258 3820 006
Fax: +84.258 3820 008

CHI NHÁNH CẦN THƠ
Tầng 8, Tòa nhà Sacombank, số 95-97-99, Võ Văn Tần, P. Tân An, Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84.292 3817 578
Fax: +84.292 3818 387

CÔNG TY CON: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long

Với tầm nhìn và chiến lược kinh doanh mới, từ đầu năm 2021, Rồng Việt chính thức có thêm công ty con là CTCP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long (Việt Long) – nhằm hoàn thiện hệ sinh thái tài chính, đầu tư mà Rồng Việt đang hướng đến. Trong năm 2021, Việt Long đã có được kết quả kinh doanh khả quan với lợi nhuận trước thuế đạt 6,5 tỷ đồng, vượt 30% kế hoạch năm.

Bên cạnh đó, Việt Long đang trong quá trình thực hiện tái cơ cấu công ty, kiện toàn đội ngũ, hoàn thiện hệ thống quản trị theo đúng các quy định của cơ quan quản lý nhà nước, phù hợp với các thông lệ tiên tiến của ngành quản lý tài sản. Những kết quả đạt được cũng như các bước chuẩn bị trong năm 2021 sẽ góp phần tạo đà cho sự phát triển của Việt Long trong năm 2022.



II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (Rồng Việt) là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại thị trường tài chính Việt Nam, hoạt động trên tất cả các lĩnh vực kinh doanh chứng khoán bao gồm:

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán
- Tự doanh
- Bảo lãnh phát hành
- Lưu ký chứng khoán
- Chứng khoán phái sinh và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh

III. TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN



Trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu, hiện đại và hiệu quả nhất Việt Nam.

SỨ MỆNH



Đối với khách hàng: Kiến tạo thành công hệ sinh thái về tài chính và đầu tư cho cộng đồng doanh nghiệp và nhà đầu tư Việt Nam bằng việc sáng tạo, cung cấp được những giải pháp, công cụ tài chính và sản phẩm đầu tư phù hợp, mang lại hiệu quả tốt nhất cho khách hàng, với hệ thống vận hành và chất lượng dịch vụ khách hàng xuất sắc;



Đối với người lao động: Rồng Việt mong muốn xây dựng môi trường làm việc và văn hóa doanh nghiệp nhân văn và hấp dẫn, thu hút được những nhân sự năng lực-nhiệt huyết đến hợp tác và làm việc, phát triển bản thân, phát triển sự nghiệp và tạo dựng tương lai thịnh vượng, hạnh phúc;



Đối với cổ đông/Nhà đầu tư: Xây dựng thành công hệ thống/mô hình kinh doanh hiệu quả, giúp gia tăng vượt trội giá trị khoản đầu tư của cổ đông/Nhà đầu tư của Rồng Việt;



Đối với thị trường tài chính và nền kinh tế Việt Nam: Rồng Việt mong muốn đóng góp tích cực, chủ động và hiệu quả cho sự phát triển của thị trường tài chính và nền kinh tế Việt Nam;



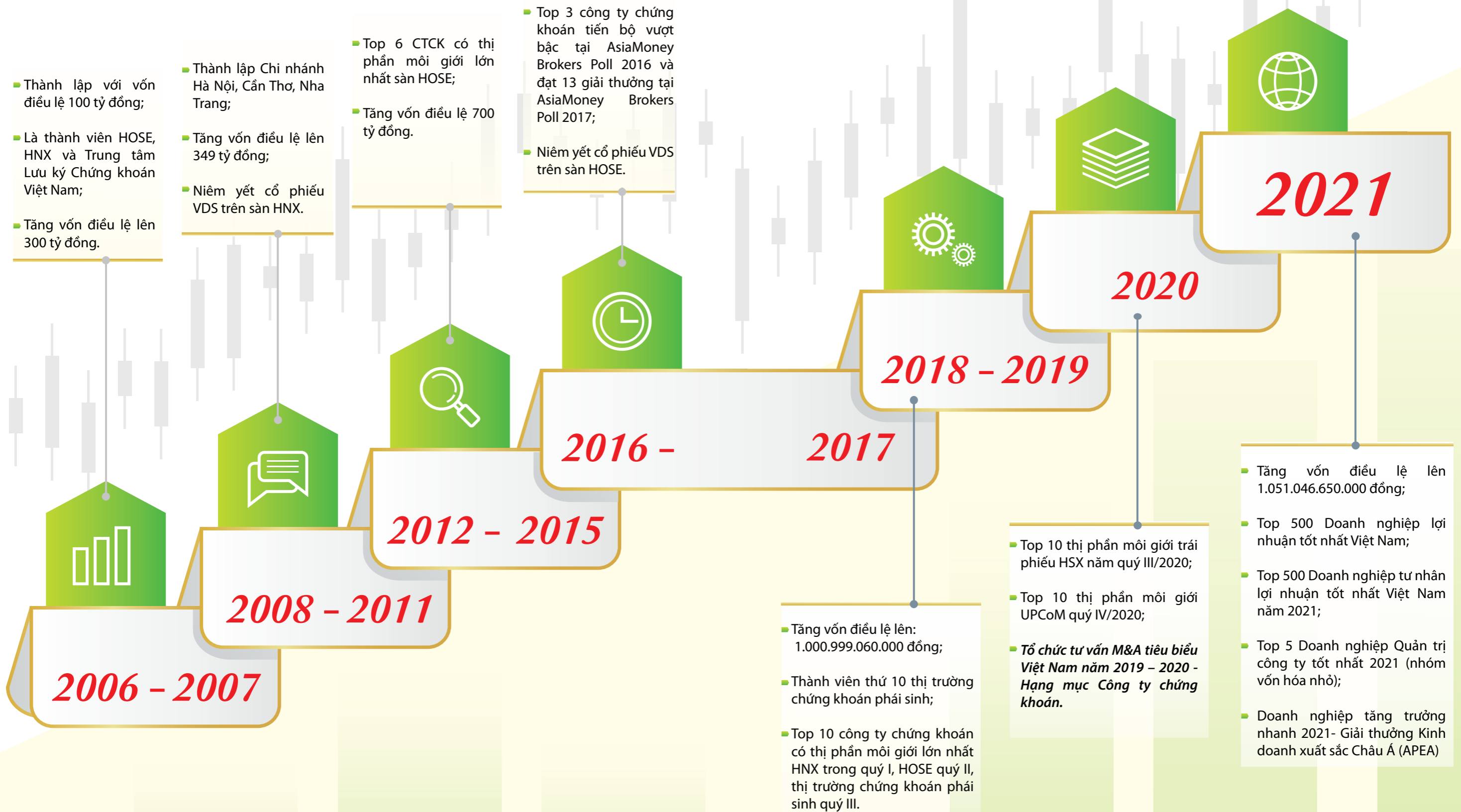
Đối với cộng đồng xã hội: Rồng Việt luôn là thành viên có trách nhiệm và mong muốn được chia sẻ những thành quả phát triển của mình đến với cộng đồng và xã hội.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI



“Tất cả các thành viên của Rồng Việt cam kết giữ gìn các giá trị cốt lõi của Công ty và xem đó là kim chỉ nam trong mọi hoạt động của mình”.

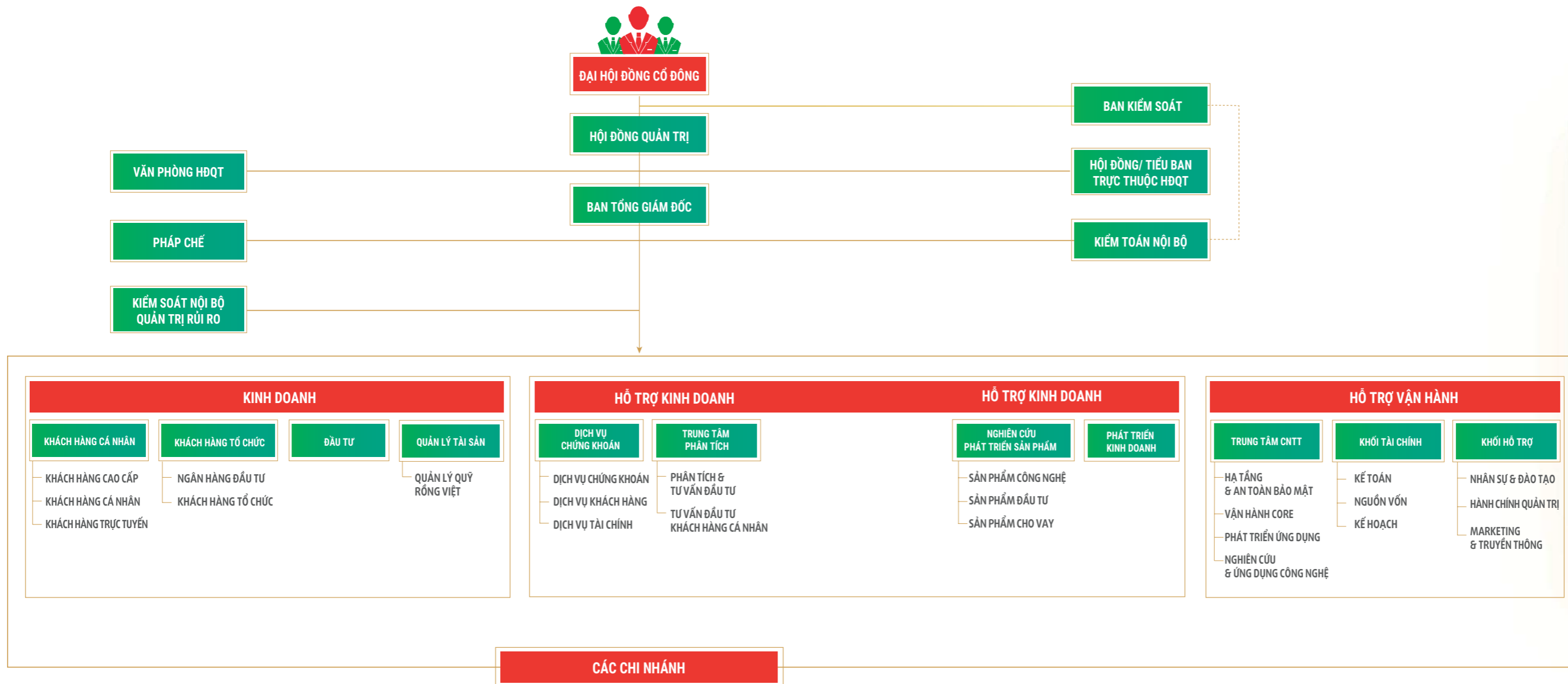
IV. CHẶNG ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN



V. DANH HIỆU VÀ GIẢI THƯỞNG



VI. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



VII. ĐIỂM NHẤN 2021

01 VỀ KINH DOANH

Nhờ tăng trưởng doanh thu và kiểm soát tốt chi phí nên hiệu quả kinh doanh hợp nhất năm 2021 của Rồng Việt tăng cao.



Lợi nhuận sau thuế tăng **↑ 184,3%** so với năm 2020. ROAA đạt **12,9%**, ROEa đạt **30,4%**, EPS đạt **4.050 đồng/CP**.



Hiệu quả kinh doanh tích cực đã giúp giá trị cổ phiếu VDS tăng vượt trội từ mức giá 10.000 đồng lên **↑ hơn 35.000 đồng/cổ phiếu** và giá trị vốn hóa của Rồng Việt đạt **hơn 3.600 tỷ đồng**, tăng **↑ gấp 3,6 lần** so với đầu năm 2021.



Thu nhập bình quân nhân viên tăng **↑ hơn 64%** so với năm 2020. Năng suất lao động tăng vượt trội, lợi nhuận bình quân/nhân viên đạt gần **1,3 tỷ đồng/người** (năm 2020 là 670 triệu đồng/người).



Trong năm 2021, Rồng Việt cũng đã thực hiện nộp thuế cho Ngân sách nhà nước tổng cộng **232 tỷ đồng**, tăng **↑ hơn 200%** so với năm 2020.

02 VỀ PHÁT TRIỂN CÁC SẢN PHẨM MỚI

Với cam kết không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, Rồng Việt đã nghiên cứu, giới thiệu các sản phẩm đầu tư mới, phù hợp với khẩu vị rủi ro và nhu cầu đầu tư của khách hàng Rồng Việt, đồng thời nâng cấp và hoàn thiện các sản phẩm đã có nhằm mang đến cho Khách hàng những trải nghiệm tốt nhất về sản phẩm dịch vụ mà Rồng Việt cung cấp như:

Về mở tài khoản trực tuyến: Rồng Việt đã triển khai giải pháp eKYC (định danh khách hàng trực tuyến) hỗ trợ Khách hàng mở tài khoản trực tuyến nhanh chóng, tiện lợi và an toàn.

Về quản lý tài khoản: Tài khoản được phân ra nhiều tài khoản để quản lý danh mục đầu tư, nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của Khách hàng về các sản phẩm tài chính và chuẩn bị sẵn sàng cho những sản phẩm sắp ra mắt của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Về Hệ thống giao dịch trực tuyến: Triển khai Hệ thống giao dịch trực tuyến iDragon (Web, App) với sự thay đổi hoàn toàn về giao diện và cải tiến nhiều tính năng quan trọng như đa dạng phương thức xác thực, lệnh giao dịch, bổ sung phân hệ giao dịch Trái phiếu, tùy chỉnh giao diện,...



03 VỀ ĐÓNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI

Trong năm 2021, Rồng Việt tiếp tục thực hiện các chương trình thiện nguyện truyền thống và các hoạt động đóng góp cho cộng đồng nhằm hỗ trợ phòng chống Covid với tổng ngân sách hơn 7 tỷ đồng, tiếp tục thể hiện trách nhiệm và sứ mệnh chia sẻ các thành quả trong quá trình phát triển với cộng đồng.



04 VỀ GIẢI THƯỞNG

Những kết quả tích cực của tập thể Rồng Việt đã được ghi nhận bằng các giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế:



Ngày 30/11/2021, Rồng Việt nhận giải thưởng Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh (Fast Enterprise Award) tại Lễ công bố trực tuyến Giải thưởng Kinh doanh xuất sắc Châu Á – Asia Pacific Enterprise Awards (APEA) 2021.



Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lợi nhuận tốt nhất và Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2021 (PROFIT 500).



Ngày 28/12/2021, Rồng Việt đã vinh dự đạt giải "Top 5 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất 2021" (nhóm vốn hóa nhỏ) tại lễ vinh danh trực tuyến cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2021. Bên cạnh đó, ở hạng mục "Báo cáo thường niên tốt nhất", năm nay Rồng Việt tiếp tục lọt Top 30 nhóm vốn hóa nhỏ.



Rồng Việt cũng được Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều tổ chức tặng bằng khen về những đóng góp của Rồng Việt cho công tác phòng chống đại dịch Covid năm 2021.



CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021 CỦA RỒNG VIỆT

- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH





I. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

1. NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Miên Tuấn

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Miên Tuấn là Thạc sĩ Kinh tế, ngành Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh và có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng, chứng khoán và thị trường vốn tại Việt Nam. Ông Tuấn từng công tác tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, sau đó giữ vị trí Trưởng Phòng Đầu tư Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

Ông Nguyễn Miên Tuấn là thành viên sáng lập và trải qua nhiều vị trí quan trọng tại Rồng Việt. Ông Tuấn là Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc trong giai đoạn 2012-2016. Tháng 9/2012, ông được tin nhiệm bầu giữ chức Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2012 - 2016. Vào ngày 28/10/2015, ông Tuấn đã thôi nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT và được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT. Ông tái nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty vào ngày 28/05/2020.

Ngoài ra, Ông Nguyễn Miên Tuấn đang là Phó Chủ tịch Sacombank, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Long.



Bà Phạm Mỹ Linh

Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Phạm Mỹ Linh hiện là Giám đốc điều hành tại Công ty TNHH Hoàng Triều.

Bà Linh chính thức được bầu làm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2021 từ ngày 23/03/2017.



Ông Nguyễn Hiếu

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hiếu có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và thị trường chứng khoán.

Ông Hiếu từng tham gia công tác tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – Sở giao dịch II Tp. Hồ Chí Minh, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Công thương – chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh (IBS-HCM) và giữ chức vụ Trưởng phòng Môi giới, Công ty Cổ phần Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HSC).

Tham gia Rồng Việt từ những ngày đầu thành lập và từng trải qua những vị trí quan trọng như Phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc, ông Hiếu đã có nhiều đóng góp quan trọng vào sự mở rộng và phát triển của Công ty. Ông Nguyễn Hiếu trở thành Thành viên HĐQT kể từ ngày 15/03/2014. Ngoài ra, Ông Nguyễn Hiếu đang là Thành viên Hội đồng quản trị Eximbank.

Ông Hiếu tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh doanh quốc tế, Trường Đại học Công nghệ Curtin - Úc.



Ông Nguyễn Thúc Vinh

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Thúc Vinh có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành tài chính và đã từng nắm giữ nhiều vị trí quan trọng tại các ngân hàng lớn như: Trưởng phòng Kế hoạch & Đầu tư, Giám đốc Điều hành tại Sacombank; Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank). Hiện ông Vinh đang là Phó Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long (VDFM) và Chủ tịch HĐQT của Sacombank Lào.

Đồng hành cùng Rồng Việt từ những ngày đầu, ông Vinh luôn là thành viên chủ chốt và tích cực của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát qua nhiều nhiệm kỳ. Từ ngày 28/05/2020, ông từ nhiệm vai trò Thành viên Ban kiểm soát và tái nhiệm vị trí Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017- 2021.

Ông Vinh tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành Tài chính tại Đại học New South Wales thuộc Sydney Úc.

I. TỔ CHỨC NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

1. NHÂN SỰ CHỦ CHỐT (TIẾP THEO)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Quốc Bảo

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quốc Bảo hiện là Chủ tịch HĐQT Công ty CP ĐTDĐ Thành Công và Chủ tịch Công ty CP ĐT24.vn, đồng thời giữ các chức vụ khác như: Chủ tịch Câu lạc bộ Golf Doanh nhân trẻ Việt Nam, Chủ tịch Câu lạc bộ Bất động sản Việt Nam và Chủ tịch Câu lạc bộ Bất động sản Tp. Hồ Chí Minh.

Ông Bảo chính thức được bầu làm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2021 từ ngày 28/03/2018.

Ông Bảo tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



Bà Hoàng Hải Anh

Thành viên Hội đồng quản trị

Bà Hoàng Hải Anh hiện đang là thành viên tích cực tại nhiều tổ chức, doanh nghiệp: Phó Chủ tịch Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam (VASB) và Trọng tài viên kiêm Phó Chủ tịch phụ trách tài chính Trung tâm trọng tài quốc tế Hà Nội (HIAC), Phó Tổng Giám đốc CTCP phát triển công nghệ Đông Bắc, Giám đốc CTCP Nano Farm Đăng Quang và Phó Chủ tịch HĐQT CTCP BDA.SC.

Bà Hải Anh được bầu làm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2021 từ ngày 28/05/2020.

Bà Hải Anh tốt nghiệp ngành Tài chính Ngân hàng Đại học Kinh tế Quốc dân, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh và Thạc sỹ Luật kinh tế.



Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền có hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và thị trường chứng khoán. Trước khi tham gia Rồng Việt, bà Thu Huyền từng công tác tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Bà tham gia Rồng Việt từ đầu năm 2007 và đã trải qua nhiều vị trí quan trọng như Trưởng phòng Giao dịch, Phó Giám đốc Khối Dịch vụ Chứng khoán, Giám đốc Khối Dịch vụ Chứng khoán, Phó Tổng giám đốc Công ty. Bà Thu Huyền được HĐQT bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 08/02/2021 và tham gia Hội đồng quản trị từ ngày 07/04/2021.

Bà Thu Huyền tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế, chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.

BAN KIỂM SOÁT



Ông Hồ Tấn Đạt

Trưởng Ban kiểm soát

Ông Hồ Tấn Đạt có 22 năm hoạt động trong ngành tài chính ngân hàng. Ông Đạt từng là Trưởng phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp, Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt.

Ông Đạt được bầu làm Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 - 2021 từ ngày 28/05/2020.

Ông Đạt tốt nghiệp Cử nhân Tài chính tín dụng, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.



Ông Nguyễn Văn Minh

Thành viên Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Minh hoạt động trong lĩnh vực tài chính hơn 22 năm. Ông Minh hiện là Phó Chánh Văn phòng HĐQT Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín (Sacombank), và là Thành viên HĐQT CTCP Dịch vụ du lịch quốc tế tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Ông Minh trở thành Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt từ tháng 03/2010 và đã được tin nhiệm giữ vai trò Trưởng Ban Kiểm soát Rồng Việt nhiệm kỳ 2012 - 2016. Vào ngày 28/10/2015 ông Minh đã thôi nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát của Rồng Việt và tiếp tục được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát cho nhiệm kỳ 2017 - 2021 từ ngày 23/03/2017.

Ông Minh tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế.



Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

Thành viên Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng hiện là Trưởng phòng Chăm sóc Khách hàng - Khối Khách hàng Tổ chức tại Rồng Việt.

Bà Hằng có hơn 14 năm kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán. Trước đó, bà từng giữ các chức vụ Phó phòng Dịch vụ Chứng khoán tại Chi nhánh Sài Gòn và Kiểm soát viên Khối Dịch vụ Chứng khoán, Phó phòng Khối Khách hàng Tổ chức tại Rồng Việt.

Bà Hằng được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017 - 2021 từ ngày 28/05/2020.

Bà Hằng tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM.



I. TỔ CHỨC NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

1. NHÂN SỰ CHỦ CHỐT (TIẾP THEO)

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ CHỦ CHỐT



Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền có hơn 21 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và thị trường chứng khoán. Trước khi tham gia Rồng Việt, bà Thu Huyền từng công tác tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Bà tham gia Rồng Việt từ đầu năm 2007 và đã trải qua nhiều vị trí quan trọng như Trưởng phòng Giao dịch, Phó Giám đốc Khối Dịch vụ Chứng khoán, Giám đốc Khối Dịch vụ Chứng khoán, Phó Tổng giám đốc Công ty. Bà Thu Huyền được HĐQT bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty kể từ ngày 08/02/2021 và tham gia Hội đồng quản trị từ ngày 07/04/2021.

Bà Thu Huyền tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế, chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



Ông Lê Minh Hiền

Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

Ông Lê Minh Hiền có 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và đã công tác tại Công ty Điện tử Samsung Vina với vị trí Phó phòng Kế toán trước khi tham gia Rồng Việt.

Ông Hiền từng giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty từ ngày đầu thành lập và kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Tài chính từ năm 2014. Ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt kể từ ngày 08/02/2021.

Ông Hiền tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế, chuyên ngành Kế toán, Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.



Ông Trần Thăng Long

Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội

Ông Trần Thăng Long chính thức đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt từ tháng 03/2021. Trước đó, ông Long đã phụ trách vị trí Giám đốc Chi nhánh Hà Nội từ tháng 03/2014.

Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính chứng khoán, ông Long đã có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng hệ thống đội ngũ Rồng Việt tại Hà Nội.

Trước khi tham gia Rồng Việt, ông Long có thời gian dài công tác tại Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex và đảm nhiệm qua nhiều vị trí quản lý khác nhau.

Ông Long tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế, chuyên ngành Tài chính và lưu thông tiền tệ, Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



Ông Nguyễn Hắc Hải

Giám đốc Điều hành Phụ trách Khối Đầu tư

Ông Nguyễn Hắc Hải được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Phụ trách Khối Đầu tư của Rồng Việt từ tháng 03/2021. Trước đó, ông Hải đã từng phụ trách các vị trí Giám đốc Phân tích & Tư vấn Đầu tư, Giám đốc Đầu tư của Rồng Việt.

Với hơn 17 năm kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán Việt Nam, ông Hải có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng hệ thống đội ngũ, sản phẩm dịch vụ phân tích và tư vấn đầu tư cho Rồng Việt.

Trước khi tham gia Rồng Việt, ông Hải là chuyên viên đầu tư của Sacombank và Giám đốc Đầu tư của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long (VDFM).

Ông Hải tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng (MEBF), CFVG Tp. Hồ Chí Minh và sở hữu chứng chỉ CFA.



I. TỔ CHỨC NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

1. NHÂN SỰ CHỦ CHỐT (TIẾP THEO)

BAN ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ CHỦ CHỐT (TIẾP THEO)



Ông Nguyễn Văn Đông

Giám đốc Điều hành kiêm Chánh Văn phòng HĐQT, Trợ lý Chủ tịch HĐQT

Ông Nguyễn Văn Đông chính thức đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành kiêm Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị, Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị của Rồng Việt từ tháng 03/2021.

Ngoài ra, ông Đông hiện là Thành viên Hội đồng Quản Trị tại Công ty Cổ Phần Đường Quảng Ngãi.

Ông Đông có 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thị trường vốn, mua bán và sáp nhập tại Việt Nam. Tham gia Rồng Việt từ năm 2007, ông Đông trải qua nhiều vị trí khác nhau liên quan đến hoạt động Ngân hàng đầu tư như tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn M&A.

Ông Đông tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.



Ông Phạm Tấn Tiến

Giám đốc Điều hành Phụ trách Khối Ngân hàng Đầu tư

Ông Phạm Tấn Tiến được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Điều hành phụ trách Khối Ngân hàng Đầu tư của Rồng Việt từ tháng 03/2021.

Tham gia Rồng Việt từ những ngày đầu thành lập, ông Tiến đã trải qua các vị trí Phó phòng, Trưởng phòng - Phòng Tư Vấn Tài chính Doanh nghiệp, Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư.

Trước khi tham gia Rồng Việt, ông Tiến đã có kinh nghiệm trong các lĩnh vực kế toán - kiểm toán và phân tích đầu tư tại các doanh nghiệp trong nước.

Ông Tiến tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, Trường Đại học Mở Tp. Hồ Chí Minh.



Ông Lâm Hoài Ân

Giám đốc Điều hành Phụ trách Khối Ngân hàng Đầu tư

Ông Lâm Hoài Ân được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Điều hành phụ trách Khối Ngân hàng đầu tư của Rồng Việt từ tháng 07/2021.

Ông Ân có 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thị trường vốn, mua bán và sáp nhập tại Việt Nam. Tham gia Rồng Việt từ những ngày đầu thành lập, ông Ân đã triển khai thành công nhiều dự án lớn liên quan nghiệp vụ tư vấn niêm yết, tư vấn bảo lãnh phát hành cổ phiếu và thu xếp vốn trái phiếu.

Ông cũng từng công tác tại Công ty Chứng khoán HSC, Công ty Chứng khoán Phương Nam, Công ty Chứng khoán Tân Việt...

Ông Ân tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị tài chính tại Trường Đại Học Nam Columbia Hoa Kỳ.



Bà Nguyễn Ngọc Vân Phương

Giám đốc Điều hành Phụ trách Khối Hỗ trợ kiêm Giám đốc Nhân sự

Bà Nguyễn Ngọc Vân Phương được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Điều hành Phụ trách Khối Hỗ trợ kiêm Giám đốc Nhân sự của Rồng Việt từ tháng 03/2021.

Bà Phương tham gia Rồng Việt từ tháng 08/2017 và đã có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản trị Nhân sự. Bà từng giữ các chức vụ: Phó Giám đốc Nhân sự, Trưởng phòng Hành chính Nhân sự tại Công ty TAFICO, Viện Đào tạo Quốc tế ISB... Tại Rồng Việt, bà Phương đã từng phụ trách các vị trí Trưởng phòng, Giám đốc - Phòng Nhân sự và Đào tạo của Rồng Việt.

Bà Phương tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh cấp cao, Trường Đại học Québec Montreal - Canada.



Ông Lê Vương Hùng

Giám đốc Điều hành Phụ trách khối Khách hàng cá nhân

Ông Lê Vương Hùng chính thức đảm nhiệm vị trí Giám đốc Điều hành Phụ trách Khối Khách hàng cá nhân của Rồng Việt từ tháng 02/2022.

Tham gia Rồng Việt từ những ngày đầu thành lập, Ông Hùng từng giữ các vị trí quan trọng trong công tác phát triển kinh doanh như Trưởng Phòng Môi giới, Phó Giám đốc Khối Kinh doanh Môi giới, Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân. Ngoài ra, Ông Hùng hiện thời cũng đang kiêm nhiệm vị trí Giám đốc Chi nhánh Nha Trang của Công ty.

Trước đó ông Hùng có thời gian làm việc tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) và Tổng Công ty Tân Cảng - Sài Gòn (Saigonnewport).

Ông Hùng tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.



Bà Dương Kim Chi

Kế toán trưởng

Bà Dương Kim Chi được bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng của Rồng Việt từ ngày 08/02/2021.

Bà Chi tham gia Rồng Việt từ đầu năm 2007 và đã từng giữ chức vụ Phó Phòng Tài chính Kế toán của Công ty từ năm 2010.

Trước khi tham gia Rồng Việt, bà Chi từng giữ vị trí Kế toán trưởng - Công ty Xây dựng Bách Việt.

Bà Chi tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.

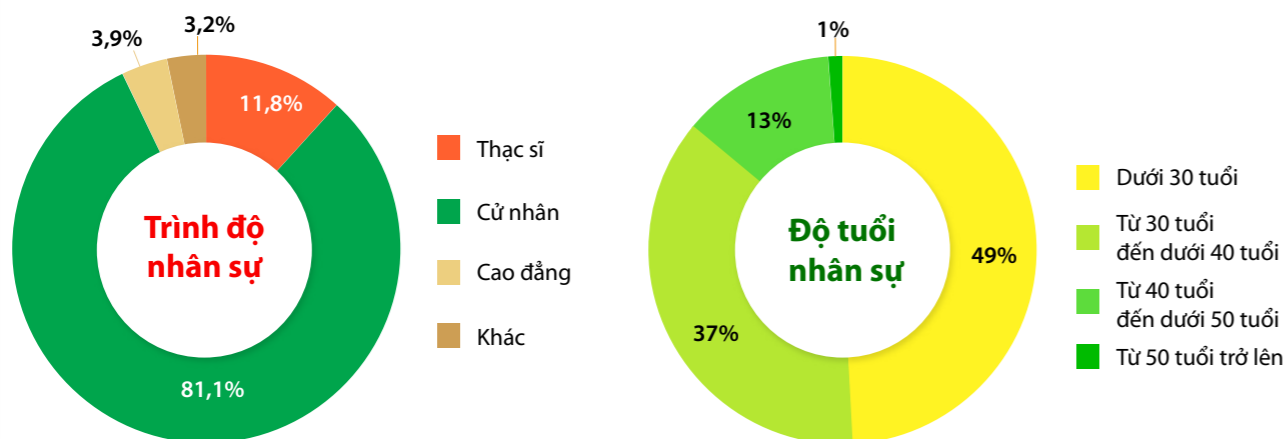


I. TỔ CHỨC NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

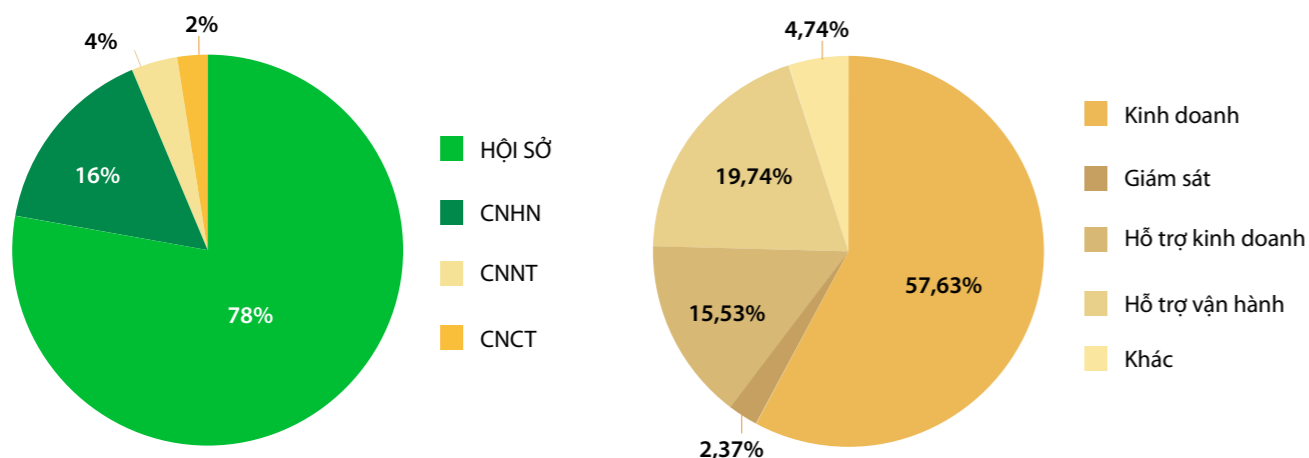
2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Công tác nhân sự

Tính đến tháng 12/2021, số lượng nhân sự của Rồng Việt đạt 380 người, tăng 110 nhân sự so với cuối năm 2020 (270 người). Tỷ lệ nhân sự có trình độ đại học và trên đại học chiếm tỷ lệ trên 89%. Xét về độ tuổi, lực lượng lao động ngày càng được trẻ hóa (86% nhân sự có độ tuổi dưới 40).



Trong năm 2021 số lượng nhân sự tuyển dụng mới là 165 người tăng 275% so với năm 2020 (60 người), nâng tổng số CBNV của Công ty năm 2021 lên 380 người đạt 99.5% so với kế hoạch (382 người). Số lượng nhân sự tăng đều tại cả 03 Khối: Khối Kinh doanh, Khối Hỗ trợ kinh doanh và Khối Hỗ trợ vận hành.



Tỷ lệ tuyển dụng nhân sự theo Hội sở và Chi nhánh

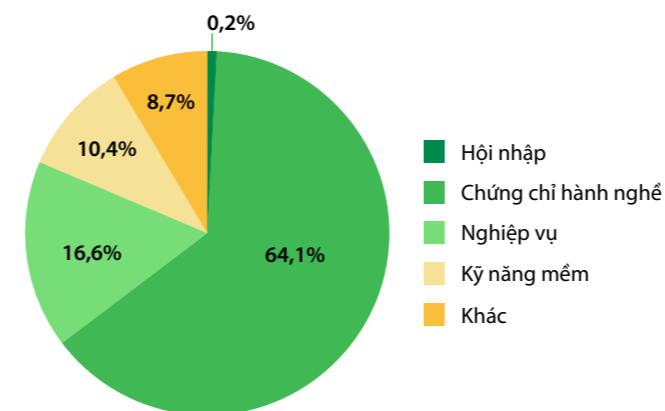
Tỷ lệ tuyển dụng nhân sự của Hội sở theo đơn vị

Hoàn thiện mô hình tổ chức

Ngay từ đầu năm, Rồng Việt đã ban hành cơ cấu tổ chức mới của Công ty theo hướng tách bạch các Khối kinh doanh, Khối hỗ trợ Kinh doanh, Khối hỗ trợ vận hành, Khối giám sát tuân thủ để các hoạt động, chính sách liên quan đến kinh doanh và hỗ trợ được linh hoạt. Chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, đơn vị cũng đã được điều chỉnh, bổ sung để định hướng đúng vai trò của từng đơn vị. Công tác bổ nhiệm, phân công, ủy quyền cho các giám đốc điều hành cũng được triển khai đồng thời để giúp công tác quản trị được xuyên suốt và nhất quán.

Học hỏi và phát triển

Với mục tiêu tăng cường nâng cao trình độ chuyên môn và văn hóa ứng xử của nhân viên, năm 2021, Rồng Việt đã tổ chức hơn 842 lượt đào tạo với nhiều chương trình hướng đến các nhân viên. Tổng ngân sách đào tạo năm 2021 gấp ba lần năm 2020.



Cơ cấu chi phí đào tạo năm 2021

Trong năm 2021, Rồng Việt đã từng bước chuyển đổi mô hình đào tạo truyền thống sang các hình thức trực tuyến mới như: blended learning, live learning, test online... phù hợp với nhu cầu đào tạo với số lượng người tham gia lớn và tuân thủ các quy định trong bối cảnh tình hình dịch bệnh phức tạp. Ngoài ra, để tạo động lực cho nhu cầu phát triển bản thân của từng nhân viên, Rồng Việt cũng đã liên tục mở rộng các cơ chế hỗ trợ và chế độ đãi ngộ - thăng tiến cũng như khuyến khích CBNV liên tục học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm. Năm 2021, Công ty đã hỗ trợ các cá nhân, đơn vị tham gia các khóa đào tạo nâng cao kiến thức – kỹ năng phù hợp với công việc, điển hình như các khóa đào tạo chuyển đổi BCTC từ VAS sang IFRS, Quản trị rủi ro về thuế, SEO cộng hưởng, Phân tích dòng tiền, kỹ năng Chăm sóc khách hàng, trình bày tự tin thuyết phục,...





II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2021

Kinh tế thế giới

Năm 2021, thế giới tiếp tục phải đối mặt với diễn biến phức tạp của đại dịch Covid 19 khi biến chủng Delta bắt đầu xuất hiện tại Ấn Độ ngay đầu năm với sức tàn phá rất mạnh, làm chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, lạm phát và giá nhiên liệu tăng cao.

Mặc dù còn nhiều quan điểm khác nhau trong vấn đề phân phối và tiêm vắc-xin phòng Covid 19 trên toàn cầu nhưng hiệu quả của tiêm chủng đã được chứng minh thông qua việc các chỉ số về ca nhiễm Covid-19, chỉ số thương vong do dịch bệnh đã giảm rõ rệt và điều này càng được thể hiện rõ hơn ở các quốc gia có tỷ lệ tiêm chủng cao. Bên cạnh đó, nhờ các biện pháp, chính sách tài khóa chưa từng có tiền lệ của nhiều quốc gia, nền kinh tế toàn cầu có những dấu hiệu hồi phục với mức tăng trưởng 5,7 - 5,9% trong năm 2021 và dự báo tăng trưởng 4,9% trong năm 2022 (theo World Economic Outlook của IMF).

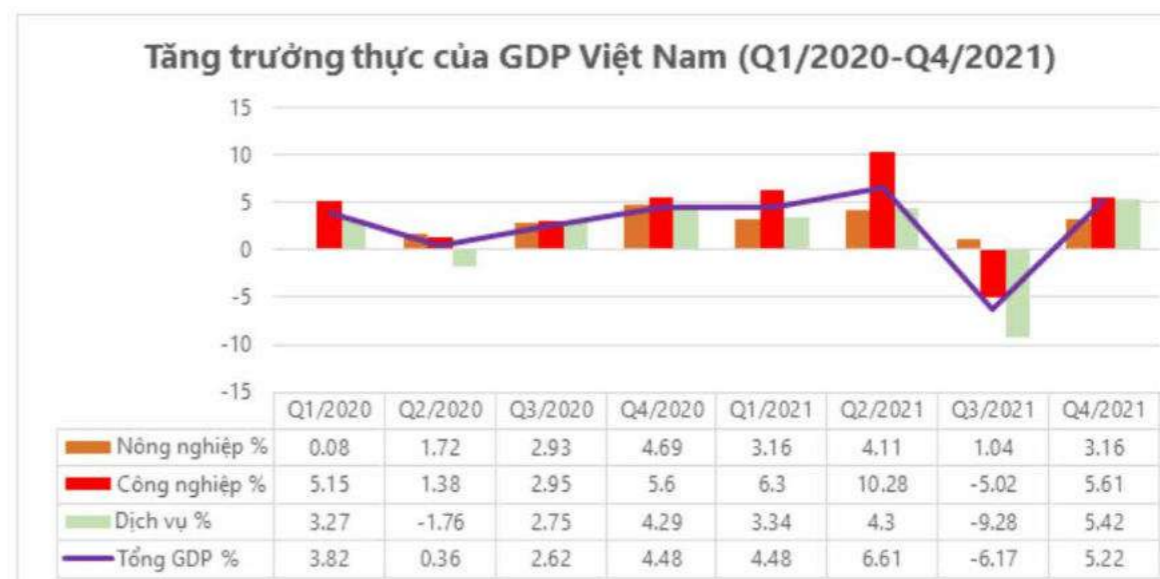
Trong nhiều năm, các ngân hàng trung ương đã chi phối thị trường tài chính thông qua việc điều chỉnh lãi suất khiến định giá trái phiếu và cổ phiếu tăng cao. Chính sách tiền tệ nới lỏng và tình trạng đứt gãy chuỗi cung ứng khiến cho lạm phát đang bùng phát trở lại, ở mức cao chưa từng thấy trong nhiều thập kỷ. Trước tình hình trên, Ngân hàng trung ương Hàn Quốc đã tăng lãi suất cơ bản vào cuối tháng 8 sau 15 tháng giữ ở mức thấp kỷ lục. Trung Quốc đang trong duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt trong khi Mexico, Cộng hòa Séc và Hungary đều vừa có những động thái tăng lãi suất cơ bản đầu tiên sau nhiều năm.



Kinh tế Việt Nam

Năm 2021 là một năm vô vàn thử thách đối với nền kinh tế Việt Nam. Làn sóng COVID-19 lần thứ tư đã đem đến những ảnh hưởng nghiêm trọng đối với nền kinh tế Việt Nam với GDP quý 3 năm 2021 giảm 6,2% so với cùng kỳ năm ngoái, mức giảm đầu tiên kể từ năm 2000 trên cơ sở tính GDP hàng quý. Tính chung cả năm 2021, tăng trưởng kinh tế ước đạt 2,58%, thấp hơn mức thấp kỷ lục trước đó là 2,9% vào năm 2020.

Kết thúc năm 2021, khoảng 84,3 triệu liều vắc-xin đã được tiêm cho khoảng 87,4% dân số. Mặc dù vắc-xin không tiêu diệt hoàn toàn vi-rút, nhưng đã được chứng minh là có hiệu quả trong việc hạn chế số ca bệnh trở nặng. Do đó, việc triển khai nhanh chóng chương trình tiêm chủng đã thúc đẩy việc mở cửa kinh tế và các hoạt động kinh doanh trở lại vào quý 4 năm 2021. Tăng trưởng kinh tế quý 4 do đó đã hồi phục và đạt mức tăng 5,2% so với cùng kỳ.



Trong năm 2021, các chính sách phản ứng chưa kịp thời và có hiệu quả để hỗ trợ sự phục hồi kinh tế. Cho đến nay, quy mô gói hỗ trợ về tài khóa của Việt Nam ước đạt 202 nghìn tỷ đồng (8,8 tỷ USD và 2,6% GDP), chủ yếu dưới hình thức hoãn thuế và phí. Mặc dù tăng trưởng kinh tế chậm hơn, sự ổn định tài chính vẫn được hỗ trợ bởi các yếu tố nền tảng như lạm phát thấp (1,8%), cán cân thanh toán thặng dư được duy trì (5,0% GDP) và tiếp tục củng cố tài khóa (giảm tỷ lệ nợ công/GDP).

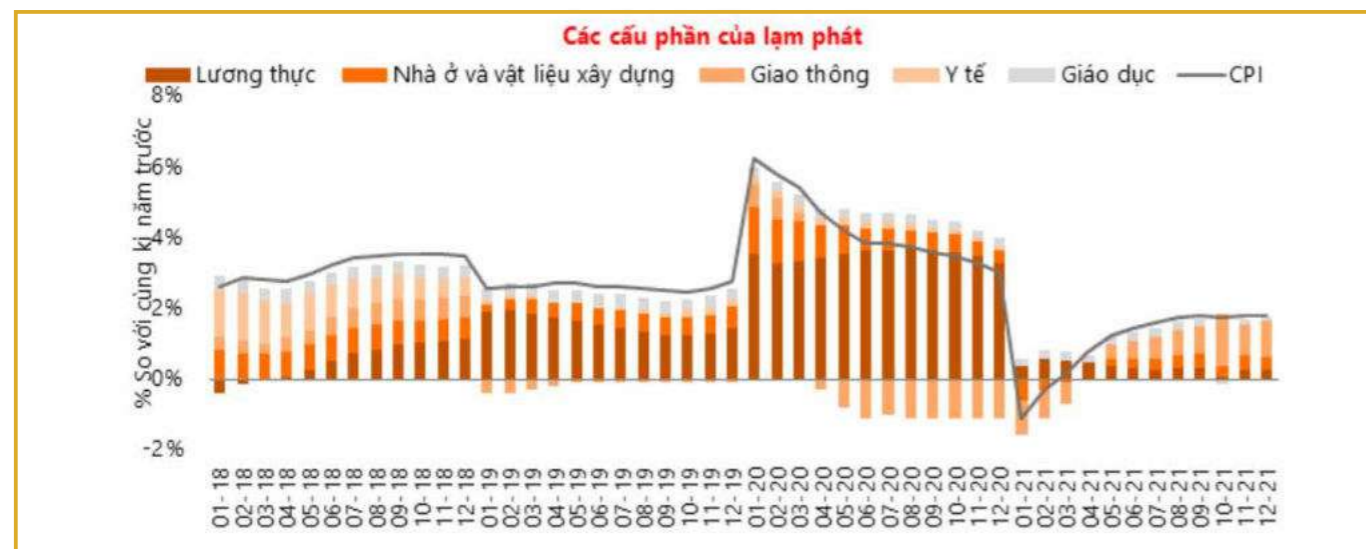




II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

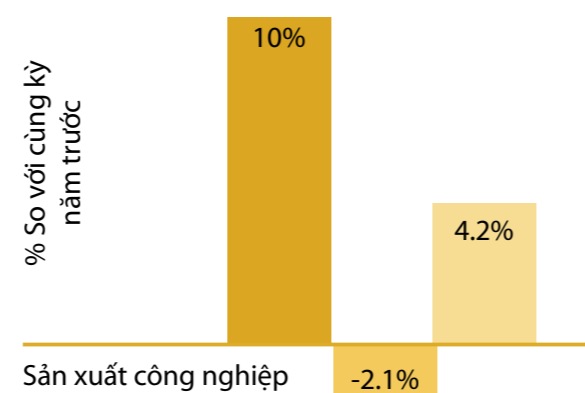
1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2021 (TIẾP THEO)

Kinh tế Việt Nam (tiếp theo)

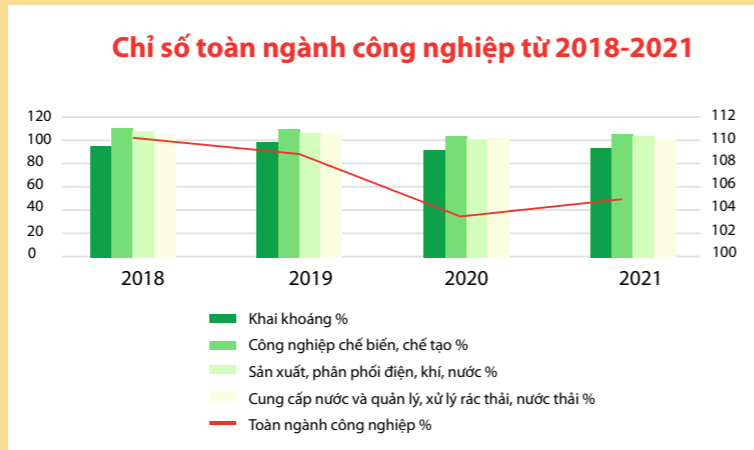


Những đứt gãy trên thị trường lao động và chuỗi cung ứng bị ảnh hưởng từ các biện pháp kiểm soát dịch bệnh khiến năng suất trong giai đoạn mở cửa trở lại vẫn thấp hơn mức trước đại dịch. Sản xuất công nghiệp và xuất khẩu tiếp tục là động lực chính thúc đẩy nền kinh tế, ước tăng trưởng lần lượt khoảng 4,8% và 19,0% so với cùng kỳ vào năm 2021. Đại dịch khiến chỉ tiêu hộ gia đình giảm mạnh, tăng trưởng doanh số bán lẻ nếu loại trừ yếu tố giá ước tính giảm 6,2% so với cùng kỳ năm 2021. Ngay cả sau khi dỡ bỏ các biện pháp hạn chế Covid-19, các lĩnh vực dịch vụ bị ảnh hưởng nặng nề nhất như khách sạn, vận tải và giải trí vẫn đối diện với nhiều thách thức trong phục hồi khi số ca nhiễm và tử vong do Covid-19 gia tăng trở lại.

Tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam trước, trong và sau làn sóng Covid lần thứ 4



Nhìn lại năm vừa qua, các hoạt động thương mại Việt Nam có thể được coi là một điểm sáng giữa muôn trùng khó khăn. Xuất khẩu ước tính tăng khoảng 19,0% so với cùng kỳ (so với mức tăng 6,9% trong năm 2020) và tăng trưởng nhập khẩu ước tính ở mức 26,5% (so với mức tăng 3,7% của năm ngoái). Cán cân thương mại ước tính ở mức 1,5 - 4,0 tỷ USD trong cả năm 2021, điều này có thể giúp tạo nền tảng ổn định cho cán cân tài khoản vãng lai và giúp Việt Nam gia tăng khả năng đối phó với rủi ro từ môi trường bên ngoài.



Thị trường chứng khoán

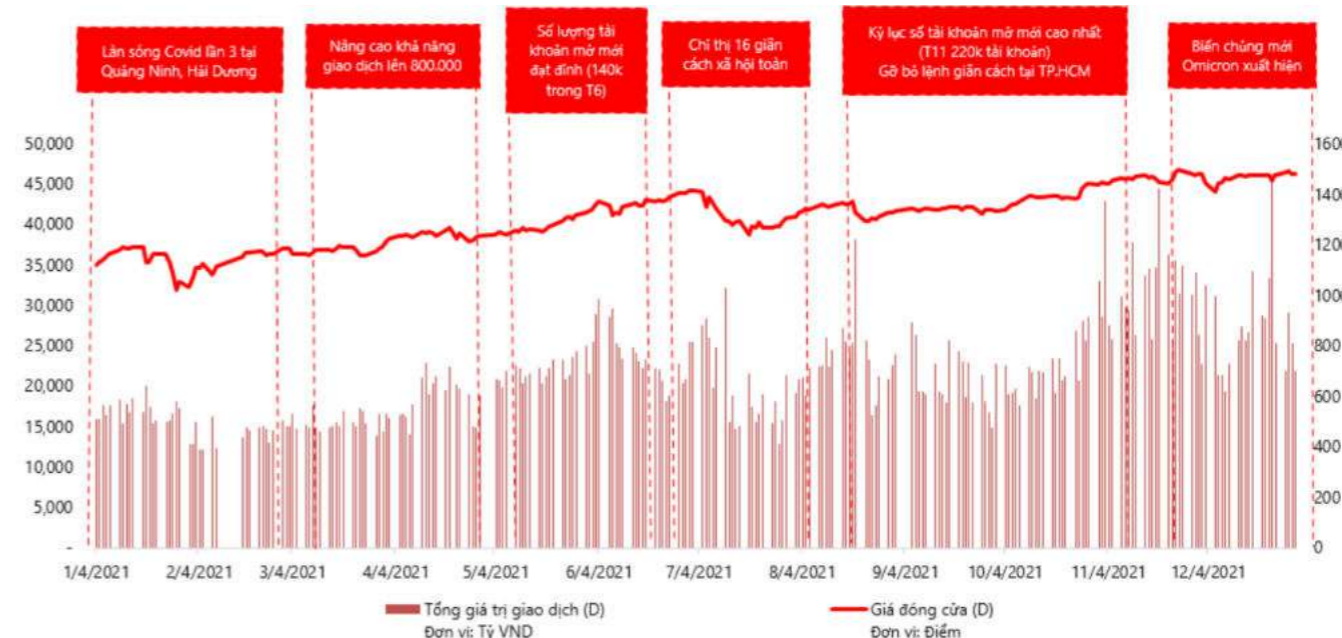
Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2021 tiếp tục tăng trưởng mạnh và có nhiều biến động. Thị trường liên tục xác lập những kỷ lục mới về chỉ số, thanh khoản và số lượng nhà đầu tư tham gia.

- **Chỉ số chứng khoán:** VNIndex đóng cửa ở mức 1.498,28 điểm, tăng gần 36% so với cuối năm trước (1.103,87 điểm). HNX-Index và Upcom-Index lần lượt đóng cửa ở mức 473,99 điểm và 112,68 điểm, tăng tương ứng 133% và 51% so với cuối năm 2020 (203,12 điểm và 74,45 điểm). VN-Index đạt mức cao nhất 1.500,81 điểm tại phiên giao dịch ngày 25/11/2021.
- **Thanh khoản thị trường:** Giá trị giao dịch cổ phiếu bình quân trên cả 3 sàn trong năm 2021 đạt mức 26.799 tỷ đồng/phiên, tăng hơn 260% so với năm 2020 (7.435 tỷ đồng). Trong đó, ngày 19/11/2021, thị trường ghi nhận phiên giao dịch kỷ lục với giá trị hơn 56.100 tỷ đồng.
- **Quy mô thị trường:** Số lượng tài khoản mở mới trong năm đạt hơn 1,5 triệu tài khoản chứng khoán, cao hơn 3 lần so với năm 2020 (400.000 tài khoản), đưa tổng số tài khoản chứng khoán toàn thị trường lên mức 4,3 triệu tài khoản, tăng 56% so với cuối năm 2020, chiếm 4,4% dân số. Tính đến ngày 28/12/2021, mức vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 7.729 nghìn tỷ đồng, tăng 46% so với cuối năm 2020 (5.294 nghìn tỷ đồng), tương đương 122,8% GDP năm 2020 (93% GDP năm 2020 điều chỉnh).

Luân chuyển dòng tiền là xu thế chủ đạo. Cổ phiếu ngân hàng dẫn dắt thị trường trong 06 tháng đầu năm 2021 trong khi cổ phiếu bất động sản khuấy động chỉ số trong 03 tháng cuối năm 2021. Đà tăng của nhóm cổ phiếu ngân hàng trong nửa đầu năm chủ yếu được hỗ trợ bởi kết quả kinh doanh tích cực và đột biến của các ngân hàng thương mại như TCB, MBB, STB, ACB & VIB với mức tăng trưởng lợi nhuận trên 50%. Nhiều ngân hàng quy mô nhỏ công bố mức tăng trưởng lợi nhuận ba chữ số. Nhóm Tài nguyên cơ bản cũng tăng trưởng mạnh nhờ giá thép tăng (HPG, NKG, vv.) nhưng bắt đầu hạ nhiệt khi giá thép đảo chiều từ tháng 10.

Trong nửa sau năm 2021, cổ phiếu bất động sản thu hút dòng tiền nhờ kỳ vọng tăng tốc giải ngân đầu tư công vào các dự án cơ sở hạ tầng từ năm 2022. Ngoài ra, phiên đầu giá kỷ lục tại khu vực Thủ Thiêm trong tháng 12 giúp các cổ phiếu bất động sản đạt mức đỉnh cao mới. Chỉ số VN-SML tăng trưởng mạnh mẽ về tỷ trọng vốn hóa toàn thị trường từ 3% lên 6% trong những tháng cuối năm 2021. Công nghệ thông tin, Công nghiệp, Vật liệu là những nhóm ngành tăng điểm chính với sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu thép. Trong nhóm VN30, SSI, PDR, NVL là những mã tăng mạnh nhất trong khi VNM, SAB, BVH là những cổ phiếu giảm mạnh nhất. Khối ngoại duy trì vị thế bán ròng với tổng giá trị 57,8 nghìn tỷ đồng trong năm 2021. Tuy nhiên, giá trị bán ròng tại Việt Nam vẫn thấp hơn trung bình các nước Châu Á khác.

Diễn biến của chỉ số VN-Index trong năm 2021



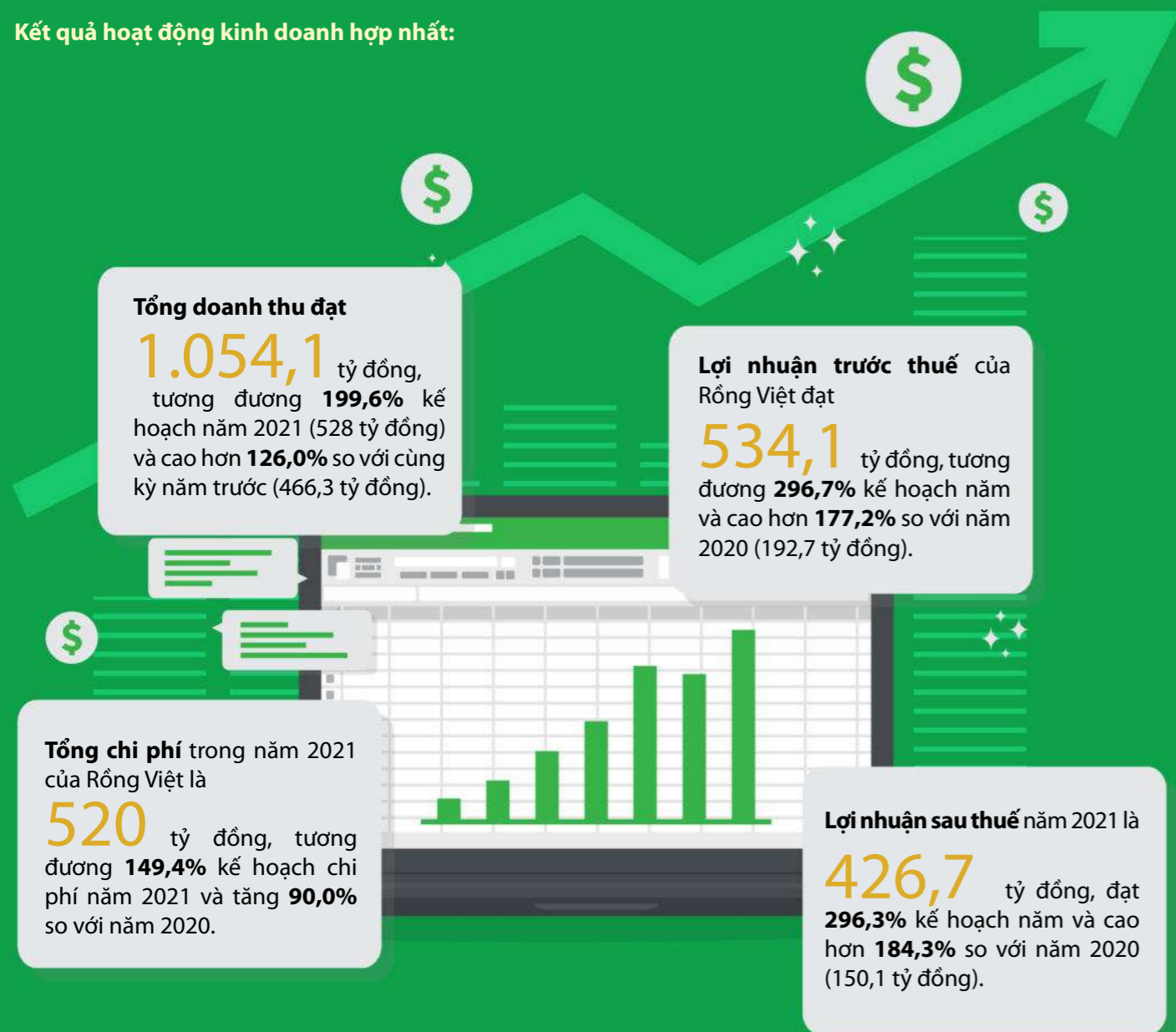


II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021

Kể từ khi đại dịch COVID-19 xuất hiện vào năm 2020 đến nay, tình hình kinh tế và thị trường chứng khoán Việt Nam đã chịu nhiều tác động và diễn biến khó lường. Tuy vậy, với định hướng chiến lược rõ ràng, sự linh hoạt và thích ứng nhanh chóng với điều kiện kinh doanh cũng như tận dụng tốt các cơ hội trên thị trường, năm 2021 Rồng Việt đã đạt được kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt bậc và ấn tượng.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:



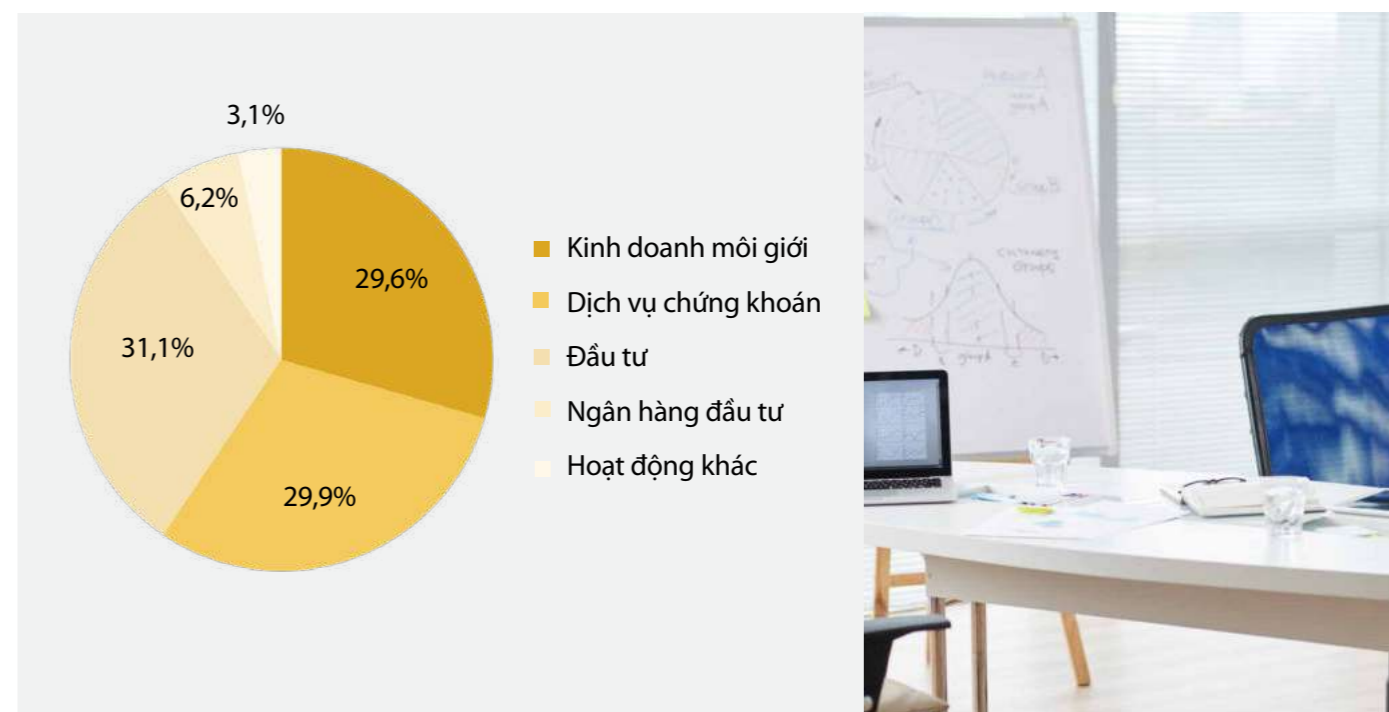
ĐÂY LÀ MỨC TĂNG TRƯỞNG VƯỢT BẬC VÀ LÀ MỨC KỶ LỤC CỦA RỒNG VIỆT KỂ TỪ KHI THÀNH LẬP ĐẾN NAY, ĐÁNH DẤU BƯỚC CHUYỂN MÌNH TÍCH CỰC CHO GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN MỚI.



| Chỉ tiêu (tỷ VNĐ) | KH 2021 | TH 2021 | % TH/KH | 2020 | + / (-) % 2021/2020 |
|---------------------|---------|---------|---------|-------|---------------------|
| Tổng doanh thu | 528,0 | 1.054,1 | 199,6% | 466,3 | 126,0% |
| Kinh doanh Môi giới | 130,3 | 314,3 | 241,2% | 105,8 | 197,2% |
| Dịch vụ chứng khoán | 237,7 | 307,5 | 129,4% | 197,0 | 56,1% |
| Đầu tư | 90,0 | 62,7 | 125,5% | 18,5 | 239,4% |
| Ngân hàng đầu tư | 50,0 | 328,2 | 364,7% | 131,1 | 150,3% |
| Hoạt động khác | 20,0 | 41,3 | 206,4% | 13,9 | 197,2% |
| Tổng chi phí | 348,0 | 520,0 | 149,4% | 273,7 | 90,0% |
| Tổng LN trước thuế | 180,0 | 534,1 | 296,7% | 192,7 | 177,2% |
| CP thuế TN | 36,0 | 107,3 | 298,1% | 42,6 | 151,9% |
| Lợi nhuận sau thuế | 144,0 | 426,7 | 296,3% | 150,1 | 184,3% |

Từ đầu năm 2021, Rồng Việt chính thức có thêm công ty con là CTCP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long (Việt Long) – nhằm hoàn thiện hệ sinh thái tài chính, đầu tư mà Rồng Việt đang hướng đến.

Cơ cấu doanh thu hợp nhất năm 2021:





II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động Kinh doanh môi giới (KDMG) chứng khoán

Doanh thu hoạt động KDMG năm 2021 đạt **314,3 tỷ đồng**, hoàn thành **241%** kế hoạch năm và tăng trưởng mạnh **214%** so với năm 2020.

Giá trị giao dịch:

Năm 2021, tổng giá trị giao dịch qua Rồng Việt là hơn 187 nghìn tỷ đồng (khoảng 8,1 tỷ USD), giá trị giao dịch cổ phiếu bình quân/phiên của Rồng Việt là 747,8 tỷ đồng, tăng 221,7% so với năm trước (232 tỷ đồng).

Giá trị giao dịch cổ phiếu toàn thị trường bình quân phiên trong năm 2021 đạt hơn 26.799,5 tỷ đồng, tăng 261% so với năm 2020 (7.435 tỷ đồng).

Thị phần: Thị phần của Rồng Việt cả năm 2021 đạt mức 1,39%

| Thị phần | 2021 | 2020 | + / (-) % 2021/2020 |
|-----------------|--------------|--------------|------------------------|
| Thị phần | 1,39% | 1,56% | (10,78%) |
| HSX | 1,43% | 1,41% | 0,96% |
| HNX | 0,90% | 1,62% | (44,23%) |
| Upcom | 1,87% | 3,70% | (49,33%) |

Phát triển khách hàng: Tính đến cuối năm 2021, số lượng tài khoản tại Rồng Việt đạt 98.450 tài khoản, tăng trưởng 13.986 tài khoản (16,6%) so với cuối năm 2020 (84.464 tài khoản), chiếm khoảng 2,3% tổng số lượng tài khoản trên toàn thị trường (4,31 triệu tài khoản).

Giá trị NAV của KH tại Rồng Việt đạt hơn **73.110 tỷ đồng** tại thời điểm cuối năm 2021, tăng trưởng 97% so với đầu năm là 37.047 tỷ đồng.



Các hoạt động hỗ trợ Kinh doanh môi giới:

01 Tư vấn đầu tư khách hàng cá nhân (TVCN):

Năm 2021 mặc dù bị ảnh hưởng do tình hình giãn cách xã hội, hoạt động TVCN vẫn duy trì tốt và ổn định hai mảng chính là thuyết trình café sáng và bản tin (bao gồm bản tin phái sinh cuối ngày và bản tin sáng), cũng như các hoạt động hỗ trợ tư vấn hàng ngày đối với các đơn vị kinh doanh môi giới.

Bản tin sáng (Góc môi giới) và Bản tin phái sinh: Vẫn duy trì đều đặn, nội dung liên tục được tối giản theo định hướng mới. Đặc biệt với Bản tin sáng chỉ tập trung phân tích, theo dõi và tư vấn trên một số lượng nhất định cổ phiếu (khoảng 200 mã), đồng thời ưu tiên cho việc tư vấn mua – bán cụ thể (từ khi mở vị thế cho đến khi đóng vị thế) và theo dõi, cập nhật hiệu quả của việc tư vấn.

02 Phân tích và tư vấn đầu tư (PT&TVĐT):

Bên cạnh việc phát hành báo cáo chiến lược định kỳ tháng và các nhật ký chuyên viên được cập nhật hàng ngày, hoạt động PT&TVĐT cũng đã phát hành các báo cáo công ty cụ thể.

Báo cáo Phân tích doanh nghiệp duy trì chất lượng và được đánh giá cao. Một số doanh nghiệp có đề xuất đặt hàng viết báo cáo phân tích nhằm phục vụ nhu cầu riêng của khách hàng. Các bài phân tích của Rồng Việt thường xuyên được các phương tiện truyền thông trích dẫn.

Phối hợp cùng Khối KHTC tổ chức các buổi tiếp xúc với doanh nghiệp niêm yết, tạo điều kiện để các NĐT tổ chức có thể trao đổi và cập nhật thông tin với doanh nghiệp.

Thực hiện các buổi thuyết trình, trình bày ý tưởng đầu tư cho khách hàng là các NĐT tổ chức, cùng với các buổi cafe sáng trao đổi thông tin với khối KH cá nhân và các buổi họp trao đổi thông tin doanh nghiệp với Khối KHTC vào buổi chiều.

Trong tháng 12/2021, Rồng Việt đã phát hành báo cáo quan trọng nhất của năm là báo cáo “Chiến lược đầu tư năm 2022” cung cấp các thông tin định hướng cơ hội đầu tư cho năm 2022.



03 Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm:

Nhằm mục tiêu cung cấp những giải pháp, công cụ tài chính và sản phẩm đầu tư phù hợp, mang lại hiệu quả tốt nhất cho khách hàng, Rồng Việt không ngừng đầu tư nghiên cứu và phát triển các sản phẩm mới nhằm mang lại trải nghiệm tối ưu nhất cho Khách hàng. Cụ thể như:

Sản phẩm công nghệ:

Nhóm sản phẩm iDragon: thường xuyên cập nhật thay đổi giúp KH gia tăng các trải nghiệm sử dụng dịch vụ tiện lợi và nhanh chóng.

Nhóm sản phẩm goDragon: cung cấp các công cụ gia tăng tiện ích và tăng cường bảo mật trong công tác quản lý tài khoản của KH. Trong đó, dịch vụ mở tài khoản trực tuyến sử dụng công nghệ định danh điện tử (eKYC) giúp KH mở tài khoản giao dịch CK tại Rồng Việt nhanh chóng và thuận tiện để KH tiếp cận sản phẩm - dịch vụ của Rồng Việt thuận lợi nhất.

Nhóm sản phẩm liveDragon: Ngoài Bảng giá tiêu chuẩn dành cho KH chưa có tài khoản, Bảng giá Premium dành cho KH có tài khoản tại Rồng Việt được nâng cấp nội dung với Bảng giá khuyến nghị để tổng hợp thông tin khuyến nghị được cập nhật hàng tuần, giúp KH nắm bắt các cơ hội đầu tư, điểm nhấn đầu tư, báo cáo đính kèm và chỉ số tài chính liên quan. Bên cạnh đó, cuối năm 2021 Rồng Việt tiếp tục triển khai bảng giá Lite tinh gọn với tốc độ tải vượt trội và tương thích cho nhiều thiết bị từ máy tính xách tay, máy tính bảng, điện thoại di động. Điểm nhấn của bảng giá này là giao diện trực quan, trẻ trung, nhiều sự lựa chọn cho người dùng.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH (TIẾP THEO)

Các hoạt động hỗ trợ Kinh doanh môi giới (tiếp theo):

03 Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm (tiếp theo):

Sản phẩm công nghệ (tiếp theo):

Nhóm sản phẩm brokerDragon: Hỗ trợ đội ngũ chăm sóc KH với những tính năng quản lý thông tin, thấu hiểu những vấn đề của KH để có thể có những cách thức hỗ trợ KH được nhanh chóng và hiệu quả. Nhóm sản phẩm nDragon và smart OTP cũng đã được triển khai vào dịp cuối năm 2021, theo đó KH được nhận tin nhắn từ ứng dụng trên điện thoại di động mà không cần đăng ký dịch vụ SMS, KH được sử dụng mật khẩu được tạo trên ứng dụng giao dịch iDragon mà không phải sử dụng thẻ OTP vật lý.

Nhóm sản phẩm nDragon và smart OTP cũng đã được triển khai vào dịp cuối năm 2021, theo đó KH được nhận tin nhắn từ ứng dụng trên điện thoại di động mà không cần đăng ký dịch vụ SMS, KH được sử dụng mật khẩu được tạo trên ứng dụng giao dịch iDragon mà không phải sử dụng thẻ OTP vật lý.

Sản phẩm Đầu tư:

Sản phẩm SmartDragon iBot thử nghiệm: đưa ra các tư vấn và khuyến nghị tự động đến KH. Dựa trên nền tảng phương pháp luận của hệ thống đầu tư SmartDragon, SmartDragon iBot giúp KH thuận tiện hơn trong quá trình trải nghiệm, tra cứu các tính năng nổi bật của hệ thống, từ đó hỗ trợ việc ra quyết định của KH tốt, nhanh chóng hơn. Ngoài ra, Bộ sản phẩm về danh mục đầu tư cơ bản đã hoàn thiện để chuẩn bị cung cấp cho các đơn vị kinh doanh và khách hàng trong tháng 2/2022.

Hoạt động Dịch vụ chứng khoán

| Chỉ tiêu (tỷ VNĐ) | KH 2021 | TH 2021 | % TH/KH | 2020 | + / (-) % 2021/2020 |
|-------------------------|---------|---------|---------|-------|---------------------|
| Doanh thu | 237,7 | 307,5 | 129% | 197,0 | 56% |
| Dư nợ cho vay bình quân | 1.980 | 2.561 | 129% | 1.618 | 58% |

Năm 2021, tổng doanh thu hoạt động DVCK là 307,5 tỷ đồng, đạt 129% kế hoạch năm và tăng trưởng 56% so với năm trước. Sự sôi động và phát triển của thị trường chứng khoán năm 2021 làm gia tăng nhu cầu sử dụng dịch vụ cho vay ký quỹ. Tại Rồng Việt, dư nợ cho vay ký quỹ bình quân tăng 43% so với năm 2020, cụ thể tăng từ 1.501 tỷ đồng lên 2.150 tỷ đồng. Dư nợ cho vay ứng trước bình quân năm 2021 tăng trưởng đến 251% so với năm 2020 (từ mức 117 tỷ đồng lên 411 tỷ đồng).

Với sự bùng nổ của thị trường chứng khoán trong năm 2021, các Công ty chứng khoán đang liên tục đưa ra các chính sách ưu đãi về lãi suất margin và các ưu đãi khác để thu hút khách hàng cho các sản phẩm và dịch vụ của mình. Tuy nhiên, với quan điểm cần đảm bảo an toàn nguồn vốn và cân đối lợi ích cho Khách hàng, Rồng Việt vẫn duy trì những bước đi cẩn trọng, hài hòa lợi ích giữa các bên và hạn chế phát sinh rủi ro.



Hoạt động Ngân hàng đầu tư (IB)

Với những định hướng chiến lược từ Hội đồng Quản trị, hoạt động IB của Rồng Việt đã xác định được hướng đi đúng đắn từ năm 2020 và tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng ấn tượng trong năm 2021. Doanh thu IB năm 2021 đạt 62,7 tỷ đồng, hoàn thành 125% kế hoạch năm và tăng trưởng 239% so với năm trước.

| Chỉ tiêu (tỷ VNĐ) | KH 2021 | TH 2021 | % TH/KH | 2020 | + / (-) % 2021/2020 |
|-----------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|---------------------|
| Doanh thu | 50,0 | 62,7 | 125% | 18,5 | 239% |
| DT bảo lãnh phát hành | 25,0 | 55,8 | 223% | 13,2 | 323% |
| DT tư vấn TCDN | 6,0 | 6,6 | 110% | 5,0 | 32% |
| DT tư vấn M&A | 19,0 | 0,3 | 2% | 0,1 | 323% |
| DT tư vấn khác | - | - | - | 0,2 | - |

Năm 2021, hoạt động IB tiếp tục được củng cố và tăng trưởng ở mọi khía cạnh từ đội ngũ nhân sự, công tác phát triển khách hàng, số lượng hợp đồng mới, doanh thu và lợi nhuận. Trong đó, công tác phát triển khách hàng được đẩy mạnh cho toàn bộ các mảng nghiệp vụ gồm tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn M&A, bảo lãnh phát hành và thu xếp vốn.



01 Công tác phát triển khách hàng: Trong năm 2021, hoạt động IB đã phát triển mới và ký được nhiều hợp đồng mới với nhiều doanh nghiệp lớn trong và ngoài nước. Ngoài ra, hoạt động phát triển kinh doanh của IB tiếp tục củng cố, xây dựng và phát triển mối quan hệ với khá nhiều định chế tài chính, định chế đầu tư lớn trong và ngoài nước.

02 Tư vấn Tài chính doanh nghiệp (TCDN): khá nhiều dự án đã được thực hiện trong năm 2021 bao gồm các thương vụ liên quan đến tư vấn chào mua công khai cổ phiếu, tư vấn phát hành trái phiếu riêng lẻ, tư vấn đăng ký giao dịch cổ phiếu, tư vấn chuyển sàn niêm yết cho nhiều mã cổ phiếu. Bên cạnh đó, nhiều dự án sẽ được đẩy mạnh triển khai trong thời gian tới, nổi bật là các thương vụ tư vấn IPO và niêm yết cổ phiếu trên SGDCK.

03 Thu xếp vốn và bảo lãnh phát hành trái phiếu: Tiếp nối thành công trong việc vận hành hệ thống kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) đã xây dựng từ năm 2020, trong năm 2021, Rồng Việt đã tư vấn và thu xếp được khoảng 1.500 tỷ đồng trái phiếu từ nhiều doanh nghiệp, đem lại nguồn thu nhập lớn, chiếm hơn 84% tổng doanh thu IB của Rồng Việt trong năm 2021.

Tư vấn M&A: Trong năm đã tư vấn thành công cho nhiều dự án lớn với các đối tác thuộc nhiều lĩnh vực dược phẩm, công nghệ, năng lượng điện, ... Bên cạnh đó, một số dự án trong các lĩnh vực năng lượng tái tạo khác như điện mặt trời áp mái, thủy điện... cũng dự kiến hoàn thành trong năm sau. Ngoài ra, hoạt động M&A đã phát triển được nhiều danh mục khách hàng Sell-side tiềm năng, ký nhiều hợp đồng có giá trị lớn, mở ra cơ hội mang lại nguồn thu nhập lớn cho Rồng Việt trong năm 2022 và các năm tới.

Hoạt động Đầu tư

Năm 2021, doanh thu từ hoạt động đầu tư của Rồng Việt đạt 328,2 tỷ đồng, đạt 365% kế hoạch năm và tăng trưởng 150,3% so với cùng kỳ. Bên cạnh hoạt động đầu tư cổ phiếu, trong năm qua Rồng Việt đã tích cực đẩy mạnh hoạt động kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp, là một hướng đi mới giúp Rồng Việt đa dạng hóa sản phẩm đầu tư cũng như tạo kênh đầu tư mới cho Khách hàng.

Hoạt động tại các Chi nhánh

Với sự tăng trưởng vượt bậc của thị trường chứng khoán Việt Nam, hoạt động kinh doanh của các chi nhánh tiếp tục đạt được những bước phát triển rất tích cực và có hiệu quả, trong đó các Chi nhánh Hà Nội và Chi nhánh Cần Thơ đạt mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ấn tượng.



III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm 2021, Rồng Việt đã thực hiện các khoản đầu tư cho nhiều mặt cả về kinh doanh, hạ tầng và cơ sở vật chất.



Kinh doanh

Đầu tháng 01/2021, Rồng Việt đã hoàn tất khoản đầu tư mua chi phối 51% cổ phần của Công ty Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long, tương ứng với số tiền 40,8 tỷ đồng. Đây là bước đi nhằm mở rộng sang lĩnh vực quản lý tài sản, hướng tới hoàn thiện hệ sinh thái về tài chính và đầu tư.



Hạ tầng công nghệ thông tin

Nhận thức được tầm quan trọng của hạ tầng công nghệ thông tin trong việc đảm bảo cho hệ thống vận hành ổn định và suôn sẻ, qua đó đảm bảo sự hài lòng và hiệu quả đầu tư của khách hàng, hàng năm Rồng Việt đều thông qua kế hoạch đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin. Khoản đầu tư này được sử dụng cho việc bảo trì, đầu tư mua mới thiết bị và hệ thống dự phòng, nâng cấp đường truyền, server, tường lửa... Tổng giá trị đầu tư cho hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin năm 2021 là 30 tỷ đồng.

Điều này thể hiện sự chú trọng và quan tâm đặc biệt của Rồng Việt đối với hệ thống cơ sở vật chất, đảm bảo lợi ích và an toàn của khách hàng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nữa nhu cầu đầu tư, giao dịch không ngừng gia tăng của khách hàng.



Cơ sở vật chất

Để đáp ứng nhu cầu mở rộng và phát triển của Công ty, trong năm 2021 Rồng Việt đã tiến hành mở rộng văn phòng làm việc tại Hội sở, thay đổi địa điểm làm việc của Chi nhánh Nha Trang, đồng thời thực hiện đổi mới văn phòng làm việc trên cả nước để đồng bộ với hình ảnh nhận diện thương hiệu mới. Việc cải thiện môi trường làm việc theo hướng văn phòng mở, tạo không gian làm việc linh hoạt, kiến tạo môi trường năng động giúp đội ngũ nhân sự gia tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc.

Tổng mức đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trong năm 2021 là hơn 5 tỷ đồng.

2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ

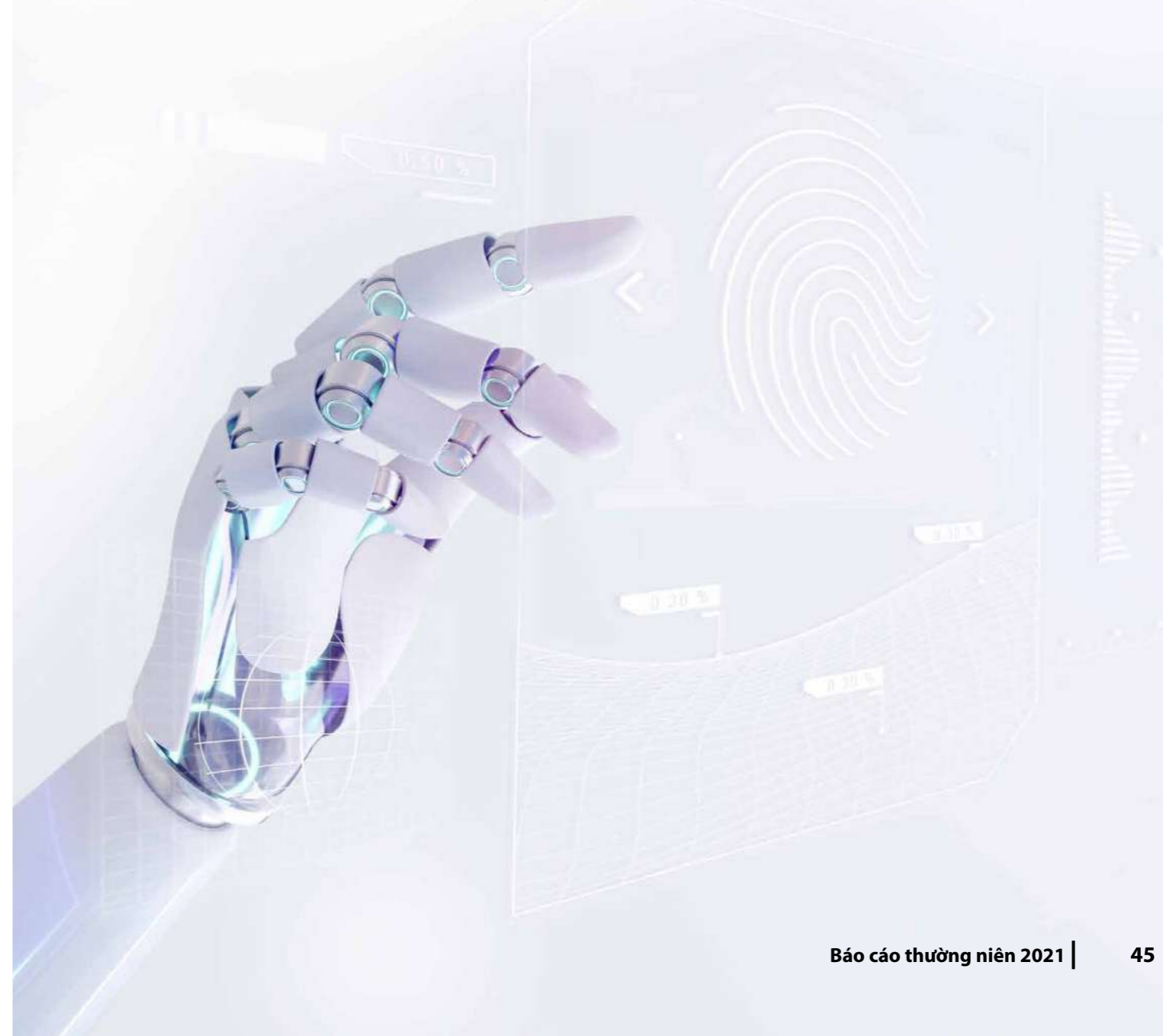
Năm 2021 là năm khởi đầu cho việc tăng cường đầu tư và triển khai theo lộ trình các dự án số hóa. Với 3 mục tiêu hướng đến là tối ưu hóa hệ thống vận hành, gia tăng trải nghiệm khách hàng và phát triển các mô hình kinh doanh mới, Rồng Việt đã xác định 22 sáng kiến số cần thực hiện và đang dần được triển khai thành các Dự án chuyển đổi số.

Trong quý 2/2021, Rồng Việt đã bắt đầu tiến hành thực hiện các dự án liên quan đến mục tiêu **tối ưu hóa hệ thống vận hành** (cụ thể: triển khai ứng dụng văn phòng Office 365 và phần mềm Quản trị nhân sự); tiếp đến là Dự án Xây dựng nền tảng dữ liệu toàn diện (Data warehouse) và dự án Xây dựng hệ thống báo cáo quản trị toàn diện - Business Intelligence (BI).

Trong nửa cuối năm 2021, Rồng Việt tiếp tục tiến hành thực hiện các dự án liên quan đến việc **gia tăng trải**

nh nghiệm số cho khách hàng, khởi đầu là tập trung vào việc phân tích các phân khúc khách hàng hiện hữu và các phân khúc khách hàng tiềm năng. Trên cơ sở đó, Rồng Việt sẽ triển khai các dự án nhằm xây dựng Hệ thống chăm sóc Khách hàng cá nhân và tổ chức đi kèm theo các ứng dụng robot tư vấn tự động, trung tâm thông báo tự động, chương trình đào tạo e-learning, hệ thống giao dịch ảo.

Bên cạnh đó, với mục tiêu **phát triển các mô hình kinh doanh mới**, dự án Phát triển nền tảng kinh doanh mới SmartDragon đã được triển khai nhằm xây dựng nền tảng mang tính học thuật kết hợp với thực tiễn, thể hiện triết lý đầu tư của Rồng Việt, sự thấu hiểu về văn hóa kinh doanh của người Việt, văn hóa trong tiêu dùng và quản lý tài chính của người Việt, hướng đến xây dựng cuộc sống thịnh vượng lâu dài cho cộng đồng đầu tư Việt Nam.



III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN CHUYỂN ĐỔI SỐ (TIẾP THEO)

3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CON

Với tầm nhìn và chiến lược kinh doanh mới, từ đầu năm 2021, Rồng Việt chính thức có thêm công ty con là CTCP Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long (Việt Long) – nhằm hoàn thiện hệ sinh thái tài chính, đầu tư mà Rồng Việt đang hướng đến.



Bên cạnh đó, Việt Long đang trong quá trình thực hiện tái cơ cấu công ty, kiện toàn đội ngũ, hoàn thiện hệ thống quản trị theo đúng các quy định của cơ quan quản lý nhà nước, đồng thời phù hợp với các thông lệ tiên tiến của ngành quản lý tài sản, cụ thể là:

- Xây dựng, ban hành và giám sát việc tổ chức thực hiện các quy chế phục vụ việc quản trị công ty, bao gồm chính sách Quản trị rủi ro.
- Xây dựng, ban hành và giám sát việc tổ chức thực hiện các chính sách, quy chế, quy trình nghiệp vụ.
- Xây dựng và ban hành các chính sách, cấu trúc sản phẩm và hợp đồng liên quan đến các sản phẩm dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Ngoài ra, Việt Long cũng đang trong quá trình hoàn thiện hệ thống vận hành bằng việc (i) Tổ chức hệ thống cơ sở dữ liệu lưu trữ tập trung online; (ii) Ứng dụng sử dụng các phần mềm tiên tiến, hàm lượng công nghệ cao phục vụ cho việc vận hành công việc hàng ngày; (iii) tham gia ngay từ đầu và kết hợp chặt chẽ với các dự án chuyển đổi số của Rồng Việt.



III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

| STT | CHỈ TIÊU (tỷ VNĐ) | 31/12/2021 | 31/12/2020 | + / (-) % 2021/2020 |
|--------------------------------------|-------------------------------------|--------------|--------------|------------------------|
| A | TÀI SẢN NGẮN HẠN | 3.920 | 2.515 | 55,9% |
| I. | Tài sản tài chính | 3.909 | 2.512 | 55,6% |
| 1 | Tiền và tương đương tiền | 474 | 582 | (18,7)% |
| 2 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 613 | 497 | 23,2% |
| 3 | Các khoản cho vay và dự phòng | 2.656 | 1.410 | 88,4% |
| 4 | AFS | 148 | - | - |
| 5 | Khác | 19 | 23 | (14,7)% |
| II. | Tài sản ngắn hạn khác | 11 | 3 | 280,8% |
| B | TÀI SẢN DÀI HẠN | 113 | 53 | 111,2% |
| I. | Tài sản tài chính dài hạn | 25 | - | - |
| II. | Tài sản cố định | 36 | 19 | 87,1% |
| III. | Tài sản dài hạn khác | 52 | 34 | 51,8% |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 4.033 | 2.568 | 57,0% |
| A. | NỢ PHẢI TRẢ | 2.387 | 1.403 | 70,2% |
| I. | Nợ phải trả ngắn hạn | 2.323 | 1.390 | 67,1% |
| | Vay ngắn hạn | 241 | 70 | 247,0% |
| | Trái phiếu phát hành ngắn hạn | 1.938 | 1.207 | 60,6% |
| | Nợ ngắn hạn khác | 144 | 114 | 25,9% |
| II. | Nợ phải trả dài hạn | 64 | 12 | 420,0% |
| B. | VỐN CHỦ SỞ HỮU | 1.646 | 1.166 | 41,2% |
| TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VCSH | | 4.033 | 2.568 | 57,0% |

So với cuối năm 2020:

Về cơ cấu tài sản

Tổng tài sản đạt **4.033** tỷ đồng, tăng **57%**, trong đó:

- Các khoản cho vay (margin và ứng trước) đạt **2.656** tỷ đồng, tăng **88,4%**;
- Các khoản đầu tư (Cổ phiếu và Trái phiếu doanh nghiệp) đạt **613** tỷ đồng, tăng **23,2%**;
- Tiền và tương đương tiền đạt **474** tỷ đồng, giảm **18,7%**

Về cơ cấu nguồn vốn:

Nợ phải trả (chủ yếu là trái phiếu do Rồng Việt phát hành) là **2.387** tỷ đồng, tăng **70%**;

Vốn chủ sở hữu đạt **1.646** tỷ đồng, tăng **41,2%**



III. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| Chỉ tiêu (tỷ VNĐ) | 2021 | 2020 | + / (-) % 2021/2020 |
|-------------------------------------------------|--------|--------|------------------------|
| Cơ cấu tài sản | | | |
| TS ngắn hạn/ Tổng tài sản | 97,20% | 97,92% | (0,7)% |
| TS dài hạn/ Tổng tài sản | 2,80% | 2,08% | 34,6% |
| Cơ cấu nguồn vốn | | | |
| Nợ phải trả/ Tổng tài sản | 59,19% | 54,62% | 8,4% |
| Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản | 40,81% | 45,38% | (10,1)% |
| Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu | 1,45 | 1,20 | 20,9% |
| Tỷ suất lợi nhuận | | | |
| Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROAa) | 12,93% | 6,17% | 109,5% |
| Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROEa) | 30,36% | 13,58% | 123,6% |
| Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ | 40,60% | 15,00% | 170,7% |
| Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần | 41,75% | 33,03% | 26,4% |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu EPS (VNĐ) | 4.050 | 1.500 | 170,0% |
| Giá trị sổ sách mỗi cổ phần - BVPS (đồng) | 15.659 | 11.644 | 34,5% |



Đối với cơ cấu tài sản: Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng chủ yếu (97,2%) trong tổng tài sản. Trong năm 2021, ghi nhận mức tăng lên đáng kể (55,9%) của tài sản ngắn hạn. Trong đó, mức tăng chủ yếu từ hoạt động ứng trước và margin. Tuy dư nợ cho vay tăng mạnh nhưng tỷ lệ dư nợ cho vay/vốn chủ sở hữu và tỷ lệ an toàn tài chính của Rồng Việt luôn duy trì trong hạn mức cho phép của theo quy định của Bộ Tài Chính.



Đối với nợ phải trả và nguồn vốn: Nợ phải trả tăng 70,2% so với năm 2020. Trong đó, nguồn tăng chủ yếu đến từ trái phiếu Rồng Việt phát hành tăng so với năm 2020, chiếm tỷ trọng 83,4% nợ phải trả ngắn hạn. Vốn chủ sở hữu tăng 41,2% so với năm 2020. Trong năm 2021, Rồng Việt tiến hành tăng vốn điều lệ từ 1.001 tỷ lên 1.051 tỷ đồng từ việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu. Ngoài ra, trong năm 2021, Rồng Việt đạt được mức tăng trưởng lợi nhuận vượt bậc, tăng 184% so với năm 2020 đã góp phần tăng khoản lợi nhuận chưa phân phối trên báo cáo tài chính.

Năm 2021, Rồng Việt tiếp tục duy trì các chỉ số tài chính tốt và ổn định. Trong đó, tỷ lệ an toàn tài chính là 583,7%, cao hơn nhiều so với quy định của Bộ Tài chính là 180%.

Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản bình quân (ROAa) và tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROEa) của Rồng Việt trong năm 2021 đạt lần lượt 12,93% và 30,36%, tăng trưởng lần lượt 109,5% và 123,6% so với năm 2020, nhờ sự tăng trưởng toàn diện và vượt bậc của tất cả các nghiệp vụ kinh doanh môi giới, cho vay, đầu tư và ngân hàng đầu tư. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ đạt 40,6%, đảm bảo tính hiệu quả trong việc sử dụng nguồn vốn của cổ đông và biên lợi nhuận ròng đạt 41,75%, tăng đáng kể so với năm 2020 (33,0%).

Nhờ hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả cao nên các chỉ số lợi nhuận ròng trên mỗi cổ phần (EPS) và giá trị sổ sách mỗi cổ phần (BVPS) đều đạt mức cao, tăng lần lượt 170% và 34,5% so với năm 2020.



CHƯƠNG 3

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI





I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

1. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh

Doanh thu

Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2021 của Rông Việt đạt mức cao kỷ lục từ khi thành lập với doanh thu đạt 1.054,08 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 426,74 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 126,05% và 184,3% so với cùng kỳ. Đồng thời, cấu trúc tài chính Công ty luôn được duy trì lành mạnh và đáp ứng các quy định về hệ số an toàn tài chính và quản trị rủi ro. Cụ thể:

Hoạt động đầu tư

Đạt 364,7% kế hoạch, tăng trưởng 150,3% so với 2020.

Hoạt động Dịch vụ chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2021 tăng trưởng mạnh dẫn đến nhu cầu sử dụng dịch vụ vay ký quỹ và ứng trước cũng tăng tương ứng. Nhờ vậy, doanh thu hoạt động DVCK của Rông Việt trong năm 2021 hoàn thành 129,4% kế hoạch năm và tăng 56,1% so với năm 2020. Rông Việt luôn chú trọng tuân thủ các quy định về hạn mức cho vay và có các chính sách cho vay thận trọng nhằm giúp hạn chế rủi ro cho khách hàng và Công ty. Bên cạnh đó, Công ty liên tục cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ để đáp ứng các nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Hoạt động môi giới

Ngoài các thuận lợi khách quan khi thanh khoản thị trường chứng khoán tăng mạnh trong năm 2021, Ban điều hành Rông Việt còn bổ sung các chương trình khuyến khích phát triển khách hàng và thúc đẩy doanh số. Nhờ vậy, kết quả doanh thu môi giới năm 2021 đã tăng trưởng mạnh, đạt 241,2% kế hoạch năm và tăng hơn 197,2% so với năm 2020.

Doanh thu IB

Tiếp nối thành công của năm 2020 từ hoạt động thu xếp vốn, tư vấn, thu xếp vốn và bảo lãnh phát hành trái phiếu riêng lẻ, trong năm 2021, doanh thu hoạt động IB tăng trưởng 239,4% so với năm 2020 và vượt 25,5% kế hoạch năm.



I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021 (tiếp theo)

1. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

Chi phí

Tổng chi phí hoạt động năm 2021 thực hiện bằng 149,4% kế hoạch năm và tăng 90% so với năm 2020. Trong đó, chi phí trực tiếp kinh doanh tăng 96% và chi phí quản lý tăng 46%.

Trong nhóm chi phí trực tiếp kinh doanh thì chi phí lãi vay, chi phí nhân viên và chi phí trả SGDK là những khoản chiếm tỷ trọng lớn, lần lượt tăng 76%, 137% và 206% so với năm trước. Các chi phí này tăng đồng biến với tỷ lệ tăng trưởng doanh thu của các mảng kinh doanh có liên quan.

Các khoản chi phí quản lý cao hơn kế hoạch 27%, trong đó chi phí nhân viên vượt 48% kế hoạch và tăng 67% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, sự tăng trưởng này phù hợp với định hướng của Ban lãnh đạo Công ty trong việc đẩy mạnh công tác chuyển đổi số nên cần thu hút thêm nhiều nhân sự có năng lực hợp tác cùng Rông Việt. Bên cạnh đó, việc thuê thêm diện tích văn phòng làm việc dẫn đến các chi phí sửa chữa cải tạo, tiền thuê văn phòng cũng tăng 33% so với năm trước. Ngoài ra, khoản chi phí hỗ trợ công tác phòng chống dịch Covid 19 với tổng giá trị đóng góp hơn 5,7 tỷ đồng cũng góp phần làm tăng chi phí quản lý trong kỳ.

Chi phí hoạt động đầu tư trong năm là âm (-) 18,05 tỷ đồng, đến từ việc hoàn nhập dự phòng đã trích (-39,4 tỷ đồng), ghi nhận một năm tích cực đối với danh mục đầu tư của Rông Việt.

Ngoài ra, nhờ công tác quản trị rủi ro chặt chẽ, trong năm 2021 Rông Việt tiếp tục không để phát sinh khoản dự phòng nợ xấu nào.

Nhờ tăng trưởng doanh thu và kiểm soát tốt chi phí nên hiệu quả kinh doanh hợp nhất năm 2021 của Rông Việt tăng cao. Lợi nhuận sau thuế tăng 184,3% so với năm 2020. ROAa đạt 12,9%, ROEa đạt 30,4%, EPS đạt 4.050 đồng/CP. Hiệu quả kinh doanh tích cực đã giúp giá trị cổ phiếu VDS tăng vượt trội từ mức giá 10.000 đồng lên hơn 35.000 đồng/cổ phiếu và giá trị vốn hóa của Rông Việt đạt hơn 3.600 tỷ đồng, tăng gấp 3,6 lần so với đầu năm 2021.

Thu nhập bình quân nhân viên tăng hơn 64% so với năm 2020. Năng suất lao động tăng vượt trội, lợi nhuận bình quân/nhân viên đạt gần 1,3 tỷ đồng/người (năm 2020 là 670 triệu đồng/người).

Trong năm 2021, Rông Việt cũng đã thực hiện nộp thuế cho NSNN tổng cộng 232 tỷ đồng, tăng hơn 200% so với năm 2020 (75 tỷ đồng).

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021 (tiếp theo)

1. Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh (tiếp theo)

Khách hàng

Tính đến cuối năm 2021, Rong Viet đang quản lý 98.450 tài khoản của khách hàng một cách an toàn và bảo mật, không xảy ra bất cứ một sự cố nào liên quan đến thông tin tài khoản khách hàng. Giá trị tài sản ròng (NAV) của khách hàng tại Rong Viet đạt hơn 73.100 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 97% so với đầu năm. Với mục tiêu gia tăng trải nghiệm khách hàng, Rong Viet chú trọng vào việc xây dựng hệ thống ghi nhận ý kiến phản hồi của khách hàng để nâng cao chất lượng của sản phẩm, dịch vụ. Rong Viet cũng liên tục chia sẻ thông tin thị trường qua các kênh truyền thông, cũng như thông qua các chương trình hội thảo nhằm mang lại các thông tin cập nhật và bổ ích cho nhà đầu tư. Việc thành lập Phòng Khách hàng trực tuyến để chuyên trách chăm sóc, phục vụ phân khúc khách hàng đại chúng, là một bước tiến mới trong việc tổ chức bộ máy phù hợp để phục vụ cho nhu cầu của từng phân khúc khách hàng. Trong năm 2021, sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp của Rong Viet đã được cải tiến theo hướng đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu đầu tư của từng nhóm khách hàng.

Quản trị nội bộ

Năm 2021, tập thể Rong Viet đã nỗ lực trong việc củng cố và hoàn thiện hệ thống các quy trình nội bộ nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu hoạt động. Công tác sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất, phương tiện làm việc cho toàn bộ Công ty và công tác tổ chức các sự kiện đã được chuẩn hóa theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả hơn. Hoạt động kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ được tăng cường với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ cũng như hạn chế các rủi ro trong hoạt động của toàn Công ty. Các hệ thống quản lý nội bộ như CNTT, PR, Hành chính, Nhân sự đang triển khai và từng bước đưa vào vận hành các dự án chuyển đổi số hướng đến mục tiêu tối ưu hóa hệ thống vận hành.

Học hỏi và phát triển

Rong Viet luôn hướng đến mục tiêu xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và văn hóa doanh nghiệp nhân văn, thu hút được những nhân sự có năng lực, nhiệt huyết đến hợp tác và làm việc, phát triển bản thân, phát triển sự nghiệp. Các chương trình đào tạo nội bộ, đào tạo chứng chỉ hành nghề, và đào tạo theo nhu cầu công việc được thực hiện bám sát kế hoạch. Ngoài ra, để thích ứng với tình hình giãn cách do ảnh hưởng của đại dịch cũng như nhận thấy đó cũng là xu thế trong tương lai, Rong Viet đã chú trọng đầu tư đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại vào kinh doanh cũng như quản trị điều hành.



I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021 (tiếp theo)

2. Đánh giá các mặt hoạt động khác

2.1. Công tác cải tiến quy trình và phương pháp quản trị điều hành

Cải tiến quy trình thông qua số hóa: Từ cuối năm 2020 và tiếp tục trong năm 2021, các đơn vị đã tài liệu hóa công việc bằng các cẩm nang, quy trình cụ thể. Rong Viet vẫn đang triển khai bước tiếp theo là số hóa được các quy trình này để có thể cập nhật thông tin kịp thời và cải tiến liên tục cho phù hợp với sự phát triển của thị trường.

Cùng với việc số hóa quy trình, Rong Viet cũng đang từng bước vận hành văn phòng không giấy, quản lý thông tin dữ liệu một cách có hệ thống và giảm thiểu khối lượng giấy tờ lưu trữ không cần thiết. Trong năm, Rong Viet đã tiến hành các bước sơ bộ để phân tích dự án phần mềm quản lý các quy trình nghiệp vụ (BPM) với mục tiêu cải tiến quy trình nội bộ & tin học hóa các bước công việc nhằm giảm bớt các công đoạn, thay thế các mẫu biểu, chứng từ giấy bằng chứng từ điện tử.

Ngoài ra, Rong Viet cũng đang hướng tới việc thay đổi phương thức quản trị điều hành theo hướng lấy năng suất và hiệu quả làm trọng tâm, từng bước chuẩn hóa công tác điều hành theo các tiêu chí KPIs (nhiều chỉ tiêu), OKRs (các chỉ tiêu trọng yếu).



2.2. Hoàn thiện hệ thống kiểm tra-kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro trên toàn hệ thống

Trong năm 2021, hoạt động Quản trị rủi ro (QTRR) có sự bổ sung nhân sự để tăng cường công tác QTRR. Các hoạt động đã được triển khai gồm: xây dựng mẫu báo cáo rủi ro mới, xây dựng lại bảng mô tả rủi ro của các đơn vị, xây dựng đề xuất số hóa đơn vị pháp chế, xây dựng Cẩm nang hướng dẫn văn hóa rủi ro trong doanh nghiệp.

Bên cạnh hoạt động KSNB&QTRR, hoạt động Kiểm toán nội bộ (KTNB) cũng đã được bổ sung nhân sự để tiến tới xây dựng một hệ thống kiểm tra, kiểm

soát toàn diện nhằm giảm thiểu tối đa các tổn thất có thể xảy ra. Năm 2021, hoạt động KTNB đã thực hiện kiểm toán đột xuất cho hoạt động cho vay margin của Phòng Dịch vụ tài chính, kiểm tra phân bổ chi phí kinh doanh và các hạn mức chi phí của Phòng Tài chính kế toán. Cùng với đó là công tác khảo sát mô hình hoạt động của toàn Công ty, rà soát và bổ sung câu hỏi mở rộng phục vụ cho việc chấm điểm xếp hạng rủi ro các đơn vị để lên kế hoạch kiểm toán năm 2022.

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021 (tiếp theo)

2. Đánh giá các mặt hoạt động khác (tiếp theo)

2.3. Các công tác hỗ trợ khác

Công tác tài chính kế toán và kế hoạch nguồn vốn:

Năm 2021 là năm bản lề áp dụng hàng loạt các quy định mới từ UBCK nên công tác báo cáo được yêu cầu đáp ứng biểu mẫu theo cả quy định mới và cũ. Trong kỳ, Phòng TCKT đã thực hiện cập nhật chính sách thuế, bổ sung quy trình thanh toán với nhà cung cấp nước ngoài góp phần hoàn thiện cẩm nang Tài chính kế toán (TCKT). Ngoài ra, theo tiến trình chuyển đổi số của Công ty, công tác TCKT đã tham gia các dự án BI, Datawarehouse, tiếp xúc với các nhà cung cấp công nghệ để tìm các giải pháp cải tiến & hỗ trợ hoạt động thanh toán nội bộ, quản lý hóa đơn, nâng cấp phần mềm kế toán cũng như đề xuất kết nối các phần mềm nội bộ khác tại Công ty.

Trong năm 2021, công tác quản trị nguồn vốn đã phát hành thành công 11 đợt trái phiếu Rong Viet với tổng giá trị huy động mới trong kỳ hơn 2.020 tỷ đồng (gồm kỳ hạn 1 năm và 2 năm), là nguồn vốn quan trọng phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh nguồn trái phiếu, hoạt động quản trị nguồn vốn đã tích cực phát triển nguồn vốn vay từ các tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài với tổng hạn mức tín dụng khoảng 800 tỷ đồng (tăng 60% cuối năm 2020 là 500 tỷ đồng).

Nâng cấp hệ thống giao dịch

Ngay từ đầu năm 2021, Rong Viet đã cho ra mắt hệ thống giao dịch chứng khoán iDragon với các tính năng mới và tối ưu hóa tốc độ giao dịch của khách hàng và phù hợp với sự thay đổi hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp

Trong năm, bộ quy tắc Văn hóa ứng xử của Rong Viet đã được ban hành với mục tiêu cung cấp những nguyên tắc ứng xử và nền tảng văn hóa để tất cả thành viên Rong Viet học hỏi và áp dụng.

Đổi mới nhận diện thương hiệu:

Ngày 21/12/2021, nhân sự kiện kỷ niệm 15 năm thành lập của Công ty, Rong Viet đã giới thiệu logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới cùng slogan **"Kiến tạo tương lai thịnh vượng"**. Hệ thống nhận diện mới của Rong Viet sử dụng 3 tông màu đỏ - vàng - xanh. Trong đó, màu đỏ là chủ đạo, thể hiện sự nhiệt huyết, quyết liệt; màu vàng tượng trưng cho sự thịnh vượng và màu xanh mang ý nghĩa phát triển bền vững. Việc thay đổi nằm trong chiến lược nâng tầm thương hiệu, đánh dấu bước chuyển mình của Rong Viet trong hành trình hướng đến tầm nhìn trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu, hiện đại và hiệu quả nhất Việt Nam. Nhận diện thương hiệu mới theo đó truyền tải đầy đủ các ý nghĩa, tinh thần và tâm thế của Rong Viet cho một giai đoạn phát triển mới với chiến lược dài hạn.



I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021 (tiếp theo)

2. Đánh giá các mặt hoạt động khác (tiếp theo)

2.3. Các công tác hỗ trợ khác (tiếp theo)

Nâng cấp và cải thiện môi trường làm việc:

Năm 2021, Công ty đã tiến hành mở rộng văn phòng làm việc tại Hội sở, chuyển đổi địa điểm làm việc của Chi nhánh Nha Trang, đồng thời thực hiện đồng bộ hình ảnh nhận diện thương hiệu tại các văn phòng Công ty trên toàn quốc. Việc cải thiện môi trường làm việc và cập nhật các chính sách phúc lợi cho nhân viên nhằm mục tiêu duy trì nguồn nhân lực hiện hữu và thu hút thêm được nguồn nhân lực chất lượng mới nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng và phát triển trong tương lai.

Một số giải thưởng nổi bật trong năm 2021 của Rong Viet



Giải thưởng Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh năm 2021 (Fast Enterprise Category) do Asia Pacific Enterprise Awards (Giải thưởng Kinh doanh xuất sắc Châu Á) trao tặng nhằm vinh danh những doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng doanh thu, khách hàng, mạng lưới,... vượt bậc trong những năm gần đây.



Top 5 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất năm 2021 - Nhóm vốn hóa nhỏ, ghi nhận những nỗ lực của Rong Viet trong việc tuân thủ các quy định về quản trị công ty minh bạch, công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, bảo vệ sự công bằng và quyền lợi của cổ đông, cũng như áp dụng các thông lệ tốt của quốc tế về quản trị công ty.



Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất và Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lợi nhuận tốt nhất năm 2021 (PROFIT500) do Vietnam Report và Báo VietnamNet phối hợp công bố.





II. Tài chính



1. Tình hình tài sản

So sánh với năm 2020, giá trị tổng tài sản Rông Việt tăng 57%. Trong đó, tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm 97% tỷ trọng tổng tài sản Rông Việt và tăng 55,9% so với năm 2020, cụ thể tỷ trọng tiền và các khoản tương đương tiền giảm 18,7% so với năm 2020 nhưng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 23,2% và khoản cho vay margin và ứng trước tăng 88,4%.

Trong năm 2021, Rông Việt đẩy mạnh hoạt động cho vay margin từ nguồn vốn trái phiếu tự phát hành, cụ thể danh mục cho vay hoạt động margin tăng 178% so với năm 2020. Bên cạnh đó, do sự hoàn thiện hệ thống iDragon nên hoạt động ứng trước tiền bán cho khách hàng cũng được thực hiện dễ dàng hơn và tăng 235% so với năm 2020.

Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn, chủ yếu đến từ hoạt động mua bán cổ phiếu và trái phiếu, trong năm 2021, giao dịch cổ phiếu diễn ra sôi nổi trên toàn thị trường và hoạt động tự doanh cổ phiếu cũng góp phần tạo nên lợi nhuận lớn trong năm 2021 của Rông Việt. Bên cạnh hoạt động đầu tư cổ phiếu, Rông Việt cũng chọn cho mình các nguồn tài sản đảm bảo mang tính sinh lời ổn định và an toàn khác là trái phiếu phát hành từ các đối tác lớn và đáng tin cậy.

Đối với dự phòng các khoản đầu tư và tài sản thế chấp tại Rông Việt, Rông Việt vẫn duy trì mức dự phòng tương đương năm 2020, không phát sinh thêm các khoản nợ xấu nào trong năm 2021.

Tình hình tài sản Rông Việt trong năm 2021 thể hiện thông qua các danh mục các khoản đầu tư mang tính sinh lời tốt và ổn định trong giai đoạn hiện tại, đồng thời Rông Việt cũng đang kiểm soát tốt và không phát sinh thêm các khoản nợ xấu.



II. Tài chính (tiếp theo)

2. Tình hình nợ phải trả

Trong năm 2021, nợ phải trả của Rông Việt tăng 70% so với năm 2020, trong đó nợ phải trả ngắn hạn chiếm 97% tổng nợ.

Phần lớn các khoản nợ phải trả ngắn hạn của Rông Việt phát sinh từ hoạt động vay ngắn hạn ngân hàng và hoạt động phát hành trái phiếu (chủ yếu là trái phiếu Rông Việt). Đối với hoạt động vay ngắn hạn ngân hàng mục đích chính đến từ việc tạo thêm thanh khoản cho các hoạt động margin, ứng trước và bổ sung vốn lưu động. Đối với hoạt động phát hành trái phiếu (ngắn hạn và dài hạn), mục đích chính tạo tính thanh khoản cho hoạt động margin và ứng trước.

Nhìn chung, nợ phải trả của Rông Việt vẫn duy trì ở mức an toàn và hợp lý trong cơ cấu tổng tài sản, vừa đảm bảo nguồn vốn kinh doanh Công ty, khai thác có hiệu quả vốn chủ sở hữu, đồng thời đảm bảo tốt nghĩa vụ thanh toán nợ đối với khách hàng nhờ tính thanh khoản cao của các tài sản cho vay và các khoản đầu tư của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá không có nhiều ảnh hưởng đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.



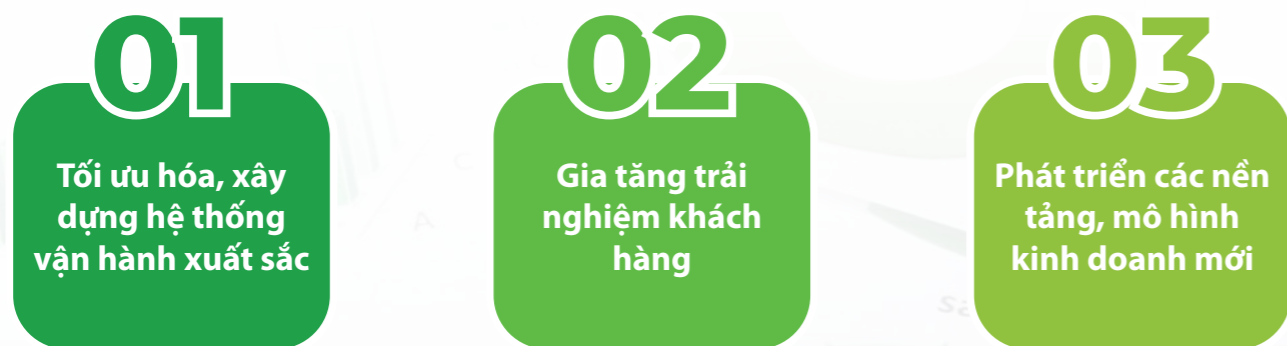
III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

1. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Rồng Việt bước vào năm 2022, chào đón tuổi 16 sau một năm 2021 hết sức ý nghĩa và thành công vượt bậc. Những kết quả tuyệt vời trong năm 2021 là sự khởi đầu thuận lợi cho Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 của Rồng Việt, tạo nền tảng vững chắc và là niềm cảm hứng để người Rồng Việt phải quyết tâm tiếp tục nỗ lực đổi mới, sáng tạo nhiều hơn nhằm chinh phục những mục tiêu cao hơn, tạo dựng tương lai phát triển tươi sáng - thịnh vượng cho Rồng Việt.

Trong bối cảnh đất nước Việt Nam đang đứng trước những vận hội to lớn để phát triển trở nên hùng cường và thịnh vượng, thị trường chứng khoán Việt Nam đang bước vào giai đoạn trưởng thành và có tiềm năng phát triển mạnh mẽ, Rồng Việt đã xác lập tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển giai đoạn mới 2021 – 2030 với mục tiêu xây dựng Rồng Việt trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu, hiện đại và hiệu quả nhất Việt Nam thông qua việc xây dựng nền tảng vững chắc với mô hình kinh doanh hiệu quả cùng đội ngũ nhân sự chất lượng, kết hợp với quá trình chuyển đổi số toàn diện tập trung vào 3 mục tiêu chính:

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CHO GIAI ĐOẠN 2022-2030



Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 của Rồng Việt tập trung vào 05 trụ cột: Môi giới, Dịch vụ tài chính, Đầu tư, Ngân hàng đầu tư, Quản lý tài sản nhằm hướng đến phục vụ 05 nhóm đối tượng khách hàng chính gồm: Khách hàng cá nhân, Khách hàng tổ chức, Khách hàng doanh nghiệp, Khách hàng định chế, Khách hàng quốc tế.

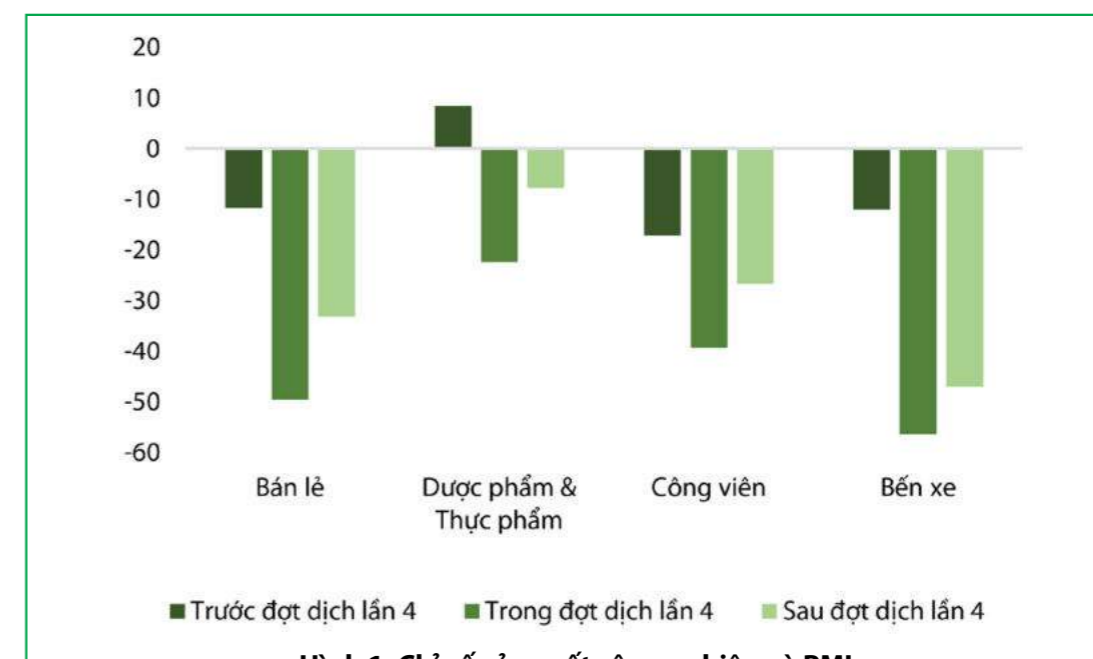
III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

2. Kế hoạch hoạt động năm 2022

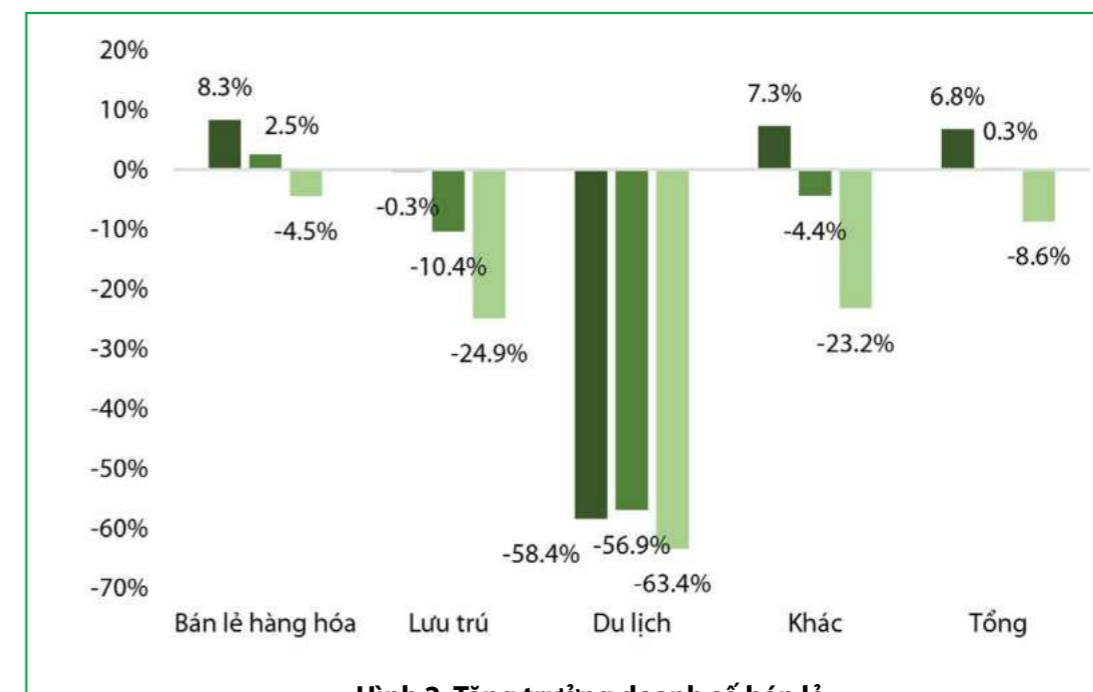
2.1. Triển vọng kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022

a. Triển vọng kinh tế vĩ mô năm 2022

Tăng trưởng trở lại khả quan hơn nhưng không phải tất cả đều thuận buồm xuôi gió.



Hình 1. Chỉ số sản xuất công nghiệp và PMI



Hình 2. Tăng trưởng doanh số bán lẻ (% so với cùng kỳ)

Nguồn: Tổng cục Thống kê, IHS Nikkei, IMF, Google, CTCK Rồng Việt

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

2. Kế hoạch hoạt động năm 2022 (tiếp theo)

2.1. Triển vọng kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022 (tiếp theo)

a. Triển vọng kinh tế vĩ mô năm 2022 (tiếp theo)



Bức tranh chung của năm 2022 là tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ hơn và lạm phát gia tăng trong bối cảnh yếu tố bất định kéo dài. Chúng ta đang học cách sống chung với Covid-19 thông qua những thay đổi trong hành vi của các công ty, người tiêu dùng và Chính phủ. Chúng tôi hy vọng đại dịch có khả năng trở thành loại bệnh có thể điều trị được vào năm 2022, theo đó chỉ là một lực cản nhỏ đối với sự phục hồi kinh tế. Quý đạo phục hồi của tiêu dùng nội địa đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định triển vọng tăng trưởng cho năm 2022. Tốc độ phục hồi sẽ khác nhau giữa các lĩnh vực sẽ dẫn đến sự luân chuyển dòng vốn giữa ngành thường xuyên hơn và sự phân hóa nhiều hơn trên thị trường

chứng khoán. Đầu tư công sẽ đóng vai trò then chốt để hỗ trợ quá trình phục hồi kinh tế. Gói chi tiêu công sẽ tập trung vào các lĩnh vực chính, bao gồm y tế công, kỹ thuật số và viễn thông, hạ tầng giao thông và năng lượng. Trong giai đoạn dịch bệnh khi mà không gian sống của mọi người bị thu hẹp, công nghệ và lĩnh vực chuyển đổi số đã thay đổi nhận thức của nhiều người và hứa hẹn sẽ dẫn dắt sự phát triển của thị trường trong giai đoạn tiếp theo. Ngoài ra, xác suất lây nhiễm đối với các chủng virus mới và sự chậm lại trong tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc và chính sách “Zero Covid” có khả năng làm gia tăng sự bất ổn trong quá trình hồi phục kinh tế của Việt Nam.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

2. Kế hoạch hoạt động năm 2022 (tiếp theo)

2.1. Triển vọng kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022 (tiếp theo)

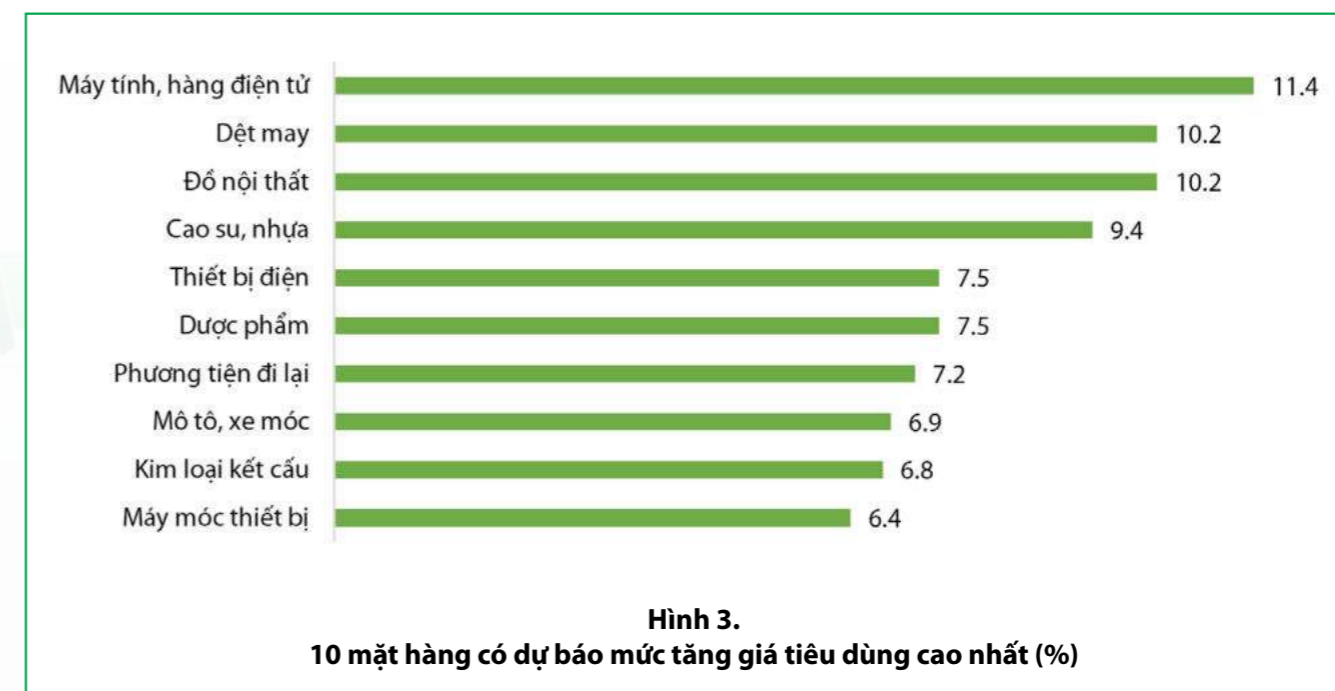
a. Triển vọng kinh tế vĩ mô năm 2022 (tiếp theo)

Tăng trưởng phục hồi trên nhiều khía cạnh

Sự kết hợp giữa tiến độ tiêm chủng, lĩnh vực sản xuất phục hồi, chi tiêu tiêu dùng tăng trở lại và chính sách tiếp tục hỗ trợ có thể giúp nền kinh tế tăng trưởng khoảng 6,8% vào năm 2022, cao hơn mục tiêu của Chính phủ là 6,0-6,5%. Tốc độ tiêm chủng của Việt Nam đứng thứ ba trên thế giới (chỉ sau Trung Quốc và Ấn Độ) trong tháng 11, trung bình một ngày cả nước tiêm 1-1,5 triệu liều vắc-xin. Trong khi tốc độ tiêm chủng là rất quan trọng đối với việc phục hồi kinh tế, việc đảm bảo đủ nguồn cung vắc-xin vẫn còn nhiều thách thức. Sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng của Việt Nam đã dẫn giảm bớt sau khi Chính phủ thay đổi tư duy về đối phó với đại dịch theo Nghị quyết 128, tạo động lực mạnh mẽ cho tăng trưởng trở lại của các hoạt động sản xuất. Ngoài ra, nền kinh tế toàn cầu sẽ tiếp tục phục hồi vào năm 2022, nhu cầu thế giới tích cực sẽ giúp cho tăng trưởng xuất khẩu cao được duy trì trong năm 2022.

Lạm phát vừa phải là dấu hiệu của nền kinh tế khỏe mạnh

Lạm phát được kỳ vọng sẽ tiếp tục được kiểm soát, với chỉ số CPI trung bình là 3,8% vào năm 2022. Thực phẩm và xây dựng/nhà ở sẽ là yếu tố chính góp phần vào lạm phát của Việt Nam năm 2022. Theo kịch bản cơ sở, áp lực lạm phát sẽ không dẫn đến tăng lãi suất cao hơn, ít nhất là vào năm 2022.



III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

2. Kế hoạch hoạt động năm 2022 (tiếp theo)

2.1. Triển vọng kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022 (tiếp theo)

a. Triển vọng kinh tế vĩ mô năm 2022 (tiếp theo)

Bình thường hóa chính sách toàn cầu không ảnh hưởng đến sự phục hồi kinh tế của Việt Nam

Fed có một nhiệm vụ khó khăn phía trước trong việc cố gắng kiềm hãm lạm phát mà không hãm đà tăng trưởng kinh tế. Quá trình bình thường hóa chính sách tiền tệ sẽ bắt đầu bằng việc cắt giảm chương trình mua tài sản trước khi nâng lãi suất điều hành. Trong thời gian cắt giảm, Fed vẫn sẽ tiếp tục bơm thanh khoản vào thị trường, chỉ có điều tốc độ bơm tiền đang dần chậm lại và sẽ tăng lãi suất sớm hơn dự kiến.

Việc thắt chặt dần chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương toàn cầu sẽ không làm gián đoạn sự phục hồi kinh tế của Việt Nam. Cụ thể, Việt Nam được kỳ vọng sẽ duy trì vị thế ổn định nhờ sự cải thiện trong dự trữ ngoại tệ, cán cân thương mại và tài khoản vãng lai vào năm 2022. Mặt khác, dòng vốn FDI và kiều hối cũng cho thấy khả năng phục hồi tốt hơn so với các nước khác trong khu vực. Mức độ điều chỉnh của thị trường (nếu có) sẽ phụ thuộc một phần vào việc liệu lạm phát có tiếp tục tăng cao buộc Fed phải tăng lãi suất liên tục hay không.

Đại dịch Covid-19 và hậu quả của nó đối với chuỗi cung ứng dẫn đến sự chuyển đổi từ chuỗi cung ứng toàn cầu sang chuỗi cung ứng khu vực vì mô hình chuỗi cung ứng trước đại dịch với nhiều nhà cung cấp ở nhiều quốc gia khác nhau đã cho thấy một số hạn chế. Việc phát triển năng lực sản xuất trong khu vực sẽ được dẫn hiện thực hóa với các khoản đầu tư mới vào công nghệ và tự động hóa. Với vị trí địa lý thuận lợi, môi trường chính trị ổn định và sự tham gia tích cực vào nhiều hiệp định FTA, Việt Nam được đánh giá vẫn có thể hưởng lợi từ việc phân bổ lại nguồn vốn FDI trong trung và dài hạn.

Nhìn vào năm 2022, tiền đồng được dự báo sẽ ít bị tổn thương hơn các đồng tiền của thị trường mới nổi trong giai đoạn Fed thắt chặt chính sách tiền tệ, tỷ giá USD/VND dự kiến sẽ dao động trong biên độ hẹp +/- 0,5% vào năm 2022.



III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

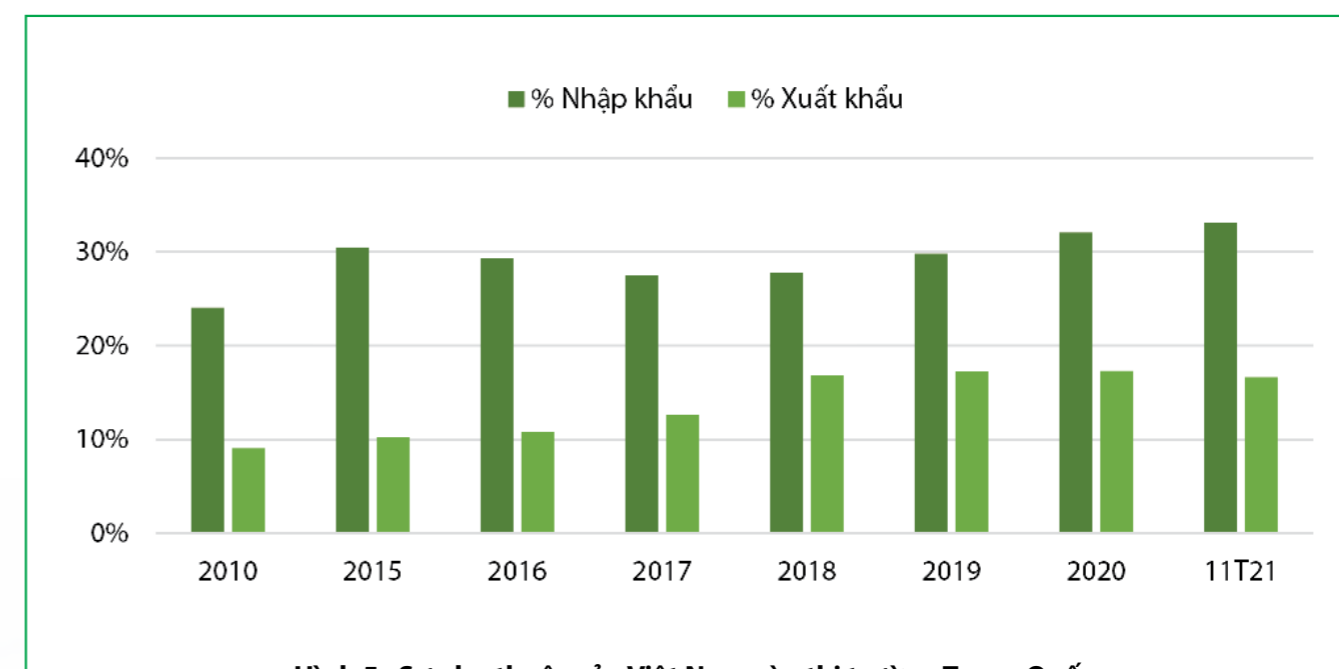
2. Kế hoạch hoạt động năm 2022 (tiếp theo)

2.1. Triển vọng kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022 (tiếp theo)

a. Triển vọng kinh tế vĩ mô năm 2022 (tiếp theo)

Rủi ro đến từ sự chứng lại trong tăng trưởng của Trung Quốc

Các chính sách điều hành “không khoan nhượng” của Trung Quốc sẽ tiếp tục trong năm 2022. Chúng tôi cho rằng các nhà đầu tư nên theo dõi chặt chẽ triển vọng thị trường bất động sản của Trung Quốc và những tác động của chiến lược zero-Covid-19. Mặc dù thời gian qua Việt Nam đã nỗ lực giảm bớt sự phụ thuộc vào Trung Quốc nhưng những nỗ lực này chưa mang lại kết quả như mong muốn. Thâm hụt thương mại với Trung Quốc tiếp tục tăng và sự phụ thuộc quá mức vào nguyên liệu sản xuất và hàng hóa trung gian nhập khẩu từ Trung Quốc vẫn là những yếu tố dễ gây ra tổn thương đối với sự phục hồi kinh tế vào năm 2022.



Hình 5. Sự phụ thuộc của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc

Nguồn: Goldman Sachs, Credit Suisse, CTCK Rồng Việt

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

2. Kế hoạch hoạt động năm 2022 (tiếp theo)

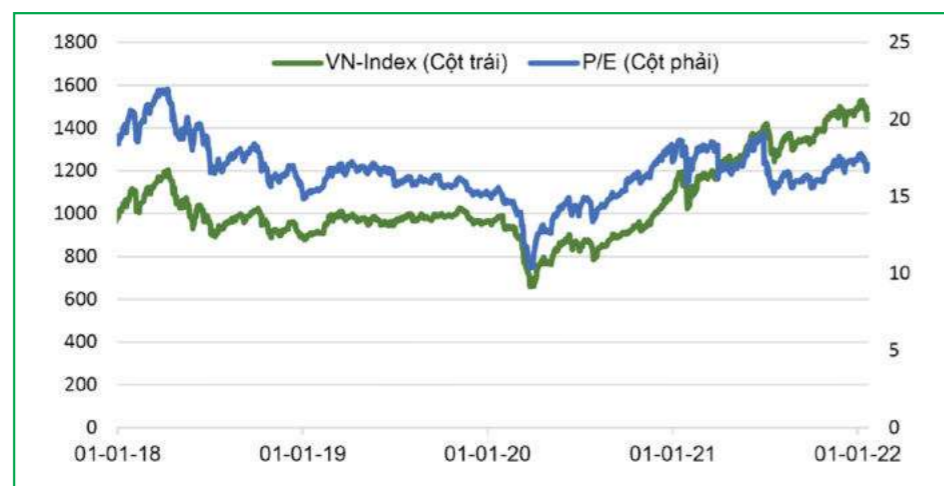
2.1. Triển vọng kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022 (tiếp theo)

b. Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022

Lãi suất tiền gửi có thể tăng nhẹ vào năm 2022 nhưng thị trường chứng khoán vẫn là kênh được ưa chuộng để thu hút các nhà đầu tư F0. Lãi suất điều hành sẽ không có nhiều thay đổi. Mặc dù vậy, Chính phủ dự kiến sẽ hỗ trợ tăng trưởng thông qua các gói kích thích kinh tế, trong khi đó Ngân hàng Nhà nước sẽ tạo điều kiện thuận lợi về vốn và lãi suất để phục hồi nền kinh tế. Tăng trưởng tín dụng sẽ được thúc đẩy theo nhu cầu. Tiền gửi sẽ được thúc đẩy bởi lưu thông. Vì vậy, lãi suất huy động dự báo sẽ tăng nhẹ so với 2021 nhưng vẫn thấp so với giai đoạn 2015 - 2019. Hơn nữa, giá trị giao dịch trên mỗi tài khoản của các NĐT cá nhân đang tăng mạnh theo thời gian. Chúng tôi hy vọng thị trường chứng khoán sẽ tiếp tục thu hút các nhà đầu tư mới, phù hợp với mục tiêu của Chính phủ để đạt được 5% dân số có tài khoản chứng khoán vào năm 2025.

Các công ty chứng khoán đang tăng cường huy động vốn để tăng nguồn cho vay margin. Điều này giúp tăng thêm nguồn tiền mới chảy vào thị trường. Chúng tôi kỳ vọng dư nợ cho vay ký quỹ sẽ tăng trong năm tới, đây sẽ là yếu tố hỗ trợ thúc đẩy thị trường tiến xa hơn.

VNIndex dự báo dao động trong khoảng 1.340 – 1.750 điểm dựa trên kịch bản tăng trưởng EPS 17% năm 2022 của danh mục cổ phiếu Rổng Việt (đại diện 41% vốn hóa thị trường) và mức PE dự phóng 2022 là 16,4 lần. Mức sinh lời cao của kênh đầu tư chứng khoán trong năm 2020 – 2021 đã thu hút sự quan tâm của một bộ phận lớn NĐT cá nhân Việt Nam. Chúng tôi cho rằng điều này sẽ tiếp tục diễn ra trong năm 2022, với ước tính bình quân mỗi tháng sẽ có thêm khoảng 150.000 tài khoản mở mới. Thanh khoản khớp lệnh bình quân toàn thị trường có thể dao động ở mức 30.000 - 35.000 tỷ đồng/phiên (+36% YoY).



Hình 6.
VN-Index và PE TTM
(2017 – 2021)

Nguồn: CTCK Rổng Việt

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

2. Kế hoạch hoạt động năm 2022 (tiếp theo)

2.1. Triển vọng kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022 (tiếp theo)

b. Triển vọng thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2022 (tiếp theo)

Thị trường có thể sẽ “nhạy cảm” hơn và biến động mạnh trước thông tin tiêu cực, đặc biệt khi mà định giá cổ phiếu đã lên mặt bằng cao hơn rất nhiều so với giai đoạn trước khi xuất hiện Covid-19 lần đầu tiên (tháng 3/2020). Những thông tin có thể xem là tiêu cực bao gồm (1) Lạm phát: Mặc dù chúng tôi dự báo lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát thì rủi ro về lạm phát vẫn là yếu tố cần theo dõi; (2) Xác suất lây nhiễm đối với các chủng virus kháng vắc-xin sẽ góp phần gia tăng tính bất định của quá trình phục hồi kinh tế; (3) Các biến động về địa chính trị toàn cầu, xu hướng thu hẹp chính sách nới lỏng tiền tệ gây ra biến động tiêu cực trên thị trường chứng khoán quốc tế.

Những rủi ro khó lường từ biến thể Omicron, lo ngại về thời gian và quy mô gói hỗ trợ kinh tế tại Việt Nam. Tăng trưởng cung tiền bắt đầu đi xuống ở các nước phát triển trong bối cảnh lạm phát cao có thể tác động đến chính sách của Chính phủ về quy mô và thời gian thi hành gói hỗ trợ kinh tế.

Sự gia tăng nguồn cung cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến khả năng hấp thụ của thị trường, dẫn đến tăng trưởng chậm hơn của VN index (2019 là một ví dụ). Do đó, trong kịch bản tiêu cực, thị trường sẽ phải đối mặt áp lực lớn hơn nếu lực lượng nhà đầu tư F0 không mạnh mẽ như năm 2021.



III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

2. Kế hoạch hoạt động năm 2022 (tiếp theo)

2.2. Kế hoạch hoạt động của Rông Việt năm 2022

a. Quan điểm định hướng

Bước sang năm 2022, trong bối cảnh thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục diễn biến tích cực và có nhiều cơ hội để phát triển, Rông Việt sẽ tiếp tục **“CỦNG CỐ NỀN TẢNG – MỞ RỘNG QUY MÔ – GIA TĂNG HIỆU QUẢ”** nhằm thực hiện quan điểm định hướng xuyên suốt trong hành trình phát triển sắp tới là **“KIẾN TẠO TƯƠNG LAI THỊNH VƯỢNG”**.

Các mục tiêu trọng yếu trong năm 2022 của Rông Việt bao gồm:

- 1.1 Triển khai quyết liệt Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 trên nền tảng chuyển đổi số toàn diện và hiện thực hóa sứ mệnh kiến tạo thành công hệ sinh thái về tài chính và đầu tư cho cộng đồng doanh nghiệp và người dân Việt Nam;
- 1.2 Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để mở rộng quy mô, đẩy mạnh toàn diện các hoạt động kinh doanh, tăng năng lực cạnh tranh, tăng hiệu quả sinh lời và vị thế trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- 1.3 Gia tăng nguồn lực tài chính để đáp ứng tốt nhu cầu vốn phục vụ hoạt động kinh doanh bao gồm tăng vốn điều lệ cũng như đẩy mạnh việc phát hành trái phiếu và mở rộng hợp tác tín dụng với các định chế tài chính trong và ngoài nước;
- 1.4 Hoàn thiện mô hình tổ chức và cơ chế, chính sách; tiếp tục cải tiến phương pháp quản trị - điều hành nhằm phục vụ tốt nhất cho các yêu cầu phát triển;
- 1.5 Tăng cường công tác tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng, đẩy mạnh hoạt động đào tạo nhằm đảm bảo nguồn nhân lực cho quá trình mở rộng và phát triển;

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

2. Kế hoạch hoạt động năm 2022 (tiếp theo)

2.2. Kế hoạch hoạt động của Rông Việt năm 2022 (tiếp theo)

a. Quan điểm định hướng (tiếp theo)



- 1.6 Nâng cao trải nghiệm và sự hài lòng của khách hàng. Tiếp tục nghiên cứu bổ sung các sản phẩm đa dạng, tiện ích, phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng khách hàng; đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng;
- 1.7 Đẩy mạnh và gia tăng hiệu quả hoạt động các chi nhánh; Khai trương hoạt động 2-3 Chi nhánh mới tại các địa bàn tiềm năng;
- 1.8 Tiếp tục tái cơ cấu hoạt động công ty quản lý quỹ, xây dựng và triển khai các sản phẩm mới gắn kết với các hoạt động kinh doanh của Rông Việt;
- 1.9 Đẩy mạnh công tác truyền thông hình ảnh thương hiệu, quảng bá sản phẩm - dịch vụ, văn hóa - con người Rông Việt; tăng cường công tác quan hệ nhà đầu tư nhằm gia tăng niềm tin của đối tác - khách hàng - nhà đầu tư đối với Rông Việt.
- 1.10 Tiếp tục tăng cường hoạt động quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, đảm bảo mọi hoạt động của Rông Việt diễn ra an toàn - ổn định và đúng pháp luật.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

2. Kế hoạch hoạt động năm 2022 (tiếp theo)

2.2. Kế hoạch hoạt động của Rong Viet năm 2022 (tiếp theo)

b. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất

| Chỉ tiêu (Tỷ VNĐ) | Thực hiện 2021 | Kế hoạch 2022 | % KH 2022 / TH 2021 |
|-----------------------------|-------------------|------------------|------------------------|
| Tổng doanh thu | 1.054,1 | 1.193,6 | 113,2% |
| Kinh doanh Môi giới | 312,0 | 350,0 | 112,2% |
| Dịch vụ chứng khoán | 315,6 | 430,0 | 136,2% |
| Đầu tư | 328,1 | 282,1 | 86,0% |
| Ngân hàng đầu tư | 65,8 | 100,0 | 152,0% |
| Hoạt động khác | 32,6 | 31,5 | 96,7% |
| Tổng chi phí | 520,0 | 689,6 | 132,6% |
| Lợi nhuận trước thuế | 534,1 | 504,0 | 94,4% |
| Thuế TNDN | 107,3 | 100,8 | 93,9% |
| Lợi nhuận sau thuế | 426,7 | 403,2 | 94,5% |

2.3. Các giải pháp thực hiện

Về tài chính

• Đối với hoạt động kinh doanh môi giới

Bám sát kế hoạch và đẩy mạnh các hoạt động tạo doanh thu từ phí dịch vụ như môi giới, cho vay ở cả Hội sở và các Chi nhánh. Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng ở tất cả các nhóm khách hàng, gắn với tăng trưởng số dư tiền gửi của nhà đầu tư, doanh thu và lợi nhuận.

Tiếp tục củng cố, phát triển đội ngũ, cải tiến chất lượng tư vấn và chất lượng dịch vụ đối với phân khúc khách hàng cá nhân có chuyên viên tư vấn quản lý tài khoản nhằm đạt các nhóm chỉ tiêu KPI và cải thiện biên lợi nhuận của Khối KHCN, đẩy mạnh khai thác hệ KH hiện hữu và phát triển phân khúc KH mới chú trọng tăng quy mô và hiệu quả của Khối KHCTC.

Phát triển và khai thác có hiệu quả hệ sinh thái khách hàng thông qua các chương trình phát triển cộng tác viên, hợp tác với các đối tác có hệ sinh thái khách hàng tương thích với lĩnh vực tài chính và đầu tư với các gói combo sản phẩm cụ thể, đa tiện ích dành cho khách hàng và đối tác.

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động bán trái phiếu Rong Viet và các loại trái phiếu khác do Rong Viet phân phối đến khách hàng.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

2. Kế hoạch hoạt động năm 2022 (tiếp theo)

2.3. Các giải pháp thực hiện

Về tài chính (tiếp theo)

• Đối với hoạt động hoạt động cho vay:

Tăng dư nợ bình quân của hoạt động cho vay trên cơ sở các chính sách cho vay margin vừa linh hoạt và vừa cân trọng với mức lãi suất phù hợp. Tăng cường công tác quản lý rủi ro, giám sát danh mục trước và sau khi cho vay để không phát sinh nợ xấu. Đẩy mạnh công tác phát triển đối tác tiềm năng nhằm tạo sự đột phá trong việc bổ sung nguồn vốn đáp ứng các nhu cầu tài chính đa dạng của khách hàng, gia tăng doanh thu và hiệu quả cho Công ty.

• Đối với hoạt động ngân hàng đầu tư:

Đẩy mạnh các nghiệp vụ mang lại doanh thu cao như tư vấn, thu xếp vốn thông qua phát hành trái phiếu doanh nghiệp, kiên trì đeo bám và thúc đẩy tiến độ các thương vụ tư vấn M&A để có thể mang lại thu nhập trong năm 2022. Bên cạnh đó, cần khai thác có hiệu quả hệ khách hàng hiện hữu và phát triển thêm khách hàng đối với các nghiệp vụ tư vấn tài chính truyền thống: tư vấn IPO, phát hành và niêm yết, thoái vốn. Tiếp tục củng cố và gia tăng chất lượng đội ngũ nhân sự, tăng cường kết hợp nội bộ giữa các Khối NHĐT và giữa các đơn vị ngân hàng đầu tư với các đơn vị khác trong Công ty. Hoàn thành việc xây dựng nền tảng Platform cho hoạt động ngân hàng đầu tư.



III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

2. Kế hoạch hoạt động năm 2022 (tiếp theo)

2.3. Các giải pháp thực hiện (tiếp theo)

Về tài chính (tiếp theo)

• Đối với hoạt động đầu tư:

Tiếp tục nâng động tìm kiếm cơ hội và nâng cao hiệu quả của danh mục đầu tư cổ phiếu đồng thời tiếp tục phát huy hoạt động đầu tư và kinh doanh TPDN trên cơ sở thẩm định kỹ doanh nghiệp, đảm bảo sản phẩm trái phiếu doanh nghiệp của Rong Viet đầu tư và kinh doanh phải có chất lượng tốt, an toàn và hấp dẫn. Triển khai sản phẩm kinh doanh nguồn nhằm gia tăng nguồn thu nhập đầu tư cho năm 2022. Nghiên cứu sản phẩm chứng quyền để có thể triển khai phát hành và kinh doanh vào thời điểm phù hợp. Hoàn thành việc xây dựng nền tảng Platform cho hoạt động đầu tư.

• Nâng cao khả năng quản lý, sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi của Công ty để đạt được mục tiêu đảm bảo thanh khoản và tối ưu hóa thu nhập; tiếp tục kiểm soát chi phí một cách chặt chẽ và hợp lý; quản lý nguồn vốn linh hoạt để tận dụng tối đa các cơ hội kinh doanh, góp phần tăng doanh thu của Công ty.**• Tăng cường mở rộng các kênh huy động vốn:**

Chuẩn bị sẵn sàng phương án phát hành trái phiếu Rong Viet trong điều kiện thay đổi của quy định pháp luật về phát hành Trái phiếu, bao gồm cả thực hiện xếp hạng tín nhiệm cho Rong Viet. Tiếp tục mở rộng mối quan hệ với các ngân hàng để tăng hạn mức vay vốn.

Về khách hàng

• Gia tăng trải nghiệm khách hàng:

Tiếp tục đầu tư nghiên cứu cải tiến các nhóm sản phẩm về giao dịch trực tuyến iDragon web, iDragon App,... Đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu các sản phẩm mới trên nền tảng công nghệ trên cơ sở các dự án hoàn thiện hành trình đầu tư của khách hàng: từ các khâu thu hút khách hàng mở tài khoản, đào tạo khách hàng, giới thiệu sản phẩm dịch vụ của Rong Viet, tư vấn giao dịch và phục vụ, chăm sóc khách hàng, đánh giá hiệu quả đầu tư của khách hàng... đảm bảo các tiêu chí thuận lợi, nhanh chóng, an toàn, bảo mật.

**• Gia tăng sự hài lòng của khách hàng về sự đa dạng và tính tiện ích của sản phẩm:**

Khẩn trương triển khai dịch vụ thu – chi hộ với các ngân hàng để hỗ trợ giao dịch nộp rút tiền cho khách hàng nhanh nhất. Tiếp tục cải tiến các sản phẩm hỗ trợ giao dịch, sản phẩm cho vay. Đẩy nhanh tiến độ Dự án phát triển các sản phẩm đầu tư – SmartDragon để sớm triển khai đến với Khách hàng. Mục tiêu quan trọng nhất là giúp khách hàng đầu tư có hiệu quả tốt, khách hàng cảm thấy tin tưởng đối với chất lượng các sản phẩm của Rong Viet.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

2. Kế hoạch hoạt động năm 2022 (tiếp theo)

2.3. Các giải pháp thực hiện (tiếp theo)

Về khách hàng (tiếp theo)

• Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng của Rong Viet:

Hoàn thiện chính sách chăm sóc khách hàng và các ứng dụng giao dịch trực tuyến. Triển khai dự án CRM để nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng. Ngoài ra, tiếp tục phục vụ khách hàng bằng thái độ phục vụ tận tâm và chuyên nghiệp nhất, thao tác nhanh chóng và chính xác nhất, khiến khách hàng cảm thấy hài lòng khi sử dụng các sản phẩm dịch vụ của Rong Viet.

• Gia tăng niềm tin của khách hàng về uy tín thương hiệu Rong Viet:

(i) Với việc Rong Viet đã ra mắt Bộ nhận diện thương hiệu mới, với những nền tảng đã tạo dựng trong năm 2021 và tuyên ngôn của Rong Viet cho giai đoạn phát triển mới là **“Kiến tạo tương lai thịnh vượng”**, cần phát động phong trào thi đua mỗi người Rong Viet phải là một đại sứ thương hiệu của Rong Viet nhằm lan tỏa những tin tức, hình ảnh, giá trị tích cực và tốt đẹp của Rong Viet trên các phương tiện truyền thông, các kênh số như Facebook, Website,... nhằm tăng cường thu hút khách hàng, đối tác, nhà đầu tư; tăng tính chuyên nghiệp trong công tác chuẩn bị, tổ chức các sự kiện và phát hành các ấn phẩm của Rong Viet; (ii) gia tăng sự tin tưởng, yêu quý, gắn bó của hệ khách hàng hiện hữu và sự lựa chọn của hệ khách hàng tiềm năng bằng các chương trình truyền thông cụ thể, có trọng tâm; (iii) gia tăng giá trị thương hiệu Rong Viet: gia tăng hiệu quả hoạt động và vị thế của Rong Viet trong các mảng kinh doanh: Môi giới, Dịch vụ tài chính, Nghiên cứu - Phân tích, Ngân hàng đầu tư, Quản lý tài sản và môi trường làm việc của Rong Viet với việc chủ động, tích cực truyền thông trên các kênh phù hợp, chủ động nghiên cứu và tăng cường tham gia các giải thưởng trong nước và quốc tế.



III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI (tiếp theo)

2. Kế hoạch hoạt động năm 2022 (tiếp theo)

2.3. Các giải pháp thực hiện (tiếp theo)

Về quản trị nội bộ

- Cải tiến và nâng tầm hệ thống quản trị-điều hành-kiểm soát trên toàn hệ thống phù hợp với Chiến lược phát triển giai đoạn 2021 - 2030 nhằm tạo động lực phát triển mới cho Rông Việt.
- Bám sát và đẩy mạnh thực hiện các dự án chuyển đổi số hướng đến mục tiêu chậm nhất đến cuối năm 2023 phải số hóa toàn diện mọi hoạt động của Công ty.
- Cải tiến quy trình - phương pháp quản trị điều hành.
- Hoàn thiện và đẩy mạnh công tác kiểm tra - kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro trên toàn hệ thống kết hợp với các dự án chuyển đổi số.

Học hỏi và phát triển

- Tiếp tục cải thiện môi trường làm việc và chính sách đãi ngộ nhằm giữ chân nhân sự hiện hữu có năng lực và tâm huyết; thu hút được nguồn nhân lực mới có chất lượng để đáp ứng yêu cầu mở rộng và phát triển.
- Tăng cường công tác đào tạo nhằm phát triển năng lực của đội ngũ.
- Gia tăng động lực phát triển năng lực bản thân: Khuyến khích CBNV liên tục học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm; điều chỉnh, bổ sung các cơ chế hỗ trợ và chế độ đãi ngộ - thăng tiến kịp thời và hợp lý.
- Cải tiến, tăng cường và đa dạng các chương trình thi đua - khen thưởng.

Năm 2021, năm khởi đầu triển khai định hướng phát triển giai đoạn 2021-2030 của Rông Việt. Với định hướng từ đầu năm 2021 là "Xây nền tảng – Đón tương lai", tập thể Rông Việt đã nỗ lực hết mình và đạt được những kết quả kinh doanh rất đáng tự hào. Kết quả kinh doanh ấn tượng và nhiều sự thay đổi mang tính bước ngoặt trong năm 2021 đã tạo nền tảng và niềm tin vững chắc để Rông Việt đón chào năm 2022, đón chào tuổi 16 với tâm thế chủ động đón nhận các cơ hội và thách thức từ những biến động phức tạp của nền kinh tế, cùng tiếp tục vươn lên gặt hái những thành công lớn hơn, toàn diện hơn trên mọi mặt hoạt động, cùng nhau "Kiến tạo tương lai thịnh vượng" cho hành trình phát triển kế tiếp, khẳng định uy tín và vị thế của Rông Việt trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

CHƯƠNG 4

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN KIỂM SOÁT
- CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BGD VÀ BKS
- THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ ĐẢM BẢO QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN
- QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ





I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2021, HĐQT có số lượng là 07 thành viên. Cơ cấu thành viên HĐQT của Rong Viet được duy trì đảm bảo sự cân đối và khả năng hỗ trợ lẫn nhau giữa các thành viên có kinh nghiệm, kỹ năng và kiến thức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán và pháp luật; cũng như sự cân đối và đa dạng giữa các thành viên HĐQT điều hành, không điều hành và thành viên HĐQT độc lập. Dưới đây là danh sách thành viên HĐQT của Rong Viet, kèm theo tỷ lệ cổ phần và quyền biểu quyết do mỗi thành viên đại hiện và/hoặc sở hữu:

| STT | HỌ VÀ TÊN | THÀNH VIÊN HĐQT | | | TỶ LỆ CỔ PHẦN VDS ĐẠI DIỆN/SỞ HỮU | |
|-----|-------------------------|-----------------|-----------------|-----------|-----------------------------------|------------|
| | | Độc lập | Không điều hành | Điều hành | % sở hữu | % đại diện |
| 1 | Ông Nguyễn Miên Tuấn | | ✓ | ✓ | 17,79% | - |
| 2 | Bà Phạm Mỹ Linh | | ✓ | | 11,91% | - |
| 3 | Ông Nguyễn Thúc Vinh | | ✓ | | 0,03% | - |
| 4 | Ông Nguyễn Hiếu | | ✓ | | 0,05% | - |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Thu Huyền | | | ✓ | 0,31% | - |
| 6 | Bà Hoàng Hải Anh | ✓ | | | - | - |
| 7 | Ông Nguyễn Quốc Bảo | ✓ | | | - | - |



I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

2. VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA HĐQT

Trong năm qua, Hội đồng quản trị của Rong Viet đã tập trung chỉ đạo, giám sát và kịp thời đưa ra những định hướng, hỗ trợ cho Ban điều hành thông qua các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh, chiến lược đầu tư, tổ chức bộ máy nội bộ và các vấn đề trọng yếu khác trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số buổi họp HĐQT tham dự (*) | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-------------------------|------------------------------------|------------------------------|-------------------|---------------------------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Miên Tuấn | Chủ tịch HĐQT | 31/31 | 100% | |
| 2 | Bà Phạm Mỹ Linh | Thành viên HĐQT | 28/31 | 90% | Bận công tác |
| 3 | Ông Nguyễn Thúc Vinh | Thành viên HĐQT | 31/31 | 100% | |
| 4 | Ông Nguyễn Hiếu | Thành viên HĐQT | 31/31 | 100% | |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Thu Huyền | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 17/31 | 55% | Bổ nhiệm Thành viên HĐQT từ ngày 07/04/2021 |
| 6 | Bà Hoàng Hải Anh | Thành viên HĐQT độc lập | 31/31 | 100% | |
| 7 | Ông Nguyễn Quốc Bảo | Thành viên HĐQT độc lập | 31/31 | 100% | |

(*) Bao gồm cả hình thức lấy ý kiến bằng văn bản



I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

2. VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA HĐQT (tiếp theo)

Năm 2021, HĐQT đã tổ chức 31 cuộc họp bao gồm cả hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thông qua 34 Nghị quyết để triển khai các quyết định của ĐHCĐ cũng như thực hiện các nội dung khác thuộc thẩm quyền của HĐQT. Do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 nên phần lớn các cuộc họp được tổ chức bằng hình thức trực tuyến và/hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp của HĐQT đều được lập biên bản và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác, và tất cả thành viên dự họp phải ký vào biên bản họp. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Cụ thể, những nội dung được thông qua tại các Nghị quyết HĐQT trong năm 2021 được tổng hợp như sau:

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1 | 01/2021/NQ-HĐQT | 22/01/2021 | - Thông qua nội dung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020; - Thông qua việc xây dựng Kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2021; - Thông qua nội dung Báo cáo việc hoàn tất mua lại 51% cổ phần Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Long; - Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020. | 100% |
| 2 | 02/2021/NQ-HĐQT | 25/01/2021 | - V/v Mua lại trước hạn Trái phiếu đã phát hành của CTCP Chứng khoán Rồng Việt. | 100% |
| 3 | 03/2021/NQ-HĐQT | 03/02/2021 | - V/v Miễn nhiệm Tổng Giám đốc. | 100% |
| 4 | 04/2021/NQ-HĐQT | 03/02/2021 | - V/v Bổ nhiệm Tổng Giám đốc. | 100% |
| 5 | 05/2021/NQ-HĐQT | 04/02/2021 | - V/v Thông qua phương án phát hành Trái phiếu doanh nghiệp thành nhiều đợt năm 2021. | 100% |

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

2. VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA HĐQT (tiếp theo)

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 6 | 06/2021/NQ-HĐQT | 08/02/2021 | - V/v Thông qua ngày chốt Danh sách cổ đông và Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020. | 100% |
| 7 | 07/2021/NQ-HĐQT | 08/02/2021 | - V/v Sửa đổi và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động CTCP Chứng khoán Rồng Việt. | 100% |
| 8 | 08/2021/NQ-HĐQT | 18/02/2021 | - V/v Mua lại trước hạn Trái phiếu đã phát hành của CTCP Chứng khoán Rồng Việt. | 100% |
| 9 | 09/2021/NQ-HĐQT | 26/02/2021 | - V/v Mua lại trước hạn Trái phiếu đã phát hành của CTCP Chứng khoán Rồng Việt. | 100% |
| 10 | 10/2021/NQ-HĐQT | 05/03/2021 | - V/v Thay đổi người được ủy quyền ký hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng TNHH Indovina. | 100% |
| 11 | 11/2021/NQ-HĐQT | 05/03/2021 | - V/v Thay đổi người được ủy quyền ký hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn. | 100% |
| 12 | 12/2021/NQ-HĐQT | 05/03/2021 | - V/v Đề nghị Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân cấp hạn mức tín dụng phục vụ cho hoạt động kinh doanh. | 100% |
| 13 | 13/2021/NQ-HĐQT | 17/03/2021 | - V/v Thay đổi nhân sự Hội đồng đầu tư và bổ sung nhân sự các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị. | 100% |

**I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)****2. VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA HĐQT (tiếp theo)**

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 14 | 14/2021/NQ-HĐQT | 17/03/2021 | - V/v Thông qua các nội dung liên quan đến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2020. | 100% |
| 15 | 15/2021/NQ-HĐQT | 07/04/2021 | - V/v Mua lại trước hạn Trái phiếu đã phát hành của CTCP Chứng khoán Rồng Việt. | 100% |
| 16 | 16/2021/NQ-HĐQT | 07/04/2021 | - V/v Thông qua phương án phát hành Trái phiếu doanh nghiệp thành nhiều đợt năm 2021. | 100% |
| 17 | 17/2021/NQ-HĐQT | 22/04/2021 | - V/v Triển khai thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2020. | 100% |
| 18 | 18/2021/NQ-HĐQT | 28/04/2021 | - V/v Mua lại trước hạn Trái phiếu đã phát hành của CTCP Chứng khoán Rồng Việt. | 100% |
| 19 | 19/2021/NQ-HĐQT | 11/05/2021 | - V/v Thay đổi địa điểm Chi nhánh Nha Trang. | 100% |
| 20 | 20/2021/NQ-HĐQT | 26/05/2021 | - V/v Kết quả thực hiện Giai đoạn 1 và Kế hoạch triển khai Giai đoạn 2 Dự án "Chiến lược phát triển Công ty giải đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030". | 100% |
| 21 | 21/2021/NQ-HĐQT | 15/06/2021 | - V/v Phê duyệt bổ sung ngân sách đầu tư Hệ thống Hạ tầng Công nghệ thông tin năm 2021. | 100% |
| 22 | 22/2021/NQ-HĐQT | 05/07/2021 | - V/v Ban hành Bộ Quy tắc Ứng xử CTCP Chứng khoán Rồng Việt. | 100% |

**I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)****2. VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA HĐQT (tiếp theo)**

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 23 | 22A/2021/NQ-HĐQT | 06/08/2021 | - V/v Đề nghị Ngân hàng Eximbank – PGD Tao Đàn, Chi nhánh TP.HCM cấp hạn mức tín dụng phục vụ cho hoạt động kinh doanh. | 100% |
| 24 | 23/2021/NQ-HĐQT | 20/08/2021 | - V/v Thông qua phương án phát hành Trái phiếu Rồng Việt thành nhiều đợt năm 2021. | 100% |
| 25 | 24/2021/NQ-HĐQT | 25/08/2021 | - V/v Sửa đổi một số nội dung và thông qua Phương án phát hành Trái phiếu Rồng Việt thành nhiều đợt năm 2021. | 100% |
| 26 | 25/2021/NQ-HĐQT | 01/10/2021 | - V/v Ban hành Quy chế hoạt động Kiểm toán nội bộ, Quy trình Kiểm toán nội bộ và Hướng dẫn thực hiện kiểm toán và đánh giá nội bộ của CTCP Chứng khoán Rồng Việt. | 100% |
| 27 | 26/2021/NQ-HĐQT | 01/10/2021 | - V/v Bổ nhiệm chức vụ Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty. | 100% |
| 28 | 27/2021/NQ-HĐQT | 08/10/2021 | - V/v Thay đổi cơ cấu tổ chức Trung tâm Công nghệ thông tin. | 100% |
| 29 | 28/2021/NQ-HĐQT | 14/10/2021 | - V/v Đề nghị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai (Vietcombank – CN. Hoàng Mai) cấp hạn mức tín dụng phục vụ cho hoạt động kinh doanh. | 100% |
| 30 | 29/2021/NQ-HĐQT | 15/11/2021 | - V/v Thay đổi logo Rồng Việt. | 100% |

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

2. VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA HĐQT (tiếp theo)

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|--------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 31 | 30/2021/NQ-HĐQT | 18/11/2021 | - V/v Ngân hàng TNHH Indovina tái cấp hạn mức tín dụng phục vụ cho hoạt động kinh doanh. | 100% |
| 32 | 31/2021/NQ-HĐQT | 26/11/2021 | - V/v Phê duyệt bổ sung ngân sách đầu tư Hệ thống hạ tầng Công nghệ thông tin năm 2021 – Lần 2. | 100% |
| 33 | 32/2021/NQ-HĐQT | 14/12/2021 | - V/v Phê duyệt khoản vay với Ngân hàng Taishin International Bank thông qua thư tín dụng dự phòng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. | 100% |
| 34 | 33/2021/NQ-HĐQT | 23/12/2021 | - V/v Thông qua phương án phát hành Trái phiếu Rong Việt tháng 12 năm 2021. | 100% |

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành Công ty

HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát để giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các định hướng chiến lược của HĐQT Công ty thông qua các phiên họp định kỳ hoặc theo yêu cầu phát sinh nhằm kịp thời đưa ra những kiến nghị, hỗ trợ cho Ban điều hành. Trong mỗi phiên họp, Ban điều hành phải tổng hợp và báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty, kết quả thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được giao, cũng như kiểm điểm công tác thực hiện các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT cho Ban điều hành.

Căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty, trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã thực hiện công tác giám sát Tổng Giám đốc trong các lĩnh vực sau:

- Tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021;
- Tổ chức thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm tài chính 2021 và thực hiện các Nghị quyết của HĐQT;
- Công tác tổ chức và điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát và báo cáo định kỳ và đột xuất đối với cả hoạt động kinh doanh và vận hành, HĐQT đánh giá rằng Ban Điều hành đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách nghiêm túc theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, cũng như Điều lệ Công ty và nghị quyết của ĐHĐCĐ. Bên cạnh đó, HĐQT đã thực hiện các quyền và trách nhiệm được giao một cách thận trọng, chuyên nghiệp đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty và các Cổ đông.

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

3. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Nhằm duy trì sự độc lập, minh bạch và cái nhìn đa chiều cho HĐQT, hiện nay Rong Việt đang duy trì cơ cấu HĐQT với đa số là những thành viên không điều hành, độc lập. Cơ cấu này giúp đảm bảo góc nhìn khách quan, góp ý mang tính xây dựng và quan điểm sáng tạo khi phân tích và tìm giải pháp cho các vấn đề.

Các thành viên không điều hành, độc lập của Hội đồng quản trị cũng tích cực tham gia vào những hoạt động trọng yếu của Rong Việt thông qua việc nắm giữ những vị trí quan trọng trong các Tiểu ban/Hội đồng trực thuộc HĐQT. Điều này đảm bảo HĐQT luôn theo dõi, giám sát chặt chẽ và có những sự điều chỉnh, định hướng kịp thời cho hoạt động kinh doanh của Công ty.



4. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhằm hỗ trợ HĐQT trong việc giám sát và định hướng kịp thời cho toàn bộ hoạt động của Công ty, cũng như tăng cường tính khách quan và độc lập trong các quyết định của HĐQT, từ ngày 01/12/2015, HĐQT Rong Việt đã thành lập 02 Tiểu ban và 01 Hội đồng trực thuộc.

Cơ cấu và nhiệm vụ của mỗi Tiểu ban/ Hội đồng được trình bày dưới đây.



I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

4. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

a. Tiểu ban Nhân sự - Lương – Thưởng

Tại Rông Việt, Tiểu ban Nhân sự - Lương – Thưởng nắm giữ những vai trò trọng yếu liên quan đến hoạt động nhân sự và các vấn đề về lương, thưởng như sau:

- Tham mưu, góp ý cho Hội đồng quản trị trong các công việc liên quan đến bổ nhiệm thành viên và các chính sách thù lao, lương thưởng cho HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban điều hành và các cấp quản lý của Công ty.
- Đánh giá hiệu quả hoạt động của Ban điều hành Công ty.
- Quyết định hoặc phê duyệt kế hoạch phát triển nguồn nhân lực có năng lực quản lý.
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị về chính sách lương, thưởng, chương trình cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên của toàn Công ty.

Tiểu ban Nhân sự - Lương – Thưởng xem xét và đưa ra quyết định trong phạm vi thẩm quyền thông qua việc biểu quyết công khai trong các cuộc họp của Tiểu ban hoặc thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các cuộc họp của Tiểu ban sẽ được triệu tập trong các trường hợp sau: Chủ tịch HĐQT có yêu cầu, theo đề nghị của ít nhất 02 thành viên Tiểu ban hoặc theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

b. Tiểu ban Quản trị rủi ro

Tiểu ban có trách nhiệm hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc:

- Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro, cũng như các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro và mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;
- Đưa ra đánh giá độc lập về tính phù hợp và tuân thủ của các chính sách, quy trình rủi ro của Công ty;
- Kiểm tra, đánh giá tính đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này.

Trong năm 2021, Tiểu ban Quản trị rủi ro đã thường xuyên thực hiện các báo cáo quản trị rủi ro hàng tháng, tính toán, rà soát các hạn mức rủi ro của các đơn vị trong tháng và trên cơ sở đó, Tiểu ban đề xuất Chính sách hạn mức rủi ro cho năm tiếp theo.

c. Hội đồng đầu tư

Hội đồng đầu tư là cơ quan chuyên trách trực thuộc Hội đồng quản trị để quản lý toàn bộ hoạt động đầu tư của Công ty. Hội đồng đầu tư sẽ chịu trách nhiệm xem xét và đưa ra các quyết định đầu tư trong phạm vi thẩm quyền được cho phép. Bộ phận hỗ trợ trực tiếp cho Hội đồng đầu tư là Khối Đầu tư, giúp cung cấp các báo cáo và khuyến nghị đầu tư để Hội đồng đầu tư xem xét và đánh giá trong các cuộc họp định kỳ. Hội đồng đầu tư của Công ty xem xét và đưa ra quyết định đầu tư thông qua việc biểu quyết công khai trong các cuộc họp định kỳ hoặc khi có đề nghị của Tổng Giám đốc.



I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

4. CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Danh sách thành viên của mỗi Tiểu Ban/Hội đồng trực thuộc HĐQT như sau:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tiểu ban Nhân sự - Lương - Thưởng | Tiểu ban Quản trị rủi ro | Hội đồng đầu tư |
|-----|---------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Miên Tuấn | Chủ tịch HĐQT | ✓ Trưởng Tiểu ban | | ✓ Chủ tịch |
| 2 | Ông Nguyễn Thúc Vinh | Thành viên HĐQT không điều hành | ✓ Thành viên | ✓ Thành viên | |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Thu Huyền | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | ✓ Thành viên | ✓ Thành viên | ✓ Thành viên |
| 4 | Ông Nguyễn Hiếu | Thành viên HĐQT | ✓ Thành viên | ✓ Thành viên | |
| 5 | Bà Hoàng Hải Anh | Thành viên HĐQT độc lập | | ✓ Trưởng Tiểu ban | |
| 6 | Bà Nguyễn Ngọc Vân Phương | Giám đốc Điều hành phụ trách Khối Hỗ trợ kiêm Giám đốc Nhân sự | ✓ Thành viên kiêm Thư ký | | |
| 7 | Ông Nguyễn Hắc Hải | Giám đốc Điều hành phụ trách Khối Đầu tư | | | ✓ Thành viên kiêm Thư ký |
| 8 | Bà Phan Thị Thuần Hương | Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ & Quản trị rủi ro | | ✓ Thành viên kiêm Thư ký | |
| 9 | Ông Nguyễn Trung Quân | Trưởng phòng Pháp chế | | ✓ Thành viên | |



I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

5. Đánh giá chung về hoạt động HĐQT

Trong năm 2021, mặc dù có những thay đổi về cách thức làm việc do ảnh hưởng của dịch Covid, HĐQT vẫn duy trì hoạt động hiệu quả trong công tác chỉ đạo và giám sát. Một số đặc điểm tiêu biểu như sau:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông năm tài chính 2020;
- Tổ chức các buổi họp của HĐQT để thông qua các chính sách và vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Cụ thể, HĐQT đã tiến hành 31 phiên họp, bao gồm cả hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, ra quyết sách cho các vấn đề về bổ nhiệm cán bộ quản lý, quy chế hoạt động, điều hành... Số thành viên tham dự các cuộc họp luôn đạt tỷ lệ cao, đảm bảo tính độc lập, minh bạch và đa chiều trong các quyết định của HĐQT;
- HĐQT luôn giám sát chặt chẽ việc thực hiện các quyết định của HĐQT và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;



Về việc nâng cao năng lực quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của Rong Viet đã tích cực tham gia các buổi tọa đàm, hội thảo chuyên ngành để nâng cao năng lực quản trị.

Năm 2021 cũng là năm cuối cùng trong nhiệm kỳ 2017-2021. Trong nhiệm kỳ, mặc dù có những sự thay đổi về mặt nhân sự và cách thức làm việc do điều kiện dịch bệnh, với tôn chỉ luôn nỗ lực hết mình để xây dựng Rong Viet thành một tập thể vững mạnh, một định chế tài chính hàng đầu, đem lại

hiệu quả cao nhất cho cổ đông cũng như các bên liên quan, Hội đồng quản trị đã có những điều chỉnh kịp thời đáp ứng với tình hình thực tế, cũng như đưa ra những định hướng, quyết sách quan trọng. Những định hướng này đã mang đến những kết quả vô cùng tích cực:

- Kết quả kinh doanh năm 2021 đạt mức cao nhất kể từ khi thành lập, với tổng doanh thu đạt 1.054,1 tỷ đồng, tương đương 199,6% kế hoạch năm 2021 và cao hơn 126,0% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế đạt 534,1 tỷ đồng, tương đương 296,7% kế hoạch năm và cao hơn 184% so với năm 2020.
- Hiệu quả công tác quản trị của Rong Viet được ghi nhận khi Rong Viet nằm trong danh sách Top 5 doanh nghiệp quản trị tốt nhất năm 2020, Top 30 Báo cáo thường niên 2020 tốt nhất nhóm vốn hóa nhỏ; giải thưởng Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh do Giải thưởng kinh doanh xuất sắc Châu Á trao tặng.

Bên cạnh đó là sự cải tổ về cơ cấu tổ chức cũng như các quy định, chính sách liên quan đến hoạt động vận hành, kinh doanh của Công ty, góp phần hoàn thiện hơn bộ máy hoạt động, tăng hiệu quả chung, cũng như tạo tiền đề để phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai.



I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

6. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2022

Với tiền đề là những thay đổi sâu rộng từ bên trong trên nhiều mặt, từ cơ cấu tổ chức, quy chế hoạt động, đến các cải tiến về hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, các dự án chuyển đổi số, cùng với xu hướng tăng lên không ngừng của những nhà đầu tư mới trong suốt hai năm qua, trong năm 2022, quan điểm định hướng được đặt ra là **“Củng cố nền tảng - Mở rộng quy mô - Gia tăng hiệu quả”**.



A. Củng cố nền tảng:

- Bám sát kế hoạch và đẩy mạnh các hoạt động tạo doanh thu từ phí dịch vụ, các hoạt động ngân hàng đầu tư mang lại doanh thu cao; tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng ở tất cả các nhóm khách hàng;
- Tiếp tục củng cố, phát triển đội ngũ, cải tiến chất lượng tư vấn và chất lượng dịch vụ đối với phân khúc khách hàng cá nhân có chuyên viên tư vấn quản lý tài khoản;
- Tăng cường công tác quản lý rủi ro;
- Bám sát và đẩy mạnh thực hiện các dự án chuyển đổi số;
- Cải tiến và nâng tầm hệ thống quản trị- điều hành- kiểm soát trên toàn hệ thống phù hợp với Chiến lược phát triển giai đoạn 2021- 2030.



B. Mở rộng quy mô

- Tăng năng lực tài chính thông qua tăng vốn điều lệ và mở rộng các kênh huy động vốn;
- Phát triển và khai thác có hiệu quả hệ sinh thái khách hàng;
- Mở rộng mạng lưới hoạt động thông qua thành lập các chi nhánh mới ở các địa bàn tiềm năng;
- Nghiên cứu, bổ sung các sản phẩm đa dạng, tiện ích, phù hợp với nhu cầu của tập khách hàng ngày càng lớn.
- Phát triển đội ngũ nhân sự vững mạnh, tăng cường công tác đào tạo, cải thiện môi trường làm việc và chính sách đãi ngộ.



C. Gia tăng hiệu quả

- Nâng cao khả năng quản lý, sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi;
- Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, từ đó gia tăng trải nghiệm, sự hài lòng và niềm tin của khách hàng;
- Cải tiến quy trình- phương pháp quản trị điều hành;
- Hoàn thiện và đẩy mạnh công tác kiểm tra- kiểm toán nội bộ và quản trị rủi ro trên toàn hệ thống kết hợp với các dự án chuyển đổi số;



II. BAN KIỂM SOÁT

1. THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát (BKS) của Rông Việt hiện có 03 thành viên:

| STT | Họ và tên | Chức danh | Mức độ độc lập | Tỷ lệ cổ phần VDS đại diện/sở hữu | |
|-----|-------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------|
| | | | | % sở hữu | % đại diện |
| 1 | Ông Hồ Tấn Đạt | Trưởng Ban | Không phải người lao động Công ty | 0,00004% | - |
| 2 | Ông Nguyễn Văn Minh | Thành viên | Không phải người lao động Công ty | 0,00549% | - |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng | Thành viên | Trưởng phòng - Phòng Chăm sóc Khách hàng - Khối Khách hàng Tổ chức - CTCP Chứng khoán Rông Việt | - | - |

Năm 2021, Ban Kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp với tỷ lệ tham dự họp của các thành viên là 100%.

2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát tại Rông Việt có vai trò đại diện và thay mặt cổ đông Công ty thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và đưa ra những đề xuất, kiến nghị cho hoạt động của HĐQT, Ban điều hành về các vấn đề trọng yếu của Công ty nhằm tách bạch vai trò và nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông.



II. BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)



a. Giám sát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ

Qua quá trình kiểm tra, giám sát, BKS đánh giá hoạt động của Rông Việt trong năm 2021 luôn đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế quản trị công ty. Bên cạnh đó, các quy định về công bố thông tin đối với công ty chứng khoán niêm yết được Công ty chấp hành tốt và không để xảy ra bất kỳ sai phạm nào. Điều này đảm bảo cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư và các bên có lợi ích liên quan luôn kịp thời nắm bắt được những thông tin trọng yếu về tình hình hoạt động, tổ chức và tài chính của Công ty.

b. Giám sát hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính năm 2021

Sau quá trình làm việc với Kế toán trưởng để rà soát Báo cáo tài chính do Ban điều hành lập và có ý kiến của đơn vị Kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Ban kiểm soát nhận thấy:

Xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của CTCP Chứng Khoán Rông Việt đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban kiểm soát đã thống nhất với báo cáo tài chính và ý kiến của đơn vị kiểm toán trên báo cáo tài chính năm 2021.

Trong năm 2021, Rông Việt đã lập và công bố các Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của

pháp luật và cơ quan quản lý. Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và Báo cáo tài chính năm 2021 được soát xét và kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Bộ Tài chính.

Các hoạt động của Rông Việt rõ ràng, công khai và minh bạch. BKS không phát hiện bất kỳ vi phạm nghiêm trọng nào về kế toán, tài chính, hoạt động kinh doanh cũng như các quy trình nội bộ của Công ty. Không có sự thay đổi bất thường nào khi so sánh số liệu hàng quý, bán niên với số liệu báo cáo tài chính cả năm hoặc giữa số liệu trước và sau soát xét, kiểm toán.

Ngoài ra, Công ty cũng đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước như nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, không để xảy ra tình trạng nợ thuế.



II. BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

c. Giám sát hoạt động của HĐQT và Ban điều hành

Trong năm 2021, BKS đã tham gia tất cả các phiên họp của HĐQT nhằm nắm bắt tình hình thực hiện những kế hoạch được thông qua bởi ĐHĐCĐ và kịp thời có những đề xuất, đóng góp cho sự phát triển chung của Công ty. Qua đó, BKS đánh giá HĐQT trong năm qua đã thực hiện tốt nhiệm vụ và thẩm quyền được ĐHĐCĐ giao phó, kịp thời ban hành các quyết định, nghị quyết giúp định hướng, điều chỉnh hoạt động kinh doanh của Công ty để đạt các mục tiêu được ĐHĐCĐ đề ra.

Ban điều hành trong năm 2021 đã tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty một cách hiệu quả và tuân thủ theo đúng quy định pháp luật và điều lệ Công ty, phù hợp với diễn biến của thị trường, nhờ đó mang lại kết quả hoạt động kinh doanh ấn tượng.

d. Giải quyết các kiến nghị của cổ đông đối với Công ty

Trong năm 2021, Ban kiểm soát không nhận được kiến nghị hoặc yêu cầu nào từ phía cổ đông, nhà đầu tư liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



KẾT LUẬN:

Thông qua hoạt động kiểm soát năm 2021, BKS nhận thấy HĐQT đã hoàn thành trách nhiệm định hướng và chỉ đạo Ban điều hành triển khai đầy đủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ; Ban điều hành cũng đã thực hiện tốt vai trò quản trị, điều hành hoạt động Công ty theo đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị công ty.

Trong nhiệm kỳ 2017-2021, Ban Kiểm soát cũng đã có những thay đổi về mặt nhân sự. Tuy vậy, hoạt động của BKS vẫn được duy trì bền vững và hiệu quả, đảm bảo việc thực thi các định hướng được đề ra của HĐQT. Trong năm 2021, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát đã được ban hành, nhằm hoàn thiện hơn bộ máy tổ chức và hoạt động, tăng tính hiệu quả của Ban Kiểm soát.



II. BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

3. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2022 (tiếp theo)

Nhằm tiếp tục phát huy những kết quả tích cực cả trong kinh doanh và vận hành trong năm 2021, đồng thời đảm bảo việc thực hiện định hướng cho năm 2022 là **"Củng cố nền tảng – Mở rộng quy mô - Gia tăng hiệu quả"**, Ban kiểm soát đề ra một số trọng tâm trong hoạt động như sau:

- Nâng cao hoạt động kiểm tra, giám sát đối với HĐQT và Ban điều hành để đảm bảo công tác định hướng, triển khai được tiến hành đúng và hiệu quả.
- Tăng cường sự phối hợp giữa HĐQT, Ban điều hành và Ban Kiểm soát.
- Trao đổi, hỗ trợ và đề xuất cho HĐQT, Ban điều hành các công việc cần thực hiện, cải tiến để nâng cao và phát huy hơn nữa hiệu quả hoạt động quản trị, điều hành;
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, tập trung kiểm soát và phát hiện kịp thời các yếu tố rủi ro trọng yếu, có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tiếp tục thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát khác về việc tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ và Quy chế quản trị công ty, kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, rà soát các BCTC quý, bán niên và BCTC năm, giám sát việc công bố thông tin theo quy định,...





III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và BKS

ĐHĐCĐ thường niên của Rong Viet là cơ quan quyết định mức chi trả thù lao dành cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Theo Nghị quyết 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ được thông qua ngày 07/04/2021, mức thù lao của HĐQT và BKS trong 2020 là 2,014 tỷ đồng, và kế hoạch thù lao cho HĐQT và BKS trong 2021 bằng 1,5% lợi nhuận trước thuế năm 2021.

Căn cứ tình hình kinh doanh thực tế trong năm 2021, số tiền thù lao cho HĐQT và BKS trong năm 2021 như sau:

| | Số tiền (VNĐ) |
|-------------------------------|-----------------|
| Lợi nhuận trước thuế năm 2021 | 534.946.923.309 |
| Tổng mức thù lao | 6.000.000.000 |

Mức thù lao này bằng 1,18% lợi nhuận trước thuế đã thực hiện năm 2021, thấp hơn hạn mức đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



Chế độ tiền thưởng và đãi ngộ khác cho thành viên HĐQT và BKS

Ngoài chế độ thù lao được phê duyệt bởi ĐHĐCĐ thường niên dành cho hoạt động của HĐQT và BKS, các thành viên HĐQT không điều hành, thành viên HĐQT độc lập và thành viên BKS không phải là người lao động của Công ty không nhận thêm bất cứ khoản tiền thưởng nào từ Quý khen thưởng, phúc lợi của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, ngoài chế độ thù lao, còn được hưởng lương, phúc lợi theo chế độ của Công ty.



III. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan

Trong năm 2021, có phát sinh giao dịch cổ phiếu VDS của người liên quan đến người nội bộ của Rong Viet như sau:

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) |
|-----|--------------------------------|------------------------------------|---------------------------|---------|----------------------------|-------|----------------------------------------------------|
| | | | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ | |
| 1 | Nguyễn Thị Thu Huyền | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 106.964 | 0,107% | 310.000 | 0,31% | Mua |
| 2 | Lưu Thị Dung | Chị dâu Bà Nguyễn Thị Thu Huyền | 1.508.661 | 1,507% | 0 | 0 | Bán |
| 3 | Công ty TNHH MTV Đầu tư Châu Á | Cổ đông lớn | 15.043.617 | 15,029% | 0 | 0 | Bán |

- Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Trong năm 2021, không có phát sinh giao dịch giữa Rong Viet với người có liên quan của Công ty, hoặc giữa Rong Viet với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ



IV. THÔNG TIN CỔ PHIẾU & ĐẢM BẢO QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Thông tin cổ phiếu

Danh sách chi tiết về cổ đông nội bộ và người được ủy quyền công bố thông tin:

(Nguồn: DSCĐ tại ngày 02/03/2022)

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng (*) | Cổ phần chuyển nhượng tự do (*) | Tổng cộng (*) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ đại diện (%) |
|--------------------------|----------------------|-------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|-------------------|------------------|--------------------|
| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | | | | 31.631.991 | 31.631.991 | 29,78% | 0% |
| 1 | Nguyễn Miên Tuấn | Chủ tịch | - | 18.701.500 | 18.701.500 | 17,79% | 0% |
| 2 | Phạm Mỹ Linh | Thành viên | - | 12.517.339 | 12.517.339 | 11,91% | 0% |
| 3 | Nguyễn Hiếu | Thành viên | - | 50.923 | 50.923 | 0,05% | 0% |
| 4 | Nguyễn Thúc Vinh | Thành viên | - | 36.729 | 36.729 | 0,03% | 0% |
| 5 | Nguyễn Thị Thu Huyền | Thành viên kiêm Tổng Giám đốc | - | 325.500 | 325.500 | 0,31% | |
| 6 | Hoàng Hải Anh | Thành viên độc lập | - | - | - | - | 0% |
| 7 | Nguyễn Quốc Bảo | Thành viên độc lập | - | - | - | - | 0% |
| BAN ĐIỀU HÀNH | | | | 397.138 | 397.138 | 0,38% | 0% |
| 1 | Nguyễn Thị Thu Huyền | Tổng Giám đốc | - | 325.500 | 325.500 | 0,31% | 0% |
| 2 | Lê Minh Hiền | Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính | - | 71.621 | 71.621 | 0,07% | 0% |
| 3 | Dương Kim Chi | Thành viên | - | 17 | 17 | 0,00002% | 0% |



IV. THÔNG TIN CỔ PHIẾU & ĐẢM BẢO QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

1. Thông tin cổ phiếu (tiếp theo)

Danh sách chi tiết về cổ đông nội bộ và người được ủy quyền công bố thông tin (tiếp theo):

(Nguồn: DSCĐ tại ngày 02/03/2022)

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng (*) | Cổ phần chuyển nhượng tự do (*) | Tổng cộng (*) | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ đại diện (%) |
|-----------------------|----------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|-------------------|------------------|--------------------|
| BAN KIỂM SOÁT | | | | 5.821 | 5.821 | 0,0055% | 0% |
| 1 | Hồ Tấn Đạt | Trưởng ban | - | 46 | 46 | 0,00004% | 0% |
| 2 | Nguyễn Văn Minh | Thành viên | - | 5.775 | 5.775 | 0,01% | 0% |
| 3 | Nguyễn Thị Thúy Hằng | Thành viên | - | - | - | 0,00% | 0% |
| THƯ KÝ CÔNG TY | | | | | | | |
| 1 | Đình Công Minh | Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty | - | - | - | 0,00% | 0% |
| TỔNG CỘNG | | | | 31.709.450 | 31.709.450 | 30,17% | 0% |



IV. THÔNG TIN CỔ PHIẾU & ĐẢM BẢO QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

1. Thông tin cổ phiếu (tiếp theo)

Loại hình sở hữu: (tại ngày 02/03/2022)

| Đối tượng | Số lượng CP | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-------------------|--------------------|------------------|
| I. Người nội bộ | 31.709.450 | 30,17% |
| II. Cổ phiếu quỹ | - | 0,0% |
| III. Cổ đông khác | 73.395.215 | 69,83% |
| 1. Trong nước | 71.681.524 | 68,20% |
| 1.1 Cá nhân | 70.950.756 | 67,50% |
| 1.2 Tổ chức | 730.768 | 0,70% |
| 2. Nước ngoài | 1.713.691 | 1,63% |
| 2.1 Cá nhân | 111.594 | 0,11% |
| 2.2 Tổ chức | 1.602.097 | 1,52% |
| TỔNG CỘNG | 105.104.665 | 100,0% |



IV. THÔNG TIN CỔ PHIẾU & ĐẢM BẢO QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

1. Thông tin cổ phiếu (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn: (tại ngày 02/03/2022)

| Cổ đông lớn | Số cổ phiếu thường | Giá trị vốn điều lệ | Tỷ lệ sở hữu |
|-------------------|--------------------|--------------------------|--------------|
| | | VND | VND |
| Nguyễn Miên Tuấn | 18.701.500 | 187.015.000.000 | 17,79% |
| Nguyễn Xuân Đô | 17.850.000 | 178.500.000.000 | 16,98% |
| Nguyễn Hoàng Hiệp | 17.850.000 | 178.500.000.000 | 16,98% |
| Phạm Mỹ Linh | 12.517.339 | 125.173.390.000 | 11,91% |
| Các cổ đông khác | 38.185.826 | 381.858.260.000 | 36,33% |
| | 105.104.665 | 1.051.046.650.000 | 100% |

Thông tin cổ phần:

| | | |
|-----------------------------------------|----------------------|---------|
| Tổng số cổ phần: | 105.104.665 | Cổ phần |
| Loại cổ phần đang lưu hành: | Phổ thông | - |
| Mệnh giá cổ phần: | 10.000 đồng/cổ phiếu | - |
| Cổ phiếu quỹ: | 0 | Cổ phần |
| Số lượng cổ phần đang lưu hành: | 105.104.665 | Cổ phần |
| Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: | 0 | Cổ phần |
| Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: | 105.104.665 | Cổ phần |



IV. THÔNG TIN CỔ PHIẾU & ĐẢM BẢO QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

1. Thông tin cổ phiếu (tiếp theo)

Tỷ lệ cổ đông sở hữu: (tại ngày 02/03/2022)

| STT | Đối tượng | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ sở hữu (%) | Số lượng cổ đông | Cơ cấu cổ đông | |
|-----|----------------------|--------------------|------------------|------------------|----------------|--------------|
| | | | | | Tổ chức | Cá nhân |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | - | 0,0% | - | - | - |
| 2 | Cổ đông lớn | 66.918.839 | 63,67% | 4 | 0 | 4 |
| | - Trong nước | 66.918.839 | 63,67% | 4 | 0 | 4 |
| | - Nước ngoài | - | 0,0% | - | - | - |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | - | 0,0% | - | - | - |
| 4 | Cổ đông khác | 38.185.826 | 36,33% | | | |
| | - Trong nước | 36.472.135 | 34,70% | 6.079 | 57 | 6.022 |
| | - Nước ngoài | 1.713.691 | 1,63% | 58 | 17 | 41 |
| | TỔNG CỘNG | 105.104.665 | 100,0% | 6.083 | 57 | 6.026 |
| | Trong đó: Trong nước | 103.390.974 | 98,37% | 6.025 | 40 | 5.985 |
| | Nước ngoài | 1.713.691 | 1,63% | 58 | 17 | 41 |



IV. THÔNG TIN CỔ PHIẾU & ĐẢM BẢO QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Đảm bảo quyền của cổ đông và nhà đầu tư

2.1 Đảm bảo quyền của cổ đông

Rông Việt luôn đảm bảo các quyền cơ bản của cổ đông được bảo vệ và không bị xâm phạm, tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bao gồm: quyền được đảm bảo đăng ký quyền sở hữu, quyền chuyển nhượng cổ phần, quyền tiếp cận các thông tin về công ty một cách kịp thời và thường xuyên, quyền tham gia họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), quyền bầu và bãi miễn thành viên HĐQT, quyền hưởng lợi nhuận của Công ty.

a. Quyền nhận cổ tức

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông Đợt 2 năm 2020, cụ thể:

- Ngày 09/07/2021: Công ty thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5%/ mệnh giá.

b. Quyền tham dự họp Đại hội cổ đông

Hàng năm, Rông Việt đều tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của pháp luật. ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 được tổ chức vào ngày 07/04/2021. Các trình tự, thủ tục thực hiện đều được Rông Việt tuân thủ đầy đủ theo quy định, nhằm đảm bảo lợi ích, quyền lợi chính đáng của cổ đông.

Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Rông Việt tại ngày đăng ký cuối cùng 05/03/2021 do Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp đều nhận được đầy đủ thông tin về: thời gian, địa điểm, điều kiện tham dự Đại hội, nội dung Đại hội, tài liệu Đại hội và cách thức đăng ký tham dự Đại hội trong Thư mời họp ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020. Thư mời họp và toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ được Rông Việt công

c. Đối xử bình đẳng với tất cả cổ đông

Để tăng cường sự tin tưởng và tín nhiệm của các cổ đông, Công ty luôn hướng đến việc đảm bảo quyền lợi và đối xử công bằng với mọi cổ đông. Cụ thể, Điều lệ hoạt động và Quy chế quản trị của Rông Việt được chỉnh sửa và hoàn thiện phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng, bao gồm các quy định như: cấm thực hiện

bố trên website công ty vào ngày 17/03/2021, với đầy đủ các báo cáo, tờ trình, dự thảo dự kiến được sử dụng trong Đại hội nhằm giúp cổ đông có sự chuẩn bị tốt nhất về thông tin và các vấn đề sẽ được trao đổi tại Đại hội.

Phiếu biểu quyết và Thẻ biểu quyết được cấp đầy đủ cho các cổ đông tham dự, với đầy đủ các thông tin của cổ đông và từng vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội cần biểu quyết thông qua. Cuộc họp ĐHĐCĐ do Chủ tọa đoàn điều khiển, với Chủ tịch HĐQT là chủ tọa.

Sau khi kết thúc Đại hội, Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2020 được Rông Việt công bố thông tin và đăng tải trên website công ty trong vòng 24 giờ.

giao dịch nội gián, công bố thông tin về lợi ích liên quan, đối xử công bằng với mọi cổ đông, đánh giá khách quan và tạo điều kiện tiếp cận thông tin cho cổ đông, đảm bảo công bố thông tin kịp thời và chính xác. Các quy định này luôn được Rông Việt tuân thủ và áp dụng trong mọi hoạt động quản trị và điều hành.

IV. THÔNG TIN CỔ PHIẾU & ĐẢM BẢO QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Đảm bảo quyền của cổ đông và nhà đầu tư (tiếp theo)

2.1 Đảm bảo quyền của cổ đông (tiếp theo)

d. Đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan



Các bên có quyền lợi liên quan đến hoạt động của Rong Viet bao gồm tất cả các nhóm đối tượng như cổ đông/nhà đầu tư, khách hàng, người lao động, ngân hàng, nhà cung cấp, cơ quan quản lý, cộng đồng địa phương. Rong Viet luôn tôn trọng và đề cao lợi ích của các bên liên quan, đảm bảo hoạt động của Rong Viet phải được xây dựng dựa trên nguyên tắc

đôi bên cùng có lợi, hướng tới sự phát triển bền vững của Công ty, thông qua việc không ngừng nỗ lực cải tiến sản phẩm dịch vụ, các quy trình chăm sóc khách hàng cũng như quy trình vận hành nội bộ, củng cố các chính sách, quy chế, đồng thời tuân thủ đầy đủ và chặt chẽ các quy định pháp luật cũng như tìm kiếm cơ hội đóng góp cho cộng đồng.

2.2 Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

a. Công bố thông tin

Rong Viet hiểu rõ việc công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời có ý nghĩa rất quan trọng đối với Công ty, không chỉ giúp gia tăng niềm tin và sự tin nhiệm của cổ đông, khách hàng, các bên có quyền lợi liên quan mà còn giúp nâng cao thương hiệu, khẳng định hình ảnh của Rong Viet trên thị trường và với các cơ quan quản lý. Vì vậy, Rong Viet luôn tuân thủ chặt chẽ, và luôn cập nhật các thay đổi mới nhất liên quan đến quy định về công bố thông tin để khách hàng, nhà đầu tư luôn có được những thông tin cần thiết, và đảm bảo uy tín của Công ty trên thị trường.

b. Các hoạt động khác

Bên cạnh các hoạt động công bố thông tin theo đúng quy định, Rong Viet còn chủ động thực hiện các hoạt động cập nhật thông tin quan trọng về công ty, cổ phiếu, thị trường đến khách hàng, cổ đông thông qua các bản tin thị trường hàng ngày, phân tích cổ phiếu, và gần đây nhất các chương trình phát sóng trực tiếp (livestream) với sự tham gia của các chuyên gia phân tích, đầu tư của Rong Viet.

Trong thời gian tới, Rong Viet dự định sẽ đẩy mạnh thêm các hoạt động quan hệ nhà đầu tư, ví dụ: tổ chức các buổi Analyst meeting định kỳ, các buổi tọa đàm ...

V. QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ

1. Quản trị rủi ro

a. Tổng quan về hoạt động quản trị rủi ro tại Rong Viet

Quản trị rủi ro (QTRR) luôn là hoạt động trung tâm, là một phần quan trọng trong công tác Quản trị Công ty giúp cho Công ty có thể thành công và phát triển bền vững. Quản trị rủi ro tốt giúp tạo ra lợi thế cạnh tranh và đóng góp vào sự hiệu quả của các chiến lược kinh doanh. Rủi ro có thể có trong mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty, vì vậy, tại Rong Viet, công tác quản trị rủi ro luôn được thực hiện một cách bài bản để có thể giúp Công ty hoàn thành tốt các mục tiêu đề ra. Từ đó, hệ thống quản trị rủi ro tại Rong Viet đã được thiết lập, vận hành và liên tục củng cố theo hướng:

Xác định Mục tiêu và Định hướng hoạt động quản trị rủi ro rõ ràng

Mục tiêu và định hướng hoạt động quản trị rủi ro ở Rong Viet gồm các nét chính như sau:



HÌNH 1: Định hướng và mục tiêu quản trị rủi ro ở Rong Viet để đạt được mục tiêu chiến lược từ năm 2020 – 2025

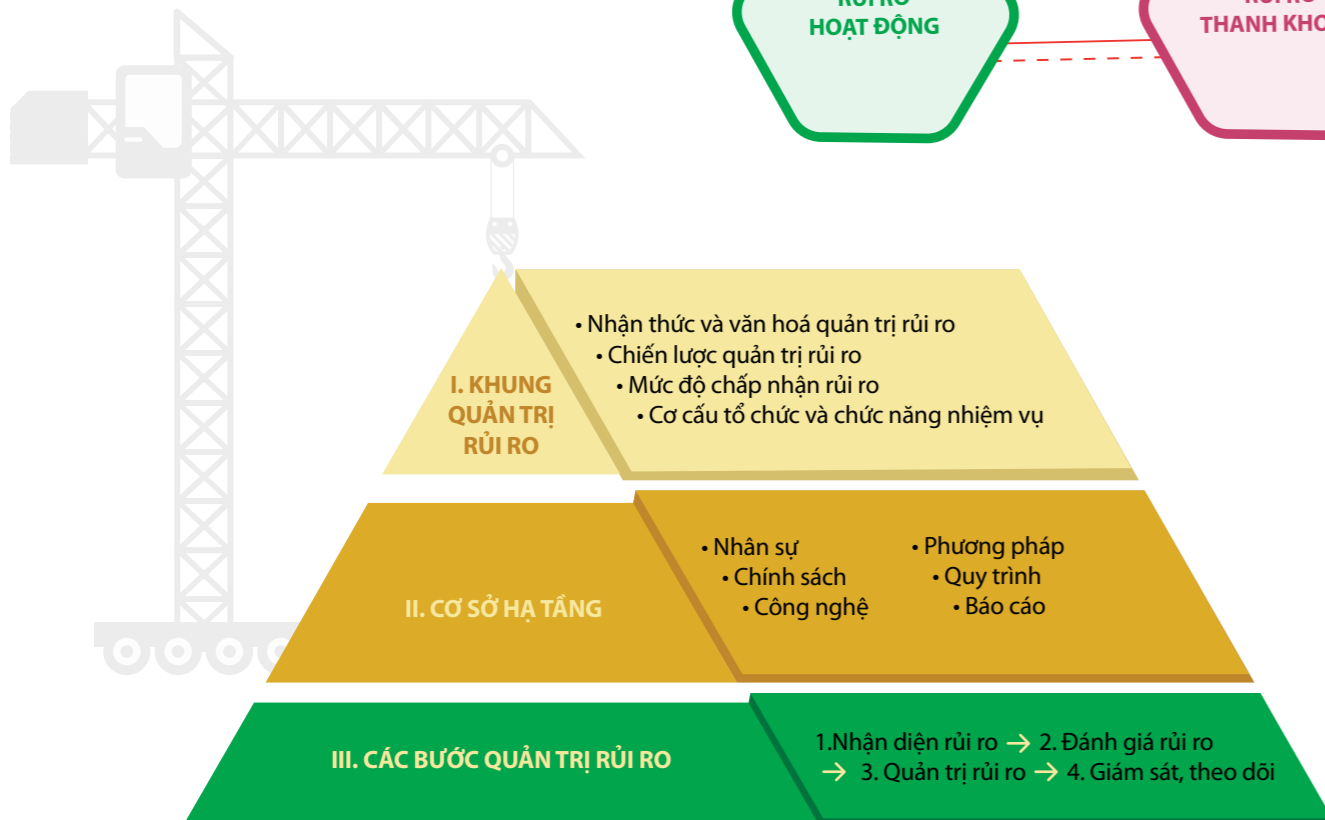
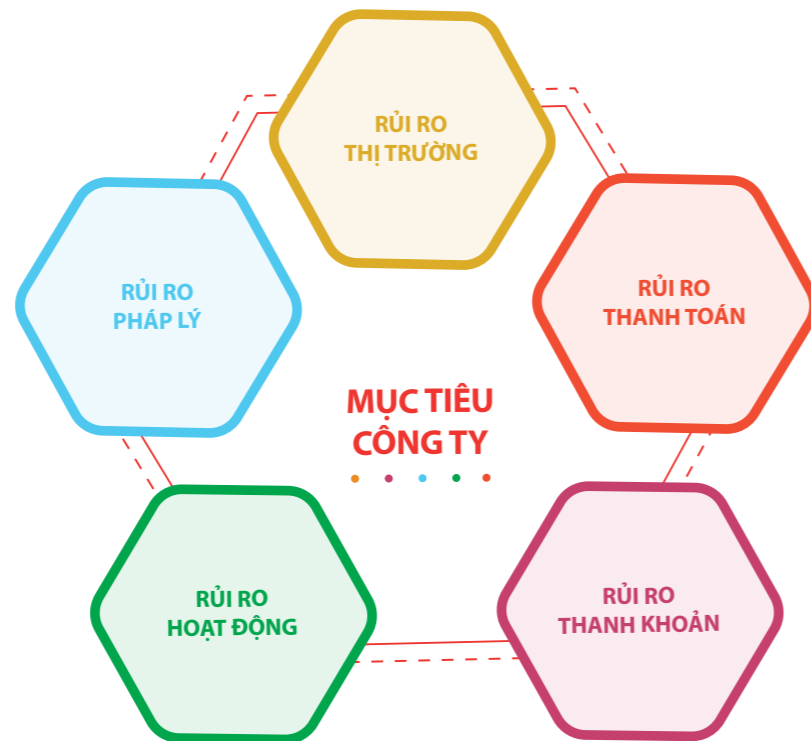
V. QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ (tiếp theo)

1. Quản trị rủi ro (tiếp theo)

a. Tổng quan về hoạt động quản trị rủi ro tại Rong Viet (tiếp theo)

Xác định rõ rủi ro trọng yếu và thiết lập hệ thống quản trị rủi ro đầy đủ để phòng ngừa/giảm thiểu/xử lý các rủi ro đó

HÌNH 2: Các rủi ro có ảnh hưởng trực tiếp tới việc đạt được mục tiêu chiến lược từ năm 2020 – 2025 của Rong Viet, bao gồm: Rủi ro thị trường, Rủi ro thanh toán, Rủi ro thanh khoản, Rủi ro hoạt động, Rủi ro pháp lý (được xác định theo QĐ số 105/QĐ-UB-CKNN về việc ban hành quy chế hướng dẫn việc thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho Công ty Chứng khoán).



HÌNH 3:

Hệ thống quản trị rủi ro ở Rong Viet (bao gồm khung quản trị rủi ro, cơ sở hạ tầng, các bước tiến hành) được thiết lập để xử lý các rủi ro trọng yếu

V. QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ (tiếp theo)

1. Quản trị rủi ro (tiếp theo)

a. Tổng quan về hoạt động quản trị rủi ro tại Rong Viet (tiếp theo)

Vận hành hệ thống quản trị rủi ro một cách hiệu quả, chuyên nghiệp



1. Sự cam kết và hỗ trợ từ Ban Lãnh đạo

Sự cam kết và hỗ trợ từ Ban Lãnh đạo là một trong những yếu tố quan trọng, đóng vai trò kim chỉ nam để xây dựng bộ máy quản trị rủi ro vững mạnh. Theo cơ cấu quản trị của Rong Viet, các phân lớp chịu trách nhiệm xác lập và thực thi hệ thống quản trị rủi ro như: Tiểu ban Quản trị rủi ro, P. Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro, đều có các quản lý cấp cao hỗ trợ, chỉ đạo.

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị rủi ro

Thiết lập cơ cấu tổ chức bộ máy quản trị rủi ro **độc lập và chuyên trách** là điều kiện tiên quyết để tổ chức thành công chức năng quản trị rủi ro, phân công quyền hạn và trách nhiệm một cách chính thức, có ý thức và sự gắn kết cao.

- HĐQT chịu trách nhiệm cao nhất đối với hoạt động quản trị rủi ro của Công ty;
- Tiểu ban QTRR chịu trách nhiệm hỗ trợ HĐQT xem xét và phê duyệt chính sách, chiến lược quản trị rủi ro;
- TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT trong việc triển khai chính sách rủi ro, hạn mức rủi ro đã được HĐQT phê duyệt;
- Bộ phận QTRR theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của Công ty; đề xuất các chính sách, hạn mức quản trị rủi ro cho TGD;
- Trưởng các đơn vị nghiệp vụ chịu trách nhiệm trước TGD về việc triển khai, kiểm tra thực hiện công tác quản trị rủi ro tại chính đơn vị mình. Bộ phận KTNB phối hợp với QTRR thực hiện việc kiểm soát, giám sát công tác thực thi KSNB, QTRR của các đơn vị nghiệp vụ để đảm bảo sự hiệu quả và đầy đủ.



3. Văn hoá quản trị rủi ro của Công ty

Với tư duy "làm đúng ngay từ đầu", Rong Viet hình thành văn hóa quản trị rủi ro hiệu quả, luôn sát sao trong từng nghiệp vụ với quy trình kiểm soát và kiểm tra chặt chẽ (Monitor -> Control -> Plan).

4. Quá trình trao đổi, thông tin và tham vấn

Quá trình trao đổi, thông tin và tham vấn đóng vai trò nòng cốt trong việc truyền tải thông tin rủi ro xuyên suốt tại Rong Viet. Ở mỗi phân lớp, việc xây dựng hệ thống thông tin truyền thông, văn hoá phản hồi nhanh chóng đảm bảo thông tin được chia sẻ và trao đổi kịp thời, chính xác góp phần tạo nên sự gắn kết và hiệu quả trong công việc nhận diện, xử lý và giám sát rủi ro.



V. QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ (tiếp theo)

1. Quản trị rủi ro (tiếp theo)

a. Tổng quan về hoạt động quản trị rủi ro tại Rong Viet (tiếp theo)

Vận hành hệ thống quản trị rủi ro một cách hiệu quả, chuyên nghiệp (tiếp theo)



5. Công nghệ thông tin

Hoạt động của Công ty đều được hỗ trợ lớn bởi công nghệ thông tin, Rong Viet không ngừng nâng cấp hệ thống hạ tầng như: Hệ thống Core, mạng, ứng dụng nội bộ. Từ năm 2021, Rong Viet đẩy mạnh hơn nữa việc tận dụng tối đa Hệ sinh thái Microsoft 365, Công cụ báo cáo Power BI, quản lý công việc Jira,... để tăng tốc độ xử lý và hiệu quả công tác quản trị rủi ro; cùng với đó là tăng cường tự động hóa để củng cố hệ thống cảnh báo sớm, mang đến một trải nghiệm mới cho hoạt động quản trị rủi ro tại Rong Viet.



6. Đào tạo huấn luyện các kiến thức về quản trị rủi ro cho cán bộ nhân viên

Việc đào tạo/huấn luyện quản trị rủi ro đóng vai trò quan trọng, truyền tải xuyên suốt và thống nhất về ngôn ngữ rủi ro cũng như cách thức quản trị rủi ro mà Rong Viet đang áp dụng cho tất cả các hoạt động. Nhận thức được vai trò và nhu cầu của cán bộ nhân viên về kiến thức quản trị rủi ro, bộ phận quản trị rủi ro ở Rong Viet thường xuyên phối hợp với P.NSĐT tổ chức các khoá tập huấn cho nhân viên trong Công ty.

Sự hội tụ các nguồn lực: sự cam kết và hỗ trợ từ Ban Lãnh đạo, mô hình quản trị rủi ro tiên tiến, cũng như các yếu tố về con người và công nghệ, đã củng cố nền tảng vững chắc, hứa hẹn hoạt động quản trị rủi ro sẽ phát triển theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại hơn trong tương lai.



V. QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ (tiếp theo)

1. Quản trị rủi ro (tiếp theo)

b. Quản trị rủi ro vận hành trong năm 2021

Hành động Ứng phó nhanh với các rủi ro từ đại dịch COVID-19

Năm 2021 là năm thứ hai dịch COVID-19 xuất hiện tại Việt Nam và để lại nhiều "nốt lặng". Qua 2 năm, dịch bệnh COVID-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến toàn bộ nền kinh tế - xã hội nói chung và cộng đồng Doanh nghiệp nói riêng.

Trong bối cảnh dịch bệnh, phải thực hiện giãn cách xã hội, nhiều doanh nghiệp, trong đó có Rong Viet, để duy trì hoạt động kinh doanh liên tục mà vẫn đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động đã phải tìm nhiều cách ứng phó, thích ứng nhanh. Cụ thể tại Rong Viet, một số nhóm hành động ứng phó với các rủi ro từ Đại dịch Covid-19 được áp dụng như sau:

- Ban chỉ đạo phòng chống dịch chủ động xây dựng kế hoạch, tiếp nhận, xử lý thông tin đối nội – đối ngoại, truyền thông các biện pháp giữ an toàn cho cán bộ nhân viên và khách hàng, đảm bảo thông tin được đầy đủ và xuyên suốt.
- Xây dựng nhiều kịch bản ứng phó dự phòng với các tình huống phức tạp của đại dịch, đảm bảo duy trì hoạt động liên tục cho Công ty.
- Sẵn sàng các phương án bảo vệ liên quan đến rủi ro sức khỏe cho Cán bộ Nhân viên. Quy định xử phạt nghiêm khắc trong việc tuân thủ 5K, khoanh vùng chống dịch.
- Chuyển đổi nhanh chóng từ hình thức làm việc trực tiếp sang trực tuyến thông qua nền tảng công nghệ hiện đại đã được chuẩn bị từ các Dự Án Chuyển Đổi Số. Từ đó, chế độ làm việc luân phiên tại Công ty được thiết lập theo tỉ lệ phù hợp theo từng giai đoạn cụ thể, vừa đảm bảo duy trì hoạt động liên tục vừa đảm bảo sức khỏe cho cán bộ nhân viên.
- Các hoạt động tuyển dụng – đào tạo cũng được duy trì ổn định nhằm đảm bảo nhu cầu nguồn lực cũng như nhu cầu đào tạo, phát triển của Cán bộ Nhân viên.



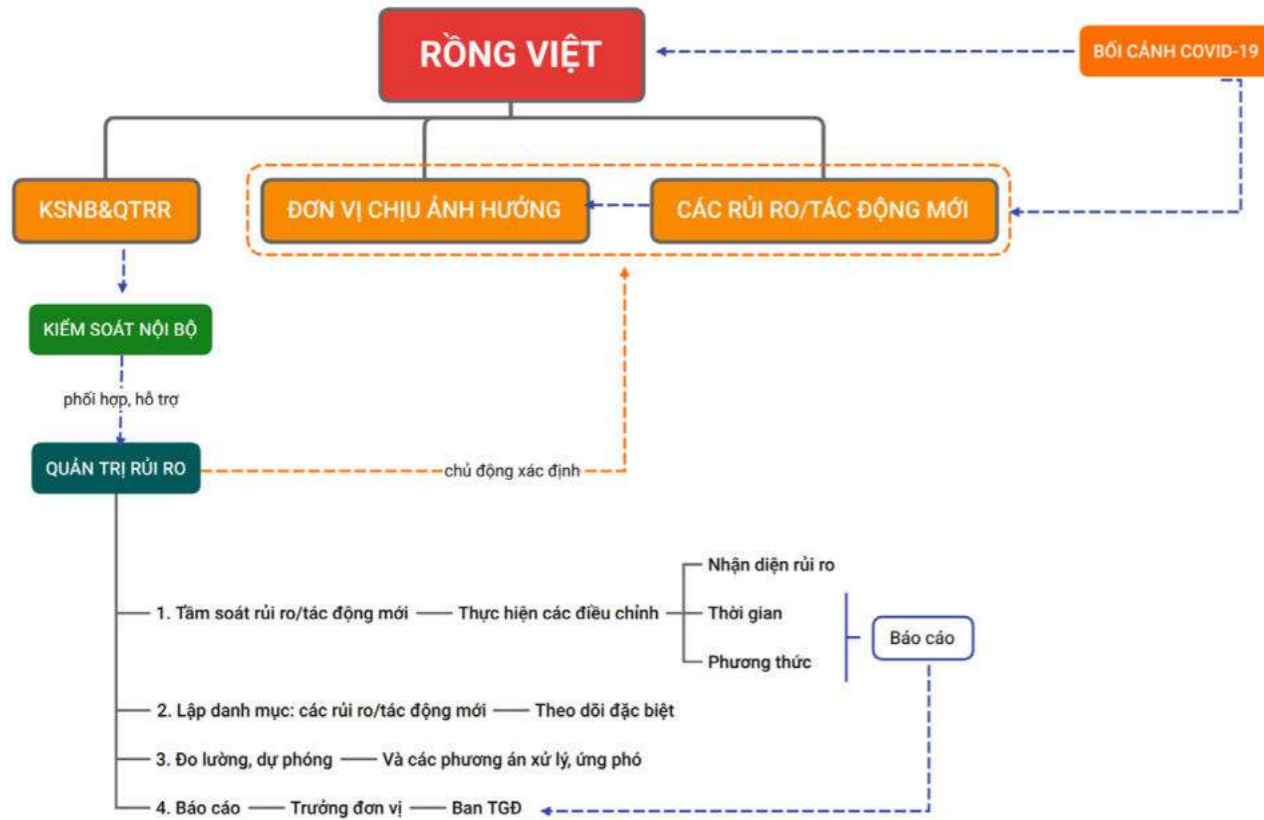
V. QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ (tiếp theo)

1. Quản trị rủi ro (tiếp theo)

b. Quản trị rủi ro vận hành trong năm 2021 (tiếp theo)

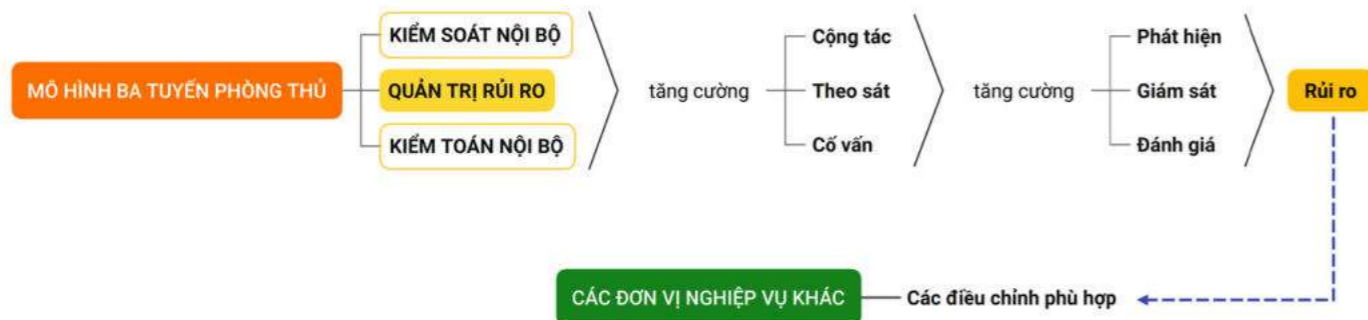
Mở rộng nhận diện, khoanh vùng rủi ro

Từ những rủi ro có thể phát sinh thêm trong thời kì dịch bệnh, Bộ phận Quản trị rủi ro luôn tích cực theo dõi, giám sát, quản lý rủi ro cùng với các đơn vị nghiệp vụ.



Tăng cường hoạt động phối kết hợp, gia tăng hàm lượng thông tin báo cáo

Để tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro trong thời kì này, Bộ phận Quản trị rủi ro (QTRR) đã phối hợp chặt chẽ với các Đơn vị nghiệp vụ, Kiểm soát nội bộ (KSNB) và Kiểm toán nội bộ (KTNB) theo mô hình tối đa hóa tại Hình 7, qua đó củng cố, phát triển và đáp ứng mục tiêu “Xây nền tảng – Đón tương lai” cho các tuyến phòng vệ của Công ty.



V. QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ (tiếp theo)

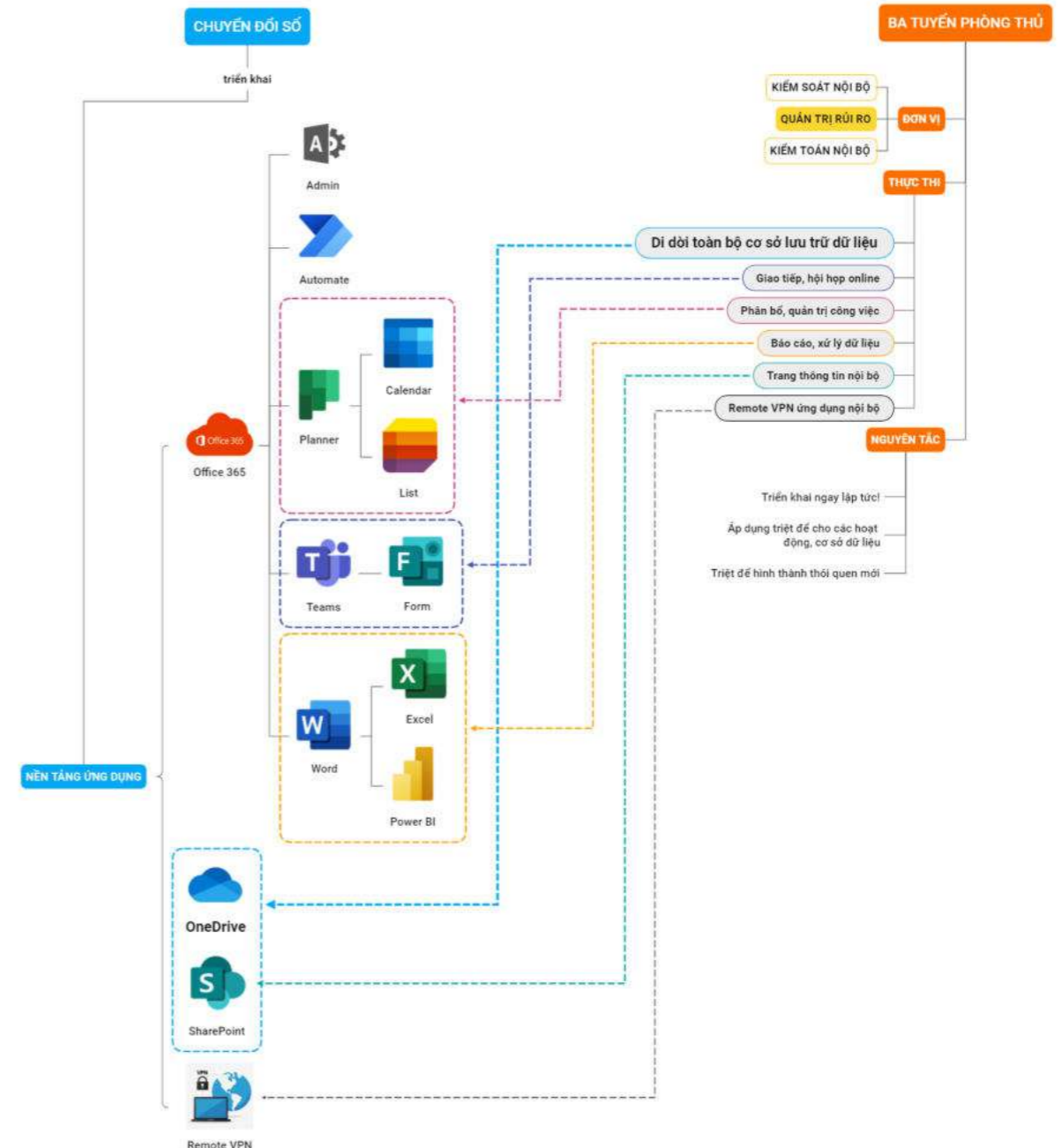
1. Quản trị rủi ro (tiếp theo)

c. Quản trị rủi ro áp dụng chuyển đổi số: Hướng đến thay đổi toàn diện

Thay đổi phương tiện, thói quen làm việc mang đến màu sắc mới cho Hoạt động QUẢN TRỊ RỦI RO

Ngay khi các nền tảng chuyển đổi số được triển khai tại Rồng Việt như Office Dynamics 365: OneDrive, Teams, Sharepoint..., Bộ phận QTRR là một trong các đơn vị tiên phong áp dụng với việc nhanh chóng di chuyển toàn bộ cơ sở dữ liệu từ máy tính lên OneDrive, thiết lập Remote PC. Việc di chuyển toàn bộ cơ sở dữ liệu và

triển khai nhanh chóng các công cụ làm việc trước khi các chỉ thị giãn cách bắt buộc được áp dụng giúp việc quản trị rủi ro gần như hoàn toàn không phụ thuộc vào địa điểm làm việc, có thể duy trì 100% các hoạt động thông qua Internet và đăng nhập cơ sở dữ liệu, ứng dụng mọi nơi.





V. QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ (tiếp theo)

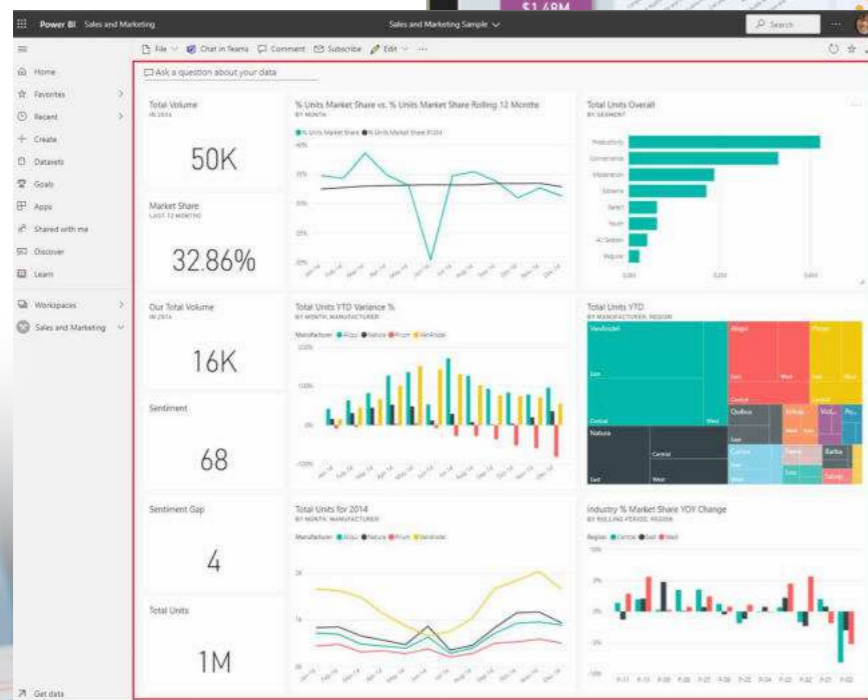
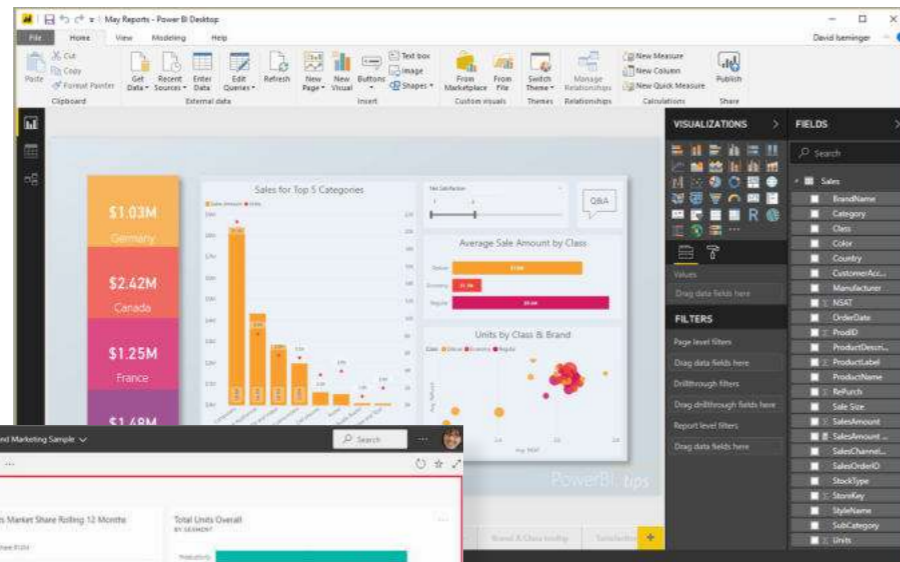
1. Quản trị rủi ro (tiếp theo)

c. Quản trị rủi ro áp dụng chuyển đổi số: Hướng đến thay đổi toàn diện (tiếp theo)

Triển khai báo cáo Microsoft Power BI song song hỗ trợ báo cáo trên Microsoft Word và các thức báo cáo khác

Bám sát mục tiêu 2021 của Rông Việt là "XÂY NỀN TẢNG – ĐÓN TƯƠNG LAI", bên cạnh các hình thức báo cáo qua Microsoft Word, Power Point, ..., Bộ phận QTRR là đơn vị tiên phong đầu tiên thực hiện nghiên cứu và triển khai thử nghiệm hệ sinh thái báo cáo nội bộ trên Microsoft Power BI, cùng hướng tới mục tiêu triển khai

đồng bộ, toàn diện một hệ thống báo cáo toàn diện, đầy đủ trên ứng dụng này. Hệ báo cáo trên Microsoft Power BI cung cấp giải pháp xử lý dữ liệu lớn với tốc độ cao, trực quan hóa các dạng phân tích, biểu diễn dữ liệu mới, linh động đa nền tảng truy cập, cho phép tương tác trực tiếp trên báo cáo.



V. QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ (tiếp theo)

1. Quản trị rủi ro (tiếp theo)

d. Kế hoạch hành động năm 2022

Bên cạnh việc tuân thủ chính sách, quy trình quản trị rủi ro, các hạn mức rủi ro theo quy định của pháp luật và Công ty, trong năm 2022 Bộ phận QTRR sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

Tiếp tục hoàn thiện bộ nhận diện rủi ro, số hóa Cơ sở dữ liệu rủi ro

Tiếp nối các hoạt động của năm 2021, Bộ phận QTRR tiếp tục thực hiện công tác quản trị rủi ro theo quy định và hoàn thiện bộ nhận diện rủi ro, số hóa toàn bộ cơ sở dữ liệu rủi ro hiện có nhằm phát triển sâu rộng quản trị rủi ro trong mọi hoạt động của Công ty, bao gồm:

- Lập quy tắc gán ID cho từng rủi ro cụ thể;
- Tiến hành mở rộng cơ sở dữ liệu rủi ro, định giá lại các giá trị rủi ro;
- Lập bản đồ rủi ro dựa trên các ID đã được sắp xếp khoa học.

Tăng cường các hoạt động phân tích kịch bản, tiên lượng trong khâu đánh giá rủi ro

Từ cơ sở dữ liệu đã được mã số hóa và cấu trúc hóa trên Bản đồ rủi ro cũng như Bản đồ tương quan rủi ro, Bộ phận QTRR sẽ thực hiện mở rộng phân tích dữ liệu, áp dụng các mô hình đo lường, phân tích rủi ro cũng như dự báo xu hướng rủi ro bằng các công cụ chuyên môn hóa như Python, Power BI,... để có thể đo lường, đánh giá các rủi ro một cách chính xác, có cơ sở tính toán khoa học nhằm đưa ra các biện pháp xử lý kịp thời các rủi ro đã nhận diện, đánh giá.

Tiếp tục nghiên cứu triển khai các ứng dụng mới trong Báo cáo Quản trị rủi ro, gia tăng hàm lượng thông tin báo cáo dựa trên kết quả đạt được của hoạt động nhận diện và đánh giá rủi ro



Phối hợp với P. KSNB và BP. KTNB nâng cao chất lượng công tác giám sát, kiểm soát quản trị rủi ro

Thực hiện chức năng đánh giá và rà soát thường xuyên, đảm bảo nhân sự tham gia tuân thủ theo các quy trình và chính sách quản trị rủi ro, trong đó chú trọng các điểm thay đổi về: (i) điều kiện thị trường, (ii) nhân sự, (iii) công nghệ và (iv) hạn mức trong hoạt động kiểm tra, giám sát.

V. QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ (tiếp theo)

2. Kiểm toán nội bộ

a. Khám phá sự thay đổi của KTNB trong bối cảnh mới!

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự xuất hiện ngày càng nhiều những yếu tố không chắc chắn sẽ là mối nguy ảnh hưởng đến sự thành công, thậm chí đến khả năng hoạt động liên tục của Tổ chức. Mức độ thành công của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi các rủi ro liên quan và việc các rủi ro đó được kiểm soát như thế nào. Là một công cụ kiểm soát, KTNB cần phải thực hiện các chức năng đảm bảo và tư vấn, hướng về tương lai của Tổ chức để hỗ trợ dẫn lối, kiến lập quy trình quản trị rủi ro và kiểm soát vững mạnh.

Nắm được xu hướng trên, cùng với sự phát triển của công nghệ 4.0, công nghệ blockchain và yêu cầu phát triển mạnh mẽ, toàn diện của Công ty trong việc triển khai những sáng kiến/ứng dụng công nghệ mới để chuyển đổi phương thức kinh doanh, tạo ra lợi thế cạnh tranh khác biệt, việc phân tích, đánh giá cơ sở hạ tầng công nghệ để tìm ra các vấn đề liên quan đến quản lý rủi ro, quản trị dữ liệu... đang là yêu cầu được đặt ra đối với BP. KTNB. Để có thể hạn chế/tận dụng “nguy” và “cơ” trong tình hình trên, BP. KTNB Rồng Việt đã xây dựng kế hoạch kiểm toán dài hạn cho giai đoạn 5 năm nhằm cụ thể hóa việc thực hiện chức năng KTNB trong giai đoạn mới với mục tiêu:

“Để chuyển hóa/tận dụng “nguy” và “cơ” trong bối cảnh mới, BP KTNB đã xây dựng kế hoạch 5 năm với 4 mũi nhọn giúp tập trung nguồn lực nhằm “đi trước, đón đầu”. Trong đó vấn đề về an ninh mạng, đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục đóng vai trò chủ đạo.

V. QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ (tiếp theo)

2. Kiểm toán nội bộ (tiếp theo)

a. Khám phá sự thay đổi của KTNB trong bối cảnh mới! (tiếp theo)

• Đánh giá toàn diện vấn đề an ninh mạng:

Khi kiểm toán công nghệ thông tin, KTNB phải đánh giá được 4 vấn đề: khả năng phản ứng lại những cuộc tấn công về an ninh thông tin; các rủi ro về an ninh thông tin đang tồn tại trong Công ty; các vấn đề về tuân thủ; mức độ trưởng thành về an ninh thông tin. Thông qua việc đánh giá 4 nội dung này, bộ phận KTNB sẽ giúp Ban lãnh đạo thấy rõ vị thế hiện tại và những tiêu chuẩn cần có để hoạt động một cách an toàn, hiệu quả.

• Lưu ý đến quản trị đám mây và các ứng dụng mới trên nền tảng này:

Hiện Rồng Việt đang sử dụng các ứng dụng trên nền tảng công nghệ điện toán đám mây là IDragon, IBond, eKYC,... Trên thực tế, quản trị đám mây có nhược điểm nếu hạ tầng về mạng không tốt thì đường truyền kết nối giữa ứng dụng với doanh nghiệp sẽ không ổn định, gây ra nhiều rủi ro. Vì vậy, KTNB phải liên tục đánh giá lại tính hiệu quả, an toàn dữ liệu mà quản trị đám mây mang lại cho Công ty.

“Phương pháp kiểm toán 4.0 sẽ được hỗ trợ dựa trên những công nghệ đã được cải tiến bởi công nghệ 4.0 như Internet kết nối vạn vật (IoT), phân tích dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing) và chuỗi khối (blockchain) để thu thập thông tin tài chính và các thông tin khác rồi phân tích, mô hình hóa trực quan hóa dữ liệu”



• Theo sát việc vận hành, hoạt động, hệ thống của Công ty:

Đối với vận hành, hoạt động, hệ thống, các yêu cầu được đặt ra bao gồm: đánh giá khả năng phục hồi của hoạt động kinh doanh, quản lý khủng hoảng liên quan (ví dụ như khủng hoảng do đại dịch Covid-19) và xem xét những sự cố lặp lại nhiều lần. Trên cơ sở đó, KTNB đã chú ý đến các quy trình liên quan đến phòng chống thảm họa, ứng phó với sự cố hoặc đảm bảo kinh doanh liên tục. Đồng thời, trong thời gian giãn cách xã hội, cách thức làm việc của các nhân viên trong tổ chức đã thay đổi (làm việc từ xa) nên KTNB đã đánh giá khả năng đáp ứng của hạ tầng hiện tại đối với việc truy cập từ xa.

• Phát triển công cụ KTNB, xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực kiểm toán chất lượng cao, sử dụng phương pháp kiểm toán 4.0 và quản trị chất lượng hoạt động KTNB. Phương pháp kiểm toán 4.0 sẽ được hỗ trợ dựa trên những công nghệ đã được cải tiến bởi công nghệ 4.0 như Internet kết nối vạn vật (IoT), phân tích dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing) và chuỗi khối (blockchain) để thu thập thông tin tài chính và các thông tin khác rồi phân tích, mô hình hóa trực quan hóa dữ liệu để chọn mẫu, xác định sự bất thường. Áp dụng các phương pháp kiểm toán 4.0 sẽ giúp nâng cao chất lượng, sử dụng nguồn lực kiểm toán một cách hiệu quả.

V. QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ (tiếp theo)

2. Kiểm toán nội bộ (tiếp theo)

b. Xây dựng nền tảng vững chắc

Nhận thức được bối cảnh, mục tiêu, chiến lược và tầm nhìn dài hạn của Công ty, trong năm 2021 cùng với sự chỉ đạo của UBKT và HĐQT, BP. KTNB đã củng cố, hoàn thiện hoạt động của mình, góp phần “xây nền tảng vững chắc”, chuyên nghiệp, tạo đà phát triển “kiến tạo tương lai” cho hoạt động KTNB, cụ thể các hoạt động KTNB trong năm 2021 như sau:

Về tài liệu quản lý cho hoạt động KTNB

- Xây dựng lại và ban hành Quy chế hoạt động KTNB, quy trình KTNB, hướng dẫn thực hiện kiểm toán và đánh giá nội bộ để cập nhật những thay đổi trong quy định của pháp luật cũng như những thông lệ quốc tế về KTNB.
- Thiết kế mẫu giấy tờ làm việc tuân thủ theo chuẩn mực KTNB Việt Nam và theo thông lệ quốc tế, nhằm đảm bảo chất lượng các cuộc kiểm toán.
- Đề cao vai trò của chuẩn mực đạo đức, nghề nghiệp, đặc biệt là tính độc lập, khách quan trong công tác KTNB.
- Đào sâu phương pháp kiểm toán nội bộ, kết hợp các phương pháp đánh giá rủi ro theo COSO và ISO để vừa kiểm toán theo định hướng rủi ro vừa đảm bảo mục tiêu kinh doanh của Đơn vị, nhằm giảm thiểu rủi ro và tận dụng cơ hội kinh doanh trong các quy trình nghiệp vụ, hướng đến cải tiến liên tục chất lượng dịch vụ, nâng cao sự hài lòng của KH.
- Nghiên cứu, phát triển phương pháp kiểm toán 4.0, sử dụng công nghệ nhiều hơn vào công tác kiểm toán trong thời gian dịch bệnh mà vẫn đảm bảo chất lượng kiểm toán, đơn cử như: hợp trao đổi online, chọn mẫu, kiểm tra chứng từ trên file mềm, tập trung vào công cụ phân tích, xử lý, phân tãng dữ liệu để phát hiện bất thường.

Về hoạt động chuyên môn

- Nhận thấy hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ tăng trưởng mạnh trong năm và góp phần không nhỏ trong việc giúp Công ty đạt được mục tiêu kinh doanh năm 2021, BP KTNB đã tiến hành việc kiểm toán hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ tại phòng dịch vụ tài chính thuộc Khối dịch vụ chứng khoán.
- Thực hiện các Báo cáo soát xét nhanh phát sinh theo yêu cầu của HĐQT và đề nghị của Ban Tổng Giám đốc để đem lại các thông tin nhanh chóng và hiệu quả phục vụ công tác quản trị.
- Báo cáo phòng chống rửa tiền năm 2021.
- Thực hiện tư vấn, góp ý vào quá trình xây dựng/hoàn thiện một số quy trình, quy định nội bộ của các đơn vị nghiệp vụ như quy trình của Khối DVCK, Khối Đầu tư ...

V. QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ (tiếp theo)

2. Kiểm toán nội bộ (tiếp theo)

b. Xây dựng nền tảng vững chắc (tiếp theo)

Về hoạt động quản trị nguồn nhân lực

Các kiểm toán viên nội bộ được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về kiến thức quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ, kiểm toán công nghệ thông tin, các buổi giới thiệu sản phẩm của Công ty để có thể trau dồi kỹ năng, kiến thức, tìm hiểu sâu hơn về hoạt động của công ty để từ đó có thể đưa ra các khuyến nghị, tư vấn sâu sát, phù hợp.

“Xác định yếu tố quan trọng trong xây dựng nền tảng là yếu tố về con người, tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, chuẩn hóa nghiệp vụ và ứng dụng CNTT nên BP KTNB đã có ý thức xây dựng các yếu tố này ngay từ ban đầu”





V. QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ (tiếp theo)

2. Kiểm toán nội bộ (tiếp theo)

c. Năm 2022 – Tiếp tục mở rộng và “Kiến tạo tương lai” cho hoạt động KTNB

Trên cơ sở đánh giá thông tin tổng quát về tình hình hoạt động và môi trường kinh doanh của tất cả các Đơn vị trong Công ty, KTNB đã thực hiện các công việc để chuẩn bị cho việc lập kế hoạch, bao gồm:

- Thống nhất mục tiêu kiểm toán -> Xác định cách thức tổ chức và phương pháp kiểm toán
- > Thu thập thông tin tổng quan về Đơn vị -> Đánh giá rủi ro -> Lập kế hoạch kiểm toán năm.

Nội dung kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2022, bao gồm:

- Tăng cường số lượng đơn vị được kiểm toán và tư vấn chuyên sâu, trong đó các đơn vị có rủi ro cao phải đảm bảo kiểm toán ít nhất 1 năm 1 lần.
- Kiểm toán vấn đề về an ninh mạng.
- Tiếp tục nghiên cứu giải pháp phần mềm kiểm toán, bắt kịp xu thế thời đại.
- Đánh giá chất lượng của hoạt động KTNB thông qua báo cáo sau kiểm toán về hành động khắc phục chỉnh sửa của đối tượng được kiểm toán, nhận phản hồi, khảo sát ý kiến của các đơn vị, thống kê số lượng các khuyến nghị kiểm toán được thực hiện,... để cải tiến liên tục chất lượng kiểm toán nội bộ, hướng đến nâng cao giá trị và tính thực tiễn của các ý kiến tư vấn, khuyến nghị của KTNB.



V. QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ KIỂM TOÁN NỘI BỘ (tiếp theo)

2. Kiểm toán nội bộ (tiếp theo)

c. Năm 2022 – Tiếp tục mở rộng và “Kiến tạo tương lai” cho hoạt động KTNB (tiếp theo)

“Cải tiến chất lượng liên tục để các ý kiến tư vấn, khuyến nghị của KTNB có giá trị và mang tính thực tiễn cao là chìa khóa giúp cho hoạt động KTNB trưởng thành và luôn phát triển”



CHƯƠNG 5

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- TỔNG QUAN VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
- CÁC HOẠT ĐỘNG KIẾN TẠO TƯƠNG LAI BỀN VỮNG
- THÔNG TIN LIÊN HỆ





I. TỔNG QUAN BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trải qua một năm nỗ lực và cố gắng không ngừng nghỉ, Rồng Việt nay đã lớn mạnh hơn về quy mô, trưởng thành hơn về đội ngũ và ngày càng khẳng định bản lĩnh, vị thế của mình trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Kết quả trên là một cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển mà Rồng Việt cam kết nỗ lực phấn đấu theo đuổi các định hướng, mục tiêu phát triển doanh nghiệp bền vững trên ba (03) yếu tố trụ cột: Kinh tế, Xã hội và Môi trường, gắn liền với tầm nhìn “Trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu, hiện đại và hiệu quả nhất Việt Nam”.

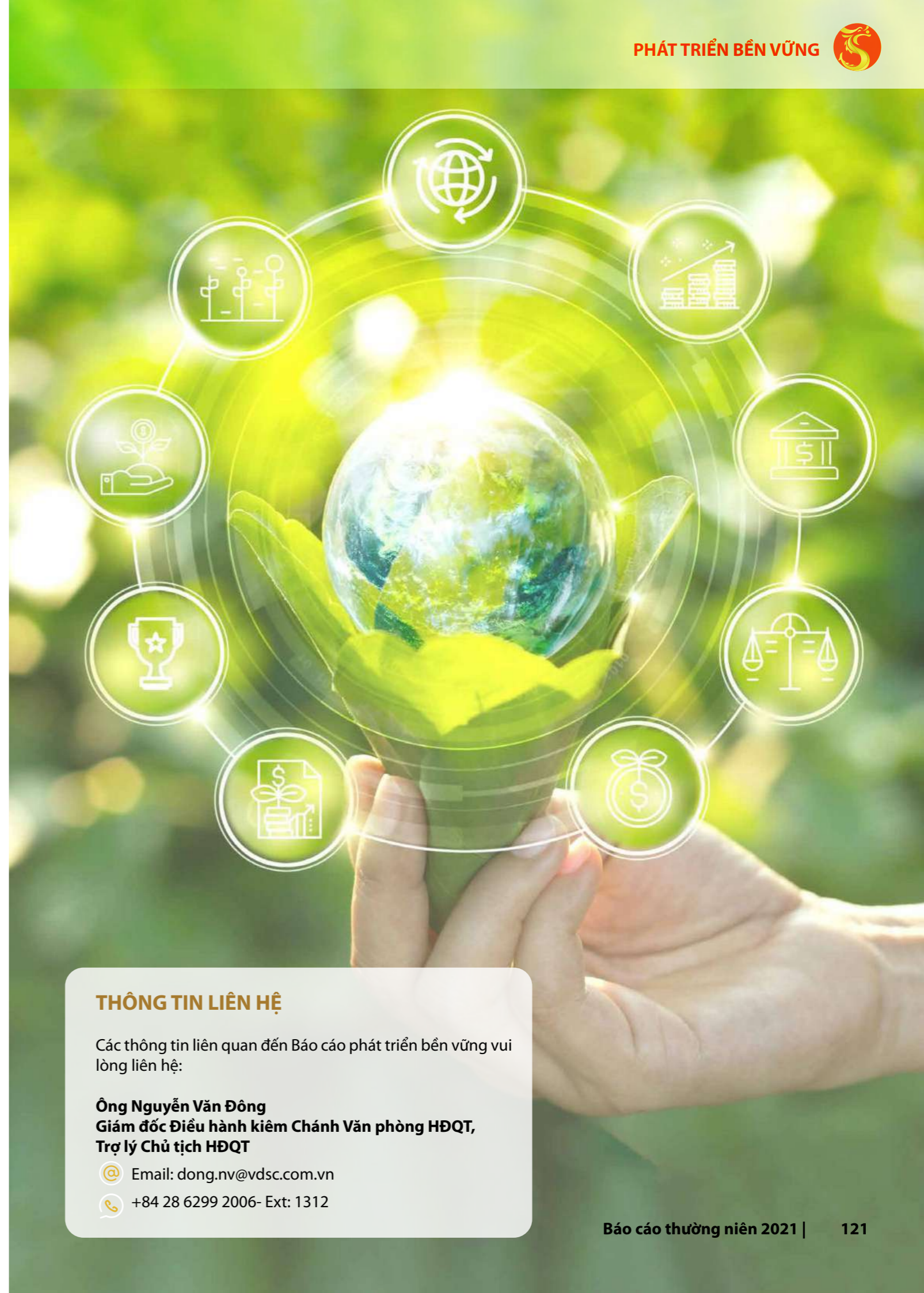
3 YẾU TỐ TRỤ CỘT

Gắn liền với tầm nhìn của Rồng Việt: Trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu, hiện đại và hiệu quả nhất Việt Nam.



| Định hướng | Áp dụng cụ thể tại Rồng Việt |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> Thập niên của sự thay đổi không ngừng, sự tương tác, chia sẻ và hợp tác là điều tất yếu trong một thế giới ngày càng phẳng. Phát triển nền kinh tế tri thức và kinh tế số. Kinh tế tuần hoàn: tương lai của tăng trưởng kinh tế bình đẳng và bền vững. Phát triển dịch vụ tài chính – ngân hàng – chứng khoán gắn liền với tài chính xanh. Chất lượng và sự hài lòng của khách hàng là nền tảng và tạo ra lợi nhuận bền vững. | <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng chiến lược phát triển bền vững với việc phát triển kỹ năng và tri thức cho người lao động là trung tâm của mọi hoạt động. Xây dựng rõ nét văn hóa Rồng Việt, đảm bảo chính sách tốt cho người lao động. Phát triển dịch vụ giao dịch/tư vấn/ phân tích trực tuyến và AI: tăng sự tương tác với khách hàng, tăng xu hướng trải nghiệm người dùng và đo lường hiệu quả đầu tư. Phát triển sản phẩm hỗ trợ doanh nghiệp xanh. Thực hiện các hoạt động nhằm chia sẻ trách nhiệm với cộng đồng và xã hội. |

Báo cáo phát triển bền vững năm 2021 của Rồng Việt được lập với mục đích rà soát lại chiến lược phát triển bền vững cũng như nhìn nhận và đánh giá lại các hoạt động mà doanh nghiệp đã thực hiện trong năm. Báo cáo tuân theo các tiêu chuẩn tại Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển Bền vững - Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI) – phiên bản mới nhất GRI Sustainability Reporting Standards và ấn phẩm Sách trắng do Diễn đàn Kinh tế thế giới xuất bản tháng 09/2020; đồng thời được tích hợp vào Báo cáo thường niên nên có cùng phạm vi và ranh giới với Báo cáo thường niên.



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Các thông tin liên quan đến Báo cáo phát triển bền vững vui lòng liên hệ:

Ông Nguyễn Văn Đông
Giám đốc Điều hành kiêm Chánh Văn phòng HĐQT,
Trợ lý Chủ tịch HĐQT

✉ Email: dong.nv@vdsc.com.vn

☎ +84 28 6299 2006- Ext: 1312

II. CÁC HOẠT ĐỘNG KIẾN TẠO TƯƠNG LAI BỀN VỮNG

1. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ BỀN VỮNG CỦA RỒNG VIỆT

Hội đồng quản trị Rồng Việt luôn ý thức được tầm quan trọng của việc xây dựng một hệ thống quản trị công ty tốt và hiệu quả trên hành trình theo đuổi những giá trị bền vững cho cộng đồng và xã hội. Một hệ thống quản trị hiệu quả và minh bạch là tiền đề cơ bản nhất để hướng tới phát triển hoạt động kinh doanh bền vững, sử dụng nguồn lực hiệu quả, nâng cao giá trị cho các bên liên quan, đồng thời củng cố uy tín và hình ảnh của công ty đối với cộng đồng và xã hội.



Mục tiêu hướng đến

Mục tiêu của Rồng Việt là xây dựng môi trường làm việc đề cao giá trị nhân văn và tinh thần sẻ chia thành quả có được với khách hàng, người lao động, cổ đông và cộng đồng - xã hội. Theo đó, Rồng Việt cam kết nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ Việt Nam và quốc tế, xuất sắc hoàn thành các mục tiêu và kế hoạch hành động đề ra trong năm, đảm bảo khai thác hiệu quả các nguồn lực và tận dụng mọi cơ hội để tạo ra giá trị thiết thực, bền vững cho cộng đồng và xã hội trong dài hạn.

Tuân thủ chuẩn mực đạo đức

Rồng Việt cam kết đảm bảo sự chính trực và các giá trị đạo đức trong quá trình hoạt động. Để thực hiện cam kết trên, ban lãnh đạo Rồng Việt - đại diện là ông Nguyễn Miên Tuấn, Chủ tịch HĐQT - đã quán triệt tinh thần **"Luôn làm điều tử tế và Làm đúng ngay từ đầu"** đến toàn thể thành viên trong tổ chức ở mọi cấp bậc.

Làm những điều đúng đắn



Trong mối quan hệ với khách hàng, tất cả nhân viên được khuyến khích đem lại các giá trị vượt ngoài sự mong đợi của khách hàng, đồng thời phải đảm bảo yếu tố trung thực, hợp pháp và đúng đắn trong khuôn khổ trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp. Rồng Việt không cho phép sự định kiến, thành kiến, xung đột về lợi ích hay bất kì ảnh hưởng nào khác tác động đến những quyết định trong công việc. Duy trì sự tin nhiệm của khách hàng và sự tin tưởng của cộng đồng là những điều cốt lõi trong quá trình xây dựng danh tiếng của Rồng Việt.

Đảm bảo tính độc lập



Với tư cách là chuyên gia tư vấn trong lĩnh vực chứng khoán - tài chính - đầu tư, Rồng Việt yêu cầu tất cả nhân viên phải đảm bảo tính cẩn trọng và độc lập với khách hàng trong quá trình thực hiện công việc, cụ thể là độc lập về mặt tài chính, không để bị ảnh hưởng bởi các xung đột về lợi ích khi cung cấp dịch vụ cho mọi khách hàng. Điển hình là "Chính sách quản lý nhằm quản lý sự xung đột lợi ích liên quan đến sản phẩm nghiên cứu đầu tư" (ban hành năm 2018) đã được Công ty áp dụng nghiêm túc trong 4 năm qua.

Cạnh tranh công bằng



Bên cạnh đó, Rồng Việt cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật, duy trì các điều kiện liên quan đến nghiệp vụ chứng khoán - đầu tư, đồng thời thực hiện tuyên truyền, phổ biến và đào tạo về phòng chống hối lộ / tham nhũng cho cán bộ quản lý, nhân viên và đối tác kinh doanh. Nhờ đó, trong suốt 15 năm qua, Công ty không ghi nhận bất kì vụ việc tham nhũng và biên bản/thông báo vi phạm pháp luật hiện hành nào.



II. CÁC HOẠT ĐỘNG KIẾN TẠO TƯƠNG LAI BỀN VỮNG (TIẾP THEO)

1. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ BỀN VỮNG CỦA RỒNG VIỆT (TIẾP THEO)



Đánh giá bộ máy quản trị

Cơ cấu quản trị của Rồng Việt được thiết kế để đảm bảo mỗi nhân tố đều có thể xác định rõ vai trò, trách nhiệm và các hành động cần thực hiện trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

| Vai trò | Trách nhiệm |
|---------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hội đồng quản trị | <ul style="list-style-type: none"> Xác định chiến lược phát triển bền vững Phê duyệt mục tiêu và kế hoạch hoạt động Chỉ đạo Tổng Giám đốc và Ban điều hành, tham vấn ý kiến của Ban kiểm soát, và các Tiểu ban/ Hội đồng trực thuộc |
| Tổng Giám đốc và Ban Điều hành | <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng, phổ biến mục tiêu và kế hoạch hành động Phân công các khối/phòng ban triển khai thực hiện công việc Đảm bảo tiến độ thực hiện và đạt mục tiêu đề ra. Hỗ trợ, tìm ra giải pháp kịp thời đối với những khó khăn, rủi ro trong quá trình thực hiện. Báo cáo HĐQT kết quả thực hiện |
| Các Khối và Bộ phận chức năng | <ul style="list-style-type: none"> Triển khai thực hiện công việc theo đúng sự phân công Định kỳ báo cáo cho cấp quản lý trực tiếp để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp Tích cực đóng góp sáng kiến cải thiện kế hoạch |

Đa số thành viên Hội đồng Quản trị của Rồng Việt là thành viên không điều hành, thành viên độc lập. Do đó, Rồng Việt tự tin đảm bảo các vấn đề luôn được đánh giá một cách minh bạch, khách quan, xem xét dưới nhiều khía cạnh và nhận được những phản biện, góp ý mang tính xây dựng.

Ngày 28/12/2021, Rồng Việt đã vinh dự đạt giải “Top 5 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất 2021” (nhóm vốn hóa nhỏ) tại lễ vinh danh trực tuyến cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2021. Đây là hạng mục được Ban tổ chức đánh giá chuyên sâu về tình hình thực thi quản trị công ty của các doanh nghiệp niêm yết, nhằm nâng cao chất lượng quản trị theo hướng gia tăng mức độ tuân thủ, nâng cao áp dụng thông lệ tốt, qua đó cải thiện môi trường đầu tư và tăng mức độ hài lòng của nhà đầu tư đối với thị trường chứng khoán Việt Nam. Bên cạnh đó, ở hạng mục “Báo cáo thường niên tốt nhất”, Rồng Việt tiếp tục lọt Top 30 nhóm vốn hóa nhỏ.



Hài hòa lợi ích các bên liên quan

Rồng Việt hiểu rằng việc cân bằng và đảm bảo lợi ích của các bên liên quan là một trong số những công tác quan trọng trong quản trị doanh nghiệp. Do đó, Rồng Việt luôn tôn trọng và đề cao lợi ích của các bên liên quan, đảm bảo hoạt động của Rồng Việt phải được xây dựng dựa trên nguyên tắc chia sẻ, các bên cùng có lợi, hướng tới sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh đó, Rồng Việt thường xuyên tiếp cận với các bên liên quan nhằm lắng nghe nhu cầu và tiếp nhận phản hồi từ các nhóm đối tượng mục tiêu mà Rồng Việt hướng đến bằng nhiều kênh tương tác đa chiều:

| Bên liên quan | Mục tiêu của Rồng Việt | Phương pháp tiếp cận |
|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khách hàng | <ul style="list-style-type: none"> Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ Khuyến nghị đầu tư phù hợp với lợi nhuận và rủi ro kì vọng của từng nhóm khách hàng Bảo mật thông tin cá nhân, an toàn cho tài sản của khách hàng | <ul style="list-style-type: none"> Tư vấn, trao đổi trực tiếp tại Hội sở, Chi nhánh Tư vấn trực tuyến qua Tổng đài Trao đổi với Chuyên viên tư vấn Lắng nghe và giải đáp thắc mắc của khách hàng tại trang “Hỗ trợ khách hàng” và “Hộp thư góp ý” Khảo sát trực tuyến, tương tác qua các ứng dụng xã hội |
| Người lao động | <ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo lương thưởng và phúc lợi ổn định, tương xứng năng lực Xây dựng môi trường làm việc an toàn, năng động và chuyên nghiệp Lộ trình đào tạo và thăng tiến rõ ràng, đáp ứng kì vọng nhân viên Thường xuyên tổ chức các hoạt động thi đua, sinh hoạt tập thể | <ul style="list-style-type: none"> Tổ chức Sơ kết, Tổng kết hoạt động hàng tháng/ quý/ năm, các hoạt động đoàn thể ... Thảo luận, trao đổi trực tiếp trong quá trình làm việc Đánh giá thành tích thông qua các chương trình thi đua khen thưởng định kỳ và đột xuất Khảo sát, lấy ý kiến đề xuất về các vấn đề liên quan như nhu cầu đào tạo, phát triển, chính sách dành cho Người lao động, hỗ trợ thi CCHN... |
| Cổ đông / Nhà đầu tư | <ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo minh bạch trong mọi hoạt động, tuân thủ quy định về công bố thông tin Đảm bảo hệ thống quản trị, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro hoạt động tốt Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông | <ul style="list-style-type: none"> Tổ chức Đại Hội đồng cổ đông, các buổi gặp gỡ, trao đổi với các cổ đông lớn, cổ đông chiến lược Công bố thông tin đầy đủ tại trang Quan hệ cổ đông của Rồng Việt Ban hành Báo cáo tài chính; Báo cáo cập nhật KQKD hàng Quý; Báo cáo quản trị doanh nghiệp; Email, văn bản gửi cổ đông/nhà đầu tư |

II. CÁC HOẠT ĐỘNG KIẾN TẠO TƯƠNG LAI BỀN VỮNG (TIẾP THEO)

1. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ BỀN VỮNG CỦA RỒNG VIỆT (TIẾP THEO)



Hài hòa lợi ích các bên liên quan (tiếp theo)

| Bên liên quan | Mục tiêu của Rồng Việt | Phương pháp tiếp cận |
|----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cơ quan quản lý và truyền thông | <ul style="list-style-type: none"> Đóng góp ý kiến để xây dựng và phát triển thị trường Kết nối và chia sẻ thông tin Tuân thủ các quy định của pháp luật và hoàn thành tốt các nghĩa vụ thuế | <ul style="list-style-type: none"> Tham gia Hội thảo, Diễn đàn, Hội nghị do cơ quan quản lý tổ chức Thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật Tham vấn, đóng góp ý kiến đối với các quy định, chính sách Tổ chức/tài trợ các chương trình kết nối cộng đồng, thường xuyên cung cấp thông tin cho các đối tác truyền thông |
| Cộng đồng địa phương | <ul style="list-style-type: none"> Chia sẻ khó khăn với cộng đồng Bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên hợp lý Hỗ trợ phát triển kinh tế, tạo công ăn việc làm ổn định Đồng hành cùng các dự án thiện nguyện vì cộng đồng và xã hội | <ul style="list-style-type: none"> Tổ chức/tham gia các hoạt động từ thiện vì cộng đồng, giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn Tổ chức các chương trình hướng nghiệp, tham quan doanh nghiệp, ngày hội việc làm cho sinh viên Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường. Tham gia ủng hộ vào quỹ mua Vắc-xin và các thiết bị y tế hỗ trợ phòng Cov-19 |

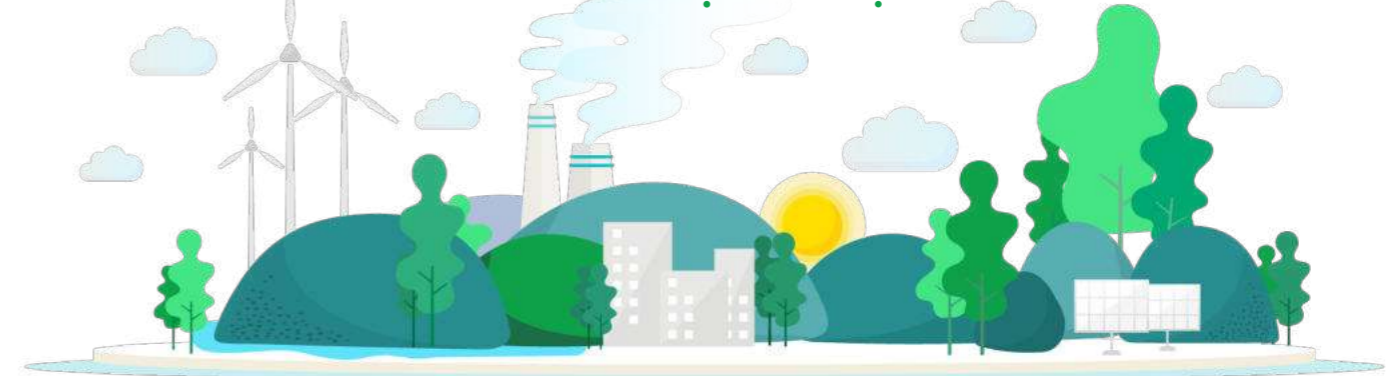


2. GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Rồng Việt hoạt động trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán, do đó không gây ảnh hưởng trực tiếp và đáng kể đến môi trường. Tại Rồng Việt, việc sử dụng hợp lý nguồn năng lượng và tài nguyên đã trở thành một phần cốt lõi trong văn hóa công ty. Mọi nhân viên đều phải quán triệt tinh thần tiết kiệm, giảm thiểu các tác động đến môi trường.

CÙNG RỒNG VIỆT CHUNG TAY XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG SỐNG

XANH – SẠCH – ĐẸP



TIẾT KIỆM TÀI NGUYÊN

- Áp dụng khung giờ bật tắt hệ thống điện
- Vệ sinh và bảo dưỡng hệ thống định kỳ
- Theo dõi lượng xăng dầu tiêu thụ
- Tích cực truyền tải thông điệp "Tiết kiệm điện, nước"
- Từng bước vận hành văn phòng không giấy thông qua việc triển khai Office 365 và các dự án chuyển đổi số.



TÁI CHẾ VÀ TÁI SỬ DỤNG

- Tái sử dụng giấy in một mặt
- Khuyến khích nhân viên sử dụng vật dụng thân thiện với môi trường như ly thủy tinh, ly giấy, túi vải...
- Tích cực tham gia các hoạt động vì môi trường như Ngày trái đất (20/04), dọn dẹp rác thải tại cơ quan...



PHÂN LOẠI VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- Phân loại rác tái sử dụng/tái chế và rác hữu cơ để phân hủy
- Không sử dụng chai và ly nhựa trong các buổi họp
- Tuân thủ các quy định về môi trường/quản lý chất thải sinh hoạt



CUNG CẤP DỊCH VỤ XANH

Hỗ trợ tìm kiếm nguồn vốn huy động (thị trường vốn, thị trường nợ) cho các dự án trong lĩnh vực năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời... đem lại những tác động tích cực cho môi trường, góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương và nguồn thu thuế ổn định cho cơ quan chính quyền tỉnh.



II. CÁC HOẠT ĐỘNG KIẾN TẠO TƯƠNG LAI BỀN VỮNG (TIẾP THEO)

3. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Tại Rông Việt, mọi cá nhân đều được tạo cơ hội tối đa để phát triển sâu rộng và toàn diện, hướng đến một tập thể tự tin, bút phá về nhận thức, vững vàng về chuyên môn, sẵn sàng trước những thay đổi, năng động tự chủ trong công việc và trên hết là tôn trọng giá trị nhân văn – đạo đức. Rông Việt tin rằng đây là nền tảng, là cơ sở quan trọng nhất để các thành viên Rông Việt có được những bước tiến thăng hoa trong sự nghiệp; đồng thời thúc đẩy Công ty tiếp tục tiến về phía trước; kiến tạo tương lai thịnh vượng - hạnh phúc cho Cổ đông, Đối tác và Cộng đồng.

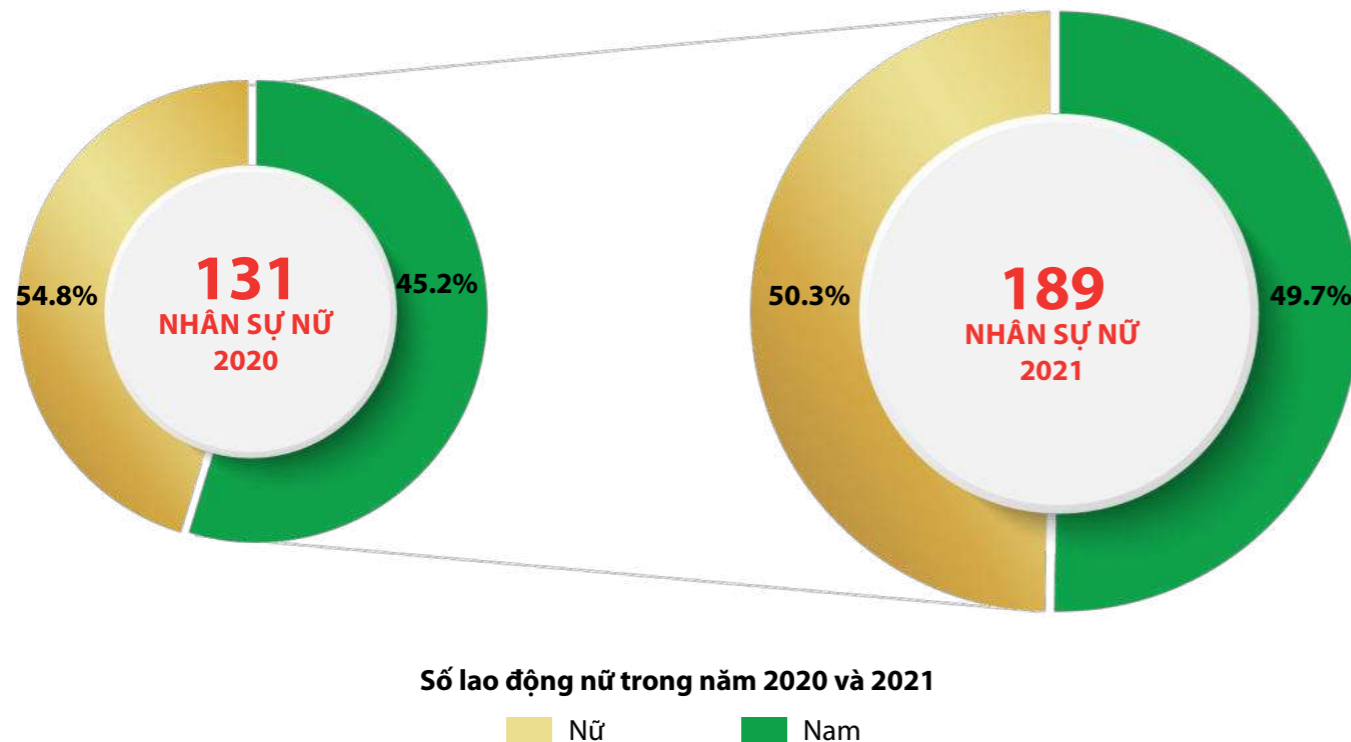


Tôn trọng sự khác biệt

Cơ cấu nhân viên đa dạng

Rông Việt đề cao và tôn trọng nhân quyền, phẩm giá và sự khác biệt của mỗi ứng viên/cán bộ nhân viên khi đến với đại gia đình Rông Việt. Nhân sự của Rông Việt đa dạng về độ tuổi, trình độ học vấn đồng thời đến vùng đến từ nhiều vùng miền khác nhau và đều được dành cơ hội tuyển dụng như nhau ở nhiều vị trí chủ chốt. Nhờ đó, đội ngũ Rông Việt có được sự giao thoa giữa các thế hệ và góc nhìn đa chiều, góp phần thúc đẩy năng suất và sự sáng tạo trong công việc.

Tỷ lệ lao động nam và nữ khá cân bằng tại Rông Việt cho thấy mọi nhân viên đều có cơ hội phát triển như nhau, không phân biệt giới tính.



Số lượng lao động nữ đảm nhiệm chức vụ quản lý hiện là 47/94 người, chiếm 50%. Lao động nữ vẫn luôn được tạo các điều kiện làm việc thuận lợi nhất có thể như lựa chọn làm việc tại nhà (WFH) trong thời gian mang thai khi dịch n-Covi diễn biến phức tạp, đồng thời thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ lao động nữ, khám chữa bệnh, cũng như chính sách hỗ trợ thu nhập trong thời gian nghỉ thai sản theo quy định của pháp luật.



Đãi ngộ cạnh tranh - tương xứng với năng lực

Rông Việt luôn thực hiện chính sách chi trả lương cho người lao động một cách công bằng và hợp lý. Cụ thể, mức thu nhập và khen thưởng được điều chỉnh theo kết quả đánh giá cuối năm dựa theo 03 tiêu chí trọng điểm là năng lực chuyên môn, kỹ năng làm việc và phẩm chất thái độ; qua đó đảm bảo yếu tố công bằng và khả năng động viên, khích lệ cán bộ nhân viên không ngừng phấn đấu; góp phần đảm bảo an sinh kinh tế cho từng người lao động, qua đó hỗ trợ tích cực đến từng hoàn cảnh gia đình và cộng đồng xung quanh.

Với kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt trội trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã kịp thời ghi nhận và tri ân đội ngũ Rông Việt thông qua việc chi "thu nhập hiệu quả" cho toàn Công ty nhân dịp Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2021 chỉ sau 6 tháng đầu năm. Ngoài ra, Công ty cũng đã ban hành Quy định về chính sách khen thưởng, thi đua mới; tổ chức Chương trình Bút phá áp dụng trong Quý 3 - 2021; Chương trình Thi đua phát triển khách hàng Lần 1, Lần 2 với tổng chi thưởng là hơn 90 triệu đồng. Đáng chú ý, trong năm Công ty đã thực hiện 02 đợt điều chỉnh thu nhập toàn hệ thống và xét điều chỉnh thu nhập kịp thời để khích lệ tinh thần và tăng động lực làm việc cho cán bộ nhân viên.

THEO ĐÓ, TỔNG CHI PHÍ LƯƠNG BÌNH QUÂN ĐẠT MỨC 46 TRIỆU ĐỒNG/NHÂN VIÊN/THÁNG – TĂNG HƠN 64% SO VỚI CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC.



Tuân thủ luật lao động

Trong năm 2021, công tác tiền lương, bảo hiểm và thuế Thu nhập cá nhân (TNCN) tiếp tục được thực hiện rõ ràng, bảo mật, đảm bảo quyền lợi CBNV, tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành. Tổng chi phí bảo hiểm đã trích nộp trong năm là 11.137.573.850 đồng. Công tác quyết toán thuế TNCN năm 2021 và khai báo thuế năm 2021 tiếp tục được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định pháp luật. Tiền thuế TNCN đã được trích nộp trong kỳ là 33.737.080.189 đồng.

Bên cạnh đó, Rông Việt cam kết tuân thủ các quy định của Nhà nước về chính sách phúc lợi cho người lao động. Hơn thế nữa, Công ty còn xây dựng các chính sách phúc lợi tự nguyện nhằm nâng cao sự gắn kết của người lao động với Công ty cũng như tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Tổng số tiền phúc lợi đã chi trong năm 2021 là 1.844.269.105 đồng.

Ngoài ra, Công ty luôn đảm bảo việc áp dụng đúng quy định về trợ cấp thôi việc để đảm bảo đầy đủ phúc lợi cho nhân viên sau khi kết thúc công việc tại công ty. Tổng số tiền trợ cấp thôi việc tính đến cuối năm 2021 là 791.750.000 đồng.



II. CÁC HOẠT ĐỘNG KIẾN TẠO TƯƠNG LAI BỀN VỮNG (TIẾP THEO)

3. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC(TIẾP THEO)



Môi trường làm việc an toàn - thân thiện

Rong Viet hiểu rằng môi trường làm việc có ảnh hưởng rất lớn đến năng suất làm việc cũng như khả năng gắn bó lâu dài của mỗi nhân viên với Công ty. Vì thế, Rong Viet luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, chuyên nghiệp, thúc đẩy tự do trao đổi và tinh đồng nghiệp.



01 PHÒNG CHỐNG NGUY CƠ LÂY LAN COVID-19

- Bố trí nhân viên luân phiên làm việc tại nhà mùa Covid
- Yêu cầu nhân viên/khách đến văn phòng đo nhiệt độ và xịt cồn khử khuẩn, thực hiện test định kỳ
- Theo dõi hoặc cách ly nhân viên về từ vùng dịch

02 PHÒNG CHỐNG NGUY CƠ CHÁY NỔ

- Tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy ("PCCC")
- Kiểm tra định kỳ cơ sở hạ tầng, các thiết bị PCCC
- Phối hợp với các Cơ quan PCCC tổ chức các buổi huấn luyện và diễn tập

03 KHÔNG GIAN LÀM VIỆC HIỆN ĐẠI, TIỆN NGHI

- Xây mới không gian mở gồm phòng ăn, phòng đọc sách và khu sinh hoạt tập thể
- Thay mới toàn bộ ghế và màn hình làm việc cho nhân viên
- Nâng cấp thiết bị cho các Phòng họp và sàn giao dịch
- Đội ngũ vệ sinh chuyên nghiệp làm việc mỗi ngày

04 ĐỀ CAO TINH THẦN GẮN KẾT, HỢP TÁC, THI ĐUA

- Ban hành bộ Quy tắc ứng xử cho nhân viên trong năm 2021
- Thành lập Trang thông tin nội bộ trên SharePoint để chia sẻ thông tin và tiện ích nội bộ nhanh chóng
- Tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể: cuộc thi tài năng nhí Rong Viet, thành lập câu lạc bộ yoga, khóa học nhảy Zumba, giải đấu nội bộ Rong Viet League 2021 được tổ chức tháng 04/2021 với tổng giá trị giải thưởng lên đến 40 triệu đồng...



Phát triển năng lực chuyên môn

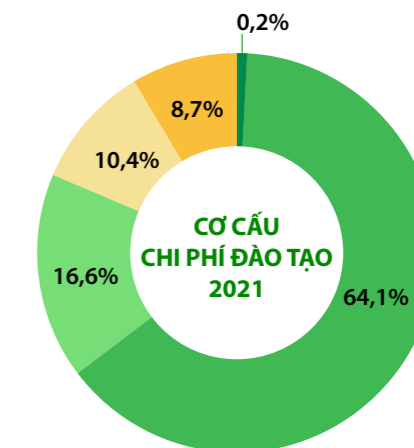
Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 của Rong Viet đã xác định 03 nhân tố có tính quyết định đối với sự phát triển của Rong Viet là: con người – hệ thống – công nghệ, trong đó con người là trung tâm của mọi hoạt động. Chính vì vậy, Ban lãnh đạo Rong Viet rất quan tâm đến công tác đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng làm việc của nhân viên.

Những thành tích đạt được trong năm 2021

48
KHÓA HỌC

TỔNG SỐ GIỜ ĐÀO TẠO LÀ
9.741 GIỜ

842
LƯỢT ĐÀO TẠO



- Hội nhập
- Chứng chỉ hành nghề
- Nghệ vụ
- Kỹ năng mềm
- Khác

Các chương trình đào tạo nổi bật trong năm 2021

| | |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Các khóa học dành cho nhân viên mới | <ul style="list-style-type: none"> • Văn hóa doanh nghiệp • Đào tạo hội nhập • Chính sách nhân sự • Nghiệp vụ môi giới (dành cho nhân viên tập sự khối môi giới) |
| Các khóa học chuyên môn nghiệp vụ | <ul style="list-style-type: none"> • Phân tích và đầu tư chứng khoán • Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán • Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp • Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành • Quản lý quỹ và tài sản |
| Các khóa học dành cho cán bộ quản lý | <ul style="list-style-type: none"> • Năng lực quản trị cho Quản lý cấp trung • Thay đổi tư duy lãnh đạo • Các khóa đào tạo kỹ năng điều hành (lập kế hoạch, kiểm soát thực thi và báo cáo...) |

Ngoài ra, Công ty còn chủ trương khuyến khích và tài trợ toàn bộ chi phí học và thi chứng chỉ hành nghề cho các cán bộ nhân viên đang công tác tại các bộ phận nghiệp vụ. Đây là nỗ lực của ban lãnh đạo Rong Viet nhằm tăng số lượng nhân viên Rong Viet có chứng chỉ hành nghề, đáp ứng quy định của pháp luật.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG KIẾN TẠO TƯƠNG LAI BỀN VỮNG (TIẾP THEO)

4. VÌ MỘT XÃ HỘI THỊNH VƯỢNG

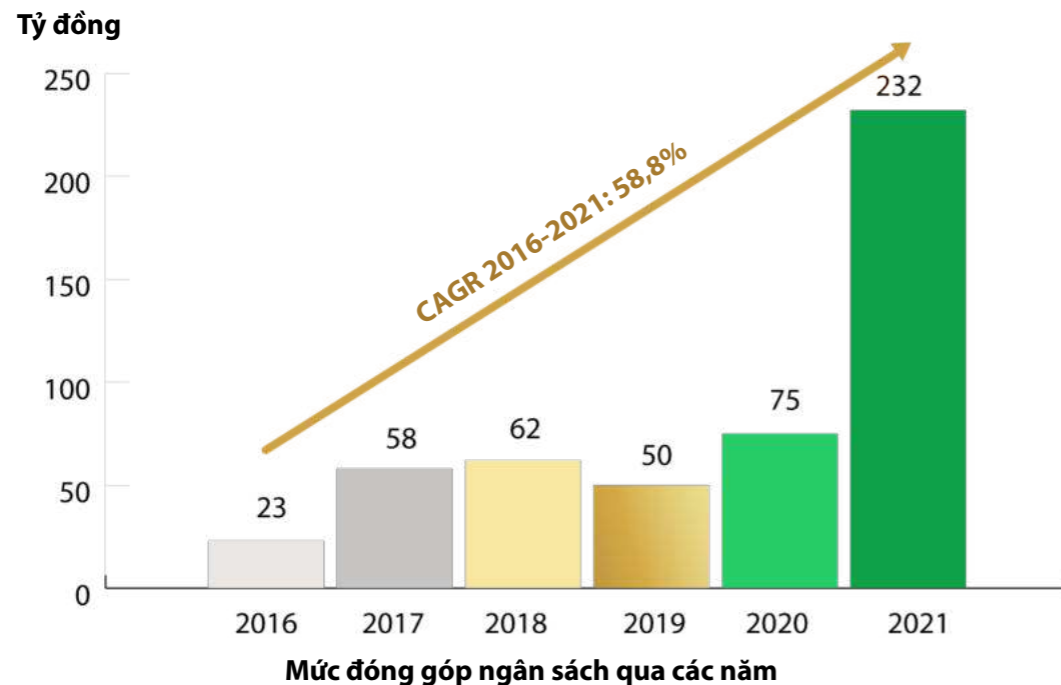
Bên cạnh việc phấn đấu đẩy mạnh doanh thu trong bối cảnh sôi động của thị trường chứng khoán trong năm 2021, Rông Việt luôn cam kết tuân thủ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình đối với Nhà nước, cộng đồng và xã hội – được cụ thể hóa thông qua những đóng góp và hành động thiết thực như sau:



Đóng góp vào Ngân sách Nhà nước/Đảm bảo quyền lợi cổ đông



Kể từ khi thành lập, Rông Việt luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước với mức đóng góp có xu hướng tăng dần qua các năm. Bước sang năm 2021, Rông Việt tiếp tục nộp vào Ngân sách là 232 tỷ đồng – tương đương mức tăng hơn 200% so với năm 2020 (75 tỷ đồng).



Ngoài đóng góp đáng kể vào Ngân sách Nhà nước, Rông Việt còn chú trọng đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, đối tác và nhà đầu tư đã tin tưởng và đồng hành cùng với Công ty bằng chính sách chi trả cổ tức đều đặn. Với kết quả kinh doanh thành công rực rỡ, Hội đồng quản trị đã thống nhất chủ trương trình ĐHĐCĐ thông qua việc chi cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021 với tỷ lệ 35% nhằm tri ân sự tin tưởng và hỗ trợ của Quý cổ đông đã cùng chung vai sát cánh với Rông Việt trong năm vừa qua.



Tích cực xây dựng thị trường/chia sẻ thông tin

Với khát vọng trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam, hỗ trợ thị trường chứng khoán Việt Nam vươn tầm châu lục, Rông Việt luôn chủ động đóng góp ý kiến đối với các văn bản pháp lý về TTCK của Cơ quan nhà nước; đồng thời tích cực triển khai các giải pháp mới nhằm thúc đẩy thị trường hoạt động hiệu quả và phát triển bền vững.

Mang trong mình sứ mệnh cùng với khách hàng “kiến tạo tương lai thịnh vượng”, Rông Việt tin rằng một thị trường minh bạch về thông tin và cơ chế hoạt động là điều mà bất kỳ Nhà đầu tư nào cũng kỳ vọng. Trên tinh thần đó, Công ty đã thành lập trang fanpage - nhóm Facebook “Cộng đồng nhà đầu tư Rông Việt” vào tháng 04/2021, Phòng khách hàng trực tuyến vào tháng 05/2021 và đặc biệt là tổ chức chương trình “Lives-tream hằng tuần Market Talk - Thị trường và câu chuyện đầu tư” lần đầu tiên vào tháng 10/2021. Chương trình được đầu tư kỹ lưỡng với sự tham gia của các chuyên gia Phòng Phân tích & Tư vấn đầu tư và các chuyên gia tư vấn đầu tư Khối Khách hàng cá nhân. Định hướng của Công ty khi triển khai các đề án trên là xây dựng cầu nối tương tác giữa Rông Việt và Nhà đầu tư, kịp thời phổ cập thông tin và giải đáp thắc mắc, tư vấn đầu tư đa chiều cùng các khuyến nghị hữu ích khác cho Nhà đầu tư trong bối cảnh xu hướng số hóa đang ngày càng phát triển.



Bên cạnh các chuyên mục cập nhật thông tin định kỳ (như Café sáng, Bản tin sáng & phái sinh, báo cáo nhanh), Rông Việt còn tổ chức nhiều sự kiện, hội thảo với các chủ đề chuyên sâu và gặp gỡ thường xuyên với cơ quan báo chí, truyền thông để kịp thời chia sẻ các báo cáo vĩ mô, báo cáo thị trường chứng khoán, thị trường tiền tệ, báo cáo ngành do đội ngũ Chuyên gia Phân tích Rông Việt thực hiện. Cụ thể, Công ty đã hợp tác tổ chức và tham dự buổi Tọa đàm trực tuyến “Nhận diện cơ hội TTCK nửa cuối năm 2021” do Báo Đầu tư Chứng khoán tổ chức, “Điểm đến Kinh tế Việt Nam nửa cuối năm 2021” do BizLIVE tổ chức...

Năm 2021 cũng ghi nhận số lượng đáng kể bài viết được chuẩn bị, trích dẫn và chia sẻ trên các kênh truyền thông đại chúng với quan điểm chia sẻ thẳng thắn và độc lập về những phân tích tài chính trên thị trường nhằm bảo vệ sự minh bạch và công bằng trong cộng đồng Nhà đầu tư.

| STT | Loại báo cáo | Số lượng |
|-----|-----------------------------------------------|----------------------------------------|
| 1 | Báo cáo chiến lược đầu tư tháng/năm | 11 báo cáo |
| 2 | Báo cáo cập nhật ngành | 01 báo cáo |
| | Báo cáo công ty | 40 báo cáo |
| 3 | Báo cáo chuyên đề cập nhật triển vọng ngành | 19 chuyên đề ngành |
| 4 | Góc nhật ký chuyên viên | 251 báo cáo |
| 5 | Hỗ trợ quỹ (email, skype, call, presentation) | 512 lần hỗ trợ |
| 7 | Café buổi sáng | 123 bản tin |
| 8 | Bản tin 6 giờ | 238 bản tin |
| 9 | Danh mục đầu tư khuyến nghị | 56 cổ phiếu được cập nhật thường xuyên |



II. CÁC HOẠT ĐỘNG KIẾN TẠO TƯƠNG LAI BỀN VỮNG (TIẾP THEO)

4. VÌ MỘT XÃ HỘI THỊNH VƯỢNG (TIẾP THEO)



Cùng cộng đồng vượt qua khó khăn

Cùng với những đóng góp tích cực và hiệu quả vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, Rông Việt luôn đề cao sứ mệnh sẻ chia, gắn kết chặt chẽ với cộng đồng xã hội thông qua những hành động thiết thực, hướng đến sự phát triển bền vững trong tương lai.

Kể từ khi đợt dịch lần thứ 4 bùng phát đến nay, Rông Việt đã liên tục chia sẻ trách nhiệm với các địa phương và cộng đồng xã hội thông qua phối hợp thực hiện tài trợ hơn 5,7 tỷ đồng cho các hoạt động phòng chống, đẩy lùi dịch COVID-19 và vinh dự nhận được bằng khen của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và nhiều tổ chức về những đóng góp của Rông Việt cho công tác phòng chống đại dịch Covid-19 năm 2021.

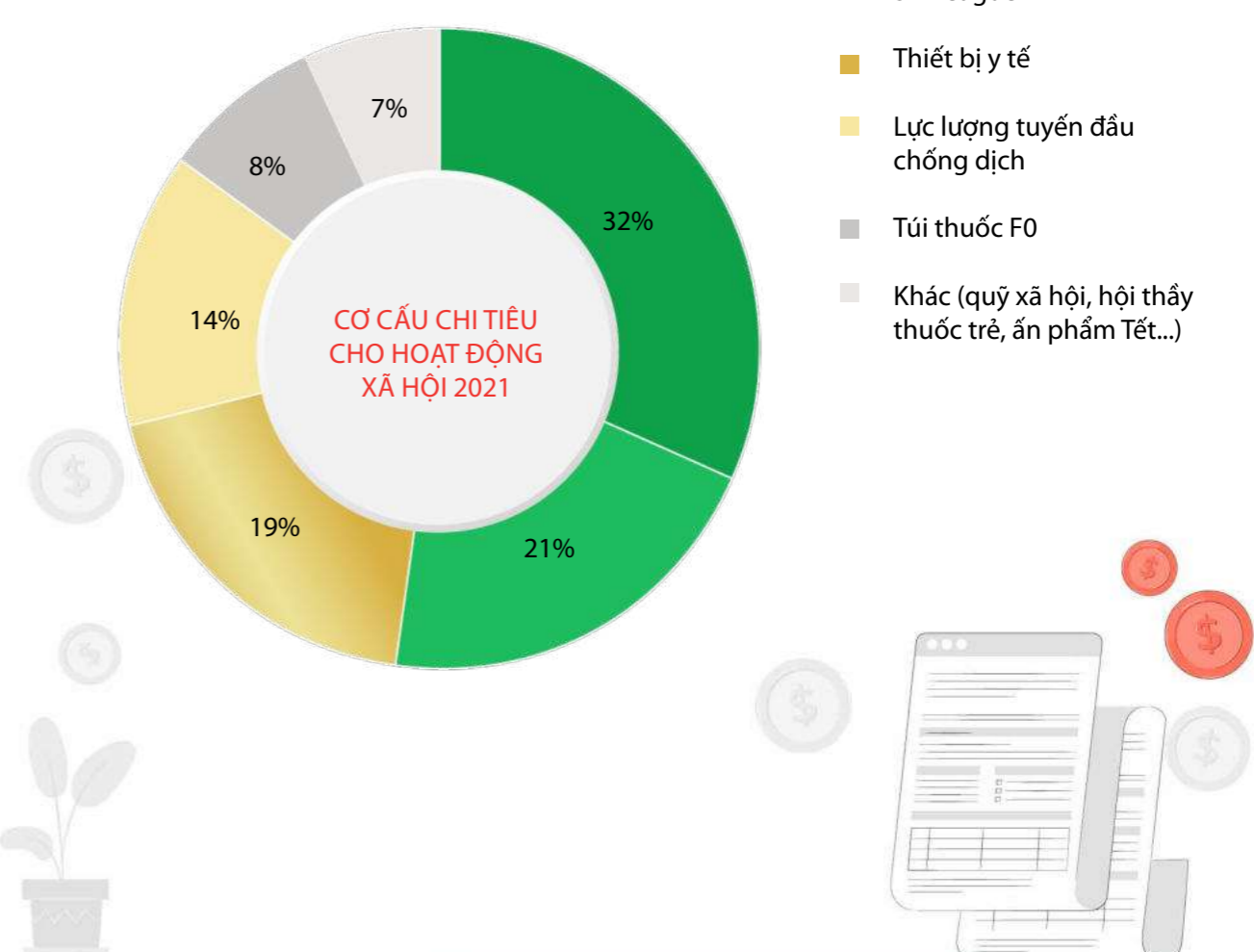


Chương trình “**Đồng hành đến trường - Chắp cánh ước mơ**” từ lâu đã trở thành hoạt động thường niên của Rông Việt. Năm nay, Rông Việt đã phối hợp với các thầy cô giáo địa phương, kịp thời “tiếp sức đến trường” cho các em học sinh thuộc ba điểm trường ở hai huyện Bù Gia Mập và Bù Đăng, tỉnh Bình Phước với tổng kinh phí thực hiện hơn 300 triệu đồng. Các công trình thiết thực do Rông Việt tài trợ như nhà vệ sinh, giếng khoan và máy bơm nước sạch đã hoàn tất và đưa vào sử dụng. Công ty cũng tiến hành trao tặng gần 500 bộ sách giáo khoa, máy tính, cặp và dụng cụ học tập hỗ trợ việc học, giúp các em có thêm động lực đến trường.



Một mùa xuân nữa lại qua đi nhưng tình người dành cho nhau vẫn còn mãi. Tiếp nối hành trình 10 năm, chương trình “**Chia sẻ yêu thương Xuân Nhâm Dần 2022**” của Rông Việt tiếp tục đến thăm và trao quà cho bà con hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn ở các tỉnh thành với chi phí thực hiện hơn 400 triệu đồng. Dù quá trình tổ chức gặp rất nhiều khó khăn trong bối cảnh dịch bệnh còn diễn biến khó lường và tuân thủ quy định về giãn cách xã hội, Rông Việt vẫn nỗ lực để chương trình có thể diễn ra thành công tốt đẹp, nhằm mang không khí Xuân vui tươi đến với các hoàn cảnh khó khăn, chia sẻ khó khăn về vật chất lẫn tinh thần với bà con. Đó là truyền thống văn hóa tốt đẹp của Công ty và là sứ mệnh mà mỗi thành viên Rông Việt luôn hướng đến.

Bên cạnh các chương trình tương thân tương ái, Rông Việt còn chú trọng phát triển các hoạt động thể dục thể thao nhằm bồi dưỡng thể chất và tạo sân chơi bổ ích cho thế hệ trẻ. Đó là những giá trị mà Rông Việt mong muốn hướng đến khi tham gia bảo trợ 1,5 tỷ đồng cho giải bóng đá sinh viên SV-League 2021 (tạm hoãn do dịch) và đội bóng trường Đại học Tôn Đức Thắng.



II. CÁC HOẠT ĐỘNG KIẾN TẠO TƯƠNG LAI BỀN VỮNG (TIẾP THEO)

4. VÌ MỘT XÃ HỘI THỊNH VƯỢNG (TIẾP THEO)



Hoạt động tích cực trên thị trường tuyển dụng

Thấu hiểu nỗi trăn trở của các bạn sinh viên về môi trường tuyển dụng ngày càng cạnh tranh, Rong Viet luôn chú trọng tổ chức các chương trình hội thảo giới thiệu nghề nghiệp và trải nghiệm thực tế môi trường làm việc tại Công ty. Trong năm 2021, Rong Viet đã chào đón hàng trăm các bạn sinh viên năm cuối từ các trường như Đại học Ngoại Thương, Đại học Kinh tế TP. HCM, ĐH Ngân hàng, ĐH Tài chính – Marketing, Đại học Tôn Đức Thắng... đến Công ty thực tập và tiếp nhận chương trình đào tạo bài bản, chuyên nghiệp với điểm nhấn nổi bật nhất trong năm là chương trình môi giới tập sự. Tổng kết năm 2021, số lượng tập sự chuyển lên nhân viên là 36 người, chiếm 21,8% trong tổng số nhân sự tuyển dụng của Công ty và chiếm 36% trong tổng số tập sự và thực tập sinh tuyển dụng là 100 người, đóng góp hơn 1/5 vào số lượng nhân sự tuyển dụng. Các con số này cho thấy các chương trình tập sự đã phát huy được hiệu quả trong việc đào tạo nhóm nhân sự trẻ, năng động có cách tiếp cận khách hàng đa dạng cùng khả năng gắn bó với Công ty cao.



Tối ưu hóa giá trị mang lại cho Quý khách hàng/ Quý cổ đông

Đối với Quý khách hàng

Rong Viet luôn coi trọng lợi ích khách hàng bằng việc sáng tạo và cung cấp những giải pháp, công cụ tài chính và sản phẩm đầu tư phù hợp, mang lại hiệu quả tốt nhất cho khách hàng, với hệ thống vận hành và chất lượng dịch vụ khách hàng xuất sắc.

| STT | Kênh hỗ trợ | Số lần hỗ trợ |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 1 | callDragon- Tổng đài hỗ trợ Khách hàng | 25.264 |
| 2 | chatDragon- Chat hỗ trợ trực tuyến | 919 |
| 3 | Qua email cskh@vdsc.com.vn | 390 |
| 4 | Khác (Zalo, facebook,...) | 37 |
| 5 | Hỗ trợ, hướng dẫn chuyên viên môi giới trong việc hiểu hệ thống/ SPDV/ quy trình nghiệp vụ và giải đáp thắc mắc của KH | 2.500 |
| Tổng | | 29.110 |

Ngày từ đầu năm 2021, Rong Viet đã đưa hệ thống giao dịch chứng khoán iDragon vào vận hành với nhiều tính năng mới về lệnh và hỗ trợ giao dịch, đáp ứng được sự gia tăng nhanh chóng về nhu cầu giao dịch của khách hàng Rong Viet và phù hợp với sự thay đổi hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 05/07/2021.



Cụ thể, các sản phẩm mới mà Rong Viet đã triển khai trong năm nay bao gồm: dịch vụ mở tài khoản eKYC cho phép khách hàng mở tài khoản định danh trực tuyến nhanh chóng; dịch vụ nDragon – thông báo toàn bộ các thông tin liên quan đến tài khoản khách hàng trên ứng dụng iDragon, qua đó giúp khách hàng không cần phải đăng ký dịch vụ SMS mà vẫn cập nhật liên tục và nhanh nhất toàn bộ các phát sinh liên quan đến tài khoản; nâng cấp giao diện mới cho giao dịch Trái Phiếu & Phái Sinh trên hệ thống iDragon và đặc biệt là dịch vụ SmartDragon iBot đưa ra các tư vấn và khuyến nghị tự động đến khách hàng như xác định kỳ vọng lợi nhuận phù hợp khẩu vị rủi ro (smart risk), xếp hạng doanh nghiệp (smart score), tư vấn điểm mua bán (smart trade), báo cáo và đánh giá hiệu quả đầu tư (smart invest) và thiết kế & xây dựng danh mục đầu tư (smart portfolio), giúp trải nghiệm của Nhà đầu tư trở nên tiện lợi, tối ưu và đẳng cấp hơn.

Trong bối cảnh đại dịch Covid diễn biến phức tạp trở lại từ cuối tháng 4/2021 đến nay, Rong Viet đã thể hiện sự thấu hiểu, quan tâm và chia sẻ với khách hàng bằng các chính sách: miễn phí chuyển tiền trực tuyến từ tài khoản chứng khoán đến tất cả tài khoản ngân hàng và áp dụng chính sách phí hỗ trợ giao dịch chứng khoán kể từ ngày 01/06/2021. Bên cạnh đó, Rong Viet còn ra mắt bộ sản phẩm đầu tư phù hợp với khẩu vị rủi ro và mức lợi nhuận kỳ vọng của từng phân nhóm khách hàng, hoàn thành hệ thống dữ liệu về phân tích và tư vấn đầu tư nhằm giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư vấn đầu tư cho khách hàng.

Đối với Quý cổ đông

Ngày từ những ngày đầu thành lập, Rong Viet đã luôn theo đuổi sứ mệnh “Tạo ra giá trị cao nhất cho Khách hàng và Cổ đông”. Bên cạnh việc hỗ trợ khách hàng đầu tư hiệu quả, giảm thiểu rủi ro với mức chi phí hợp lý, Rong Viet còn nỗ lực hoàn thành mục tiêu kinh doanh đã cam kết với cổ đông, song vẫn luôn chú trọng đến yếu tố tăng trưởng bền vững và hoạt động hiệu quả.

Cụ thể, các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trong năm 2021 đều có sự tăng trưởng vượt bậc so với cùng kỳ và vượt xa kế hoạch đề ra. Đồng thời, cấu trúc tài chính Công ty được duy trì lành mạnh với tỷ lệ an toàn tài chính đạt 583,7%, cao hơn nhiều so với quy định của Bộ Tài chính là 180%. Các chỉ số tài chính luôn ở trạng thái tốt và ổn định, trong đó ROEa của Rong Viet năm nay đạt 30,36%, tăng hơn gấp đôi so với năm trước (13,58%). Các chỉ tiêu hạn chế đầu tư và quản trị rủi ro luôn được giám sát chặt chẽ và tuân thủ theo quy định của cơ quan quản lý, nhờ đó không phát sinh khoản dự phòng nợ xấu nào. Hiệu quả kinh doanh tích cực đã giúp giá trị cổ phiếu VDS tăng vượt trội từ mức giá 10.000 đồng lên hơn 35.000 đồng/cổ phiếu, đưa vốn hóa của Rong Viet đạt hơn 3.600 tỷ đồng, tăng gấp 3,6 lần so với đầu năm 2021.

Những kết quả tích cực trên của Rong Viet đã được ghi nhận bằng các giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế: ngày 30/11/2021, Rong Viet nhận giải thưởng Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh (Fast Enterprise Award) tại Lễ công bố trực tuyến Giải thưởng Kinh doanh xuất sắc Châu Á – Asia Pacific Enterprise Awards (APEA) 2021. Đây là hạng mục giải thưởng nhằm vinh danh những doanh nghiệp có tốc độ tăng trưởng doanh thu, khách hàng, độ bao phủ của mạng lưới,... vượt bậc trong những năm gần đây. Kết thúc năm 2021, Rong Viet tiếp tục lọt vào Top 500 Doanh nghiệp tư nhân lợi nhuận tốt nhất và Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2021 (PROFIT 500).



CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN 2021

- THÔNG TIN CHUNG
- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
- BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT
- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
- BÁO CÁO TÌNH HÌNH
- BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT
- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT





MỤC LỤC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

| | |
|-----------------------------------------------------|--------------|
| | Trang |
| Thông tin chung | 1 - 2 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 3 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 4 - 5 |
| Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất | 6 - 11 |
| Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất | 12 - 14 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất | 15 - 18 |
| Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất | 19 - 20 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất | 21 - 75 |

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam. Giấy phép Thành lập và Hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty số 32/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2006. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 66/GPĐC-UBCK được cấp ngày 9 tháng 8 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch chứng khoán phái sinh.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1-2-3-4 Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các chi nhánh tại Hà Nội, Nha Trang và Cần Thơ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|-------------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Miên Tuấn | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Hiếu | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2017 |
| Bà Phạm Mỹ Linh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Quốc Bảo | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 3 năm 2018 |
| Ông Nguyễn Thúc Vinh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2020 |
| Bà Hoàng Hải Anh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2020 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Huyền | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 7 tháng 4 năm 2021 |

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm |
|-------------------------|------------|---------------------------------------|
| Ông Hồ Tấn Đạt | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2020 |
| Ông Nguyễn Văn Minh | Thành viên | Tái bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2017 |
| Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2020 |



THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| Họ tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|-------------------------|-------------------|------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Thu Huyền | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Hiếu | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2021 |
| Ông Lê Minh Hiền | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2021 |
| Bà Dương Kim Chi | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2021 |
| Ông Lê Minh Hiền | Kế toán trưởng | Miễn nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2021 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Miên Tuấn - Chủ tịch Hội đồng Quản trị của công ty.

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền, chức danh Tổng Giám đốc, được ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 12/2020/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 8 năm 2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Bà Nguyễn Thị Thu Huyền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 2 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60752721/22621678-HN

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (“Công ty”) và công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 22 tháng 2 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 75, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính hợp nhất trình bày dữ liệu tương ứng là không so sánh được với năm hiện hành, do đây là năm tài chính đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2019-004-1

Vũ Tiến Dũng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 2 năm 2022



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B01-CTCK/HN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm - VND | Số đầu năm - VND |
|------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 3.920.238.302.698 | 2.514.895.660.024 |
| 110 | I. Tài sản tài chính | | 3.909.039.072.772 | 2.511.954.686.741 |
| 111 | 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 6 | 473.558.363.475 | 582.254.424.536 |
| 111.1 | 1.1 Tiền | | 412.558.363.475 | 482.254.424.536 |
| 111.2 | 1.2 Các khoản tương đương tiền | | 61.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| 112 | 2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") | 8 | 612.637.689.591 | 497.292.476.656 |
| 114 | 3. Các khoản cho vay | 8 | 2.700.131.242.001 | 1.453.872.727.915 |
| 115 | 4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") | 8 | 147.511.976.000 | - |
| 116 | 5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp | 8 | (44.087.269.454) | (44.087.345.374) |
| 117 | 1. Các khoản phải thu | 9 | 8.087.287.810 | 9.612.884.685 |
| 117.1 | 6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính | | - | 6.141.978.000 |
| 117.2 | 6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | | 8.087.287.810 | 3.470.906.685 |
| 117.3 | 6.2.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính đến ngày nhận | | 244.551.648 | 97.343.733 |
| 117.4 | 6.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận | | 7.842.736.162 | 3.373.562.952 |
| 118 | 7. Trả trước cho người bán | 9 | 1.536.612.512 | 1.821.797.251 |
| 119 | 8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | 9 | 9.570.283.969 | 10.970.504.329 |
| 122 | 9. Các khoản phải thu khác | 9 | 2.071.095.346 | 2.195.425.221 |
| 129 | 10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu | 9 | (1.978.208.478) | (1.978.208.478) |
| 130 | II. Tài sản ngắn hạn khác | | 11.199.229.926 | 2.940.973.283 |
| 131 | 1. Tạm ứng | | 316.502.858 | 329.274.066 |
| 132 | 2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ | | 1.276.446.136 | 29.393.100 |
| 133 | 3. Chi phí trả trước ngắn hạn | 10 | 9.513.765.394 | 2.550.538.995 |
| 134 | 4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | | 85.400.000 | 21.400.000 |
| 136 | 5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 22 | 7.115.538 | 10.367.122 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 112.915.805.873 | 53.459.927.125 |
| 210 | I. Tài sản tài chính dài hạn | 11 | 25.000.000.000 | - |
| 212 | 1. Các khoản đầu tư dài hạn | | 25.000.000.000 | - |
| 212.4 | 1.1 Đầu tư dài hạn khác | | 25.000.000.000 | - |
| 220 | I. Tài sản cố định | | 32.503.047.037 | 19.168.541.889 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 12 | 28.928.122.756 | 13.894.116.239 |
| 222 | 1.1 Nguyên giá | | 73.561.165.669 | 54.049.433.610 |
| 223a | 1.2 Giá trị khấu hao lũy kế | | (44.633.042.913) | (40.155.317.371) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 13 | 3.574.924.281 | 5.274.425.650 |
| 228 | 2.1 Nguyên giá | | 20.017.349.791 | 20.017.349.791 |
| 229a | 2.2 Giá trị hao mòn lũy kế | | (16.442.425.510) | (14.742.924.141) |
| 240 | III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 3.355.380.600 | - |
| 250 | IV. Tài sản dài hạn khác | | 52.057.378.236 | 34.291.385.236 |
| 251 | 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | 14 | 4.043.857.839 | 3.459.037.920 |
| 252 | 2. Chi phí trả trước dài hạn | 10 | 5.018.737.136 | 832.347.316 |
| 254 | 3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán | 15 | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| 255 | 4. Tài sản dài hạn khác | 16 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| 256 | 5. Lợi thế thương mại | 17 | 12.994.783.261 | - |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 4.033.154.108.571 | 2.568.355.587.149 |

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm - VND | Số đầu năm - VND |
|------------|----------------------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 2.387.290.809.084 | 1.402.839.017.010 |
| 310 | I. Nợ phải trả ngắn hạn | | 2.322.942.181.672 | 1.390.463.539.965 |
| 311 | 1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 18 | 241.468.000.000 | 69.594.000.000 |
| 312 | 1.1 Vay ngắn hạn | | 241.468.000.000 | 69.594.000.000 |
| 316 | 2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn | 19 | 1.937.950.000.000 | 1.206.915.000.000 |
| 318 | 3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 20 | 5.844.480.475 | 2.927.753.835 |
| 320 | 4. Phải trả người bán ngắn hạn | 21 | 31.126.883.240 | 22.786.981.812 |
| 321 | 5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 2.547.128.000 | 1.729.878.000 |
| 322 | 6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 22 | 51.047.457.788 | 24.570.650.894 |
| 323 | 7. Phải trả người lao động | | 32.784.763.102 | 18.385.694.326 |
| 325 | 8. Chi phí phải trả ngắn hạn | 23 | 19.374.593.187 | 12.242.250.356 |
| 329 | 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 24 | 798.875.880 | 31.311.330.742 |
| 340 | II. Nợ phải trả dài hạn | | 64.348.627.412 | 12.375.477.045 |
| 346 | 1. Trái phiếu phát hành dài hạn | 19 | 47.300.000.000 | - |
| 353 | 2. Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn | | 568.008.000 | 612.633.000 |
| 356 | 3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 25 | 16.480.619.412 | 11.762.844.045 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 1.645.863.299.487 | 1.165.516.570.139 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | | 1.645.863.299.487 | 1.165.516.570.139 |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 26 | 1.060.286.768.792 | 1.010.239.178.792 |
| 411.1 | 1.1 Vốn góp của chủ sở hữu | | 1.051.046.650.000 | 1.000.999.060.000 |
| 411.1a | 1.1.1 Cổ phiếu phổ thông | | 1.051.046.650.000 | 1.000.999.060.000 |
| 411.2 | 1.2 Thặng dư vốn cổ phần | | 9.240.118.792 | 9.240.118.792 |
| 412 | 2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý | 39 | 30.012.348.800 | - |
| 414 | 3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | | 44.251.450.208 | 22.861.758.906 |
| 415 | 4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | | 44.251.450.208 | 22.861.758.906 |
| 417 | 5. Lợi nhuận chưa phân phối | 26.1 | 442.391.853.566 | 109.553.873.535 |
| 417.1 | 5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | | 409.584.811.010 | 97.712.005.131 |
| 417.2 | 5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện | | 32.807.042.556 | 11.841.868.404 |
| 418 | 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 27 | 24.669.427.913 | - |
| 440 | TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 4.033.154.108.571 | 2.568.355.587.149 |



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B01-CTCK/HN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------|-----------------|
| A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT | | | | |
| 006 | 1. Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu) | 26.2 | 105.104.665 | 100.099.906 |
| 008 | 2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán ("VSD") của CTCK | 28.1 | 119.148.600.000 | 146.030.340.000 |
| | 2.1 Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng | | 119.148.600.000 | 143.830.070.000 |
| | 2.2 Tài sản tài chính chờ thanh toán | | - | 2.200.000.000 |
| | 2.3 Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng | | - | 270.000 |
| 009 | 3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK | 28.2 | 6.230.000 | 1.931.610.000 |
| | 3.1 Tài sản tài chính chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | | 2.450.000 | 2.990.000 |
| | 3.2 Tài sản tài chính chờ giao dịch, tự do chuyển nhượng | | 3.780.000 | 1.928.620.000 |
| 010 | 4. Tài sản tài chính chờ về của CTCK | 28.3 | 6.000.000.000 | 3.500.000.000 |
| 012 | 5. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK | 28.4 | 246.529.760.000 | 88.299.890.000 |
| 013 | 6. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK | | 130.420.000 | 80.000 |
| B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG | | | | |
| 021 | 1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư | 28.5 | 2.007.844.616 | 1.662.263.135 |
| 021.1 | a. Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng | | 1.615.515.807 | 1.292.454.670 |
| 021.2 | b. Tài sản tài chính giao dịch, hạn chế chuyển nhượng | | 15.214.147 | 7.882.843 |
| 021.3 | c. Tài sản tài chính giao dịch, cầm cố | | 241.249.958 | 231.987.522 |
| 021.4 | d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ | | 111.485.572 | 107.346.314 |
| 021.5 | e. Tài sản tài chính chờ thanh toán | | 24.378.895 | 22.591.366 |
| 021.7 | f. Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư | | 237 | 420 |
| 022 | 2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư | 28.6 | 15.790.092 | 6.102.318 |
| 022.1 | a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | | 15.278.966 | 6.077.118 |
| 022.2 | b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng | | 511.126 | 25.200 |
| 023 | 3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư | 28.7 | 22.145.700 | 21.243.453 |
| 025 | 4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư | 28.8 | 29.706.370 | 420.825 |

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------|-------------------|
| B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo) | | | | |
| 026 | 5. Tiền gửi của Nhà đầu tư | 28.9 | 1.453.347.682.256 | 1.106.260.893.503 |
| 027 | 5.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | | 1.441.103.783.667 | 1.064.579.545.897 |
| 027.1 | 5.2 Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD | | 11.850.419.876 | 22.680.648.936 |
| 029 | 5.3 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | | 339.253.943 | 17.176.996.823 |
| 029.1 | a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước | | 261.610.809 | 16.733.847.952 |
| 029.2 | b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài | | 77.643.134 | 443.148.871 |
| 030 | 5.4 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán | | 54.224.770 | 1.823.701.847 |
| 031 | 6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 28.10 | 1.438.067.059.409 | 1.103.464.990.357 |
| 031.1 | 6.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | | 1.431.818.848.654 | 1.100.332.191.914 |
| 031.2 | 6.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | | 6.248.210.755 | 3.132.798.443 |
| 035 | 7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 28.11 | 15.280.622.847 | 2.795.903.146 |

Người lập:

Bà Dương Kim Chi
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:

Ông Lê Minh Hiền
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền
Tổng Giám đốcThành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 2 năm 2022



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

B02-CTCK/HN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | NĂM 2021 VND | NĂM 2020 VND |
|-------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG | | | | |
| 01 | 1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") | | 324.181.830.465 | 131.143.390.374 |
| 01.1 | 1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL | 29.1 | 329.144.614.143 | 68.213.396.708 |
| 01.2 | 1.2 (Giảm)/tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL | 29.2 | (18.859.917.581) | 58.407.175.858 |
| 01.3 | 1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL | 29.3 | 13.897.133.903 | 4.522.817.808 |
| 03 | 2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 29.3 | 300.432.322.022 | 188.368.174.593 |
| 04 | 3. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | | 4.043.484.000 | - |
| 06 | 4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán | | 314.312.983.764 | 105.755.305.151 |
| 07 | 5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | | 55.800.000.000 | 13.200.000.000 |
| 09 | 6. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | | 7.096.271.254 | 8.674.182.365 |
| 10 | 7. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | | 6.925.731.817 | 5.282.718.180 |
| 11 | 8. Thu nhập hoạt động khác | | 9.308.251.160 | 1.967.049.773 |
| 20 | Cộng doanh thu hoạt động | | 1.022.100.874.482 | 454.390.820.436 |
| II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | | | | |
| 21 | 1. Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | | 22.897.344.157 | 4.503.574.954 |
| 21.1 | 1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL | 29.1 | (12.463.400.343) | (22.352.853.137) |
| 21.2 | 1.2 Giảm chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL | 29.2 | 36.226.918.907 | 27.408.818.408 |
| 21.3 | 1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL | | (866.174.407) | (552.390.317) |
| 24 | 2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay | 30 | (167.716.099.893) | (95.162.868.527) |
| 26 | 3. Chi phí hoạt động tự doanh | 31 | (9.449.072.127) | (3.447.704.216) |
| 27 | 4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 32 | (184.005.372.607) | (71.429.098.546) |
| 28 | 5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | 33 | (18.393.942.671) | - |
| 29 | 6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | | - | (2.432.908.691) |
| 30 | 7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 34 | (7.478.121.870) | (8.842.651.458) |
| 31 | 8. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính | 35 | (15.764.277.589) | (10.871.428.416) |
| 32 | 9. Chi phí hoạt động khác | 36 | (17.944.765.247) | (12.108.401.046) |
| 40 | Cộng chi phí hoạt động | | (397.854.307.847) | (199.791.485.946) |
| III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 41 | 1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | | 429.765.000 | 54.000.000 |
| 42 | 2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định | | 30.963.524.021 | 11.516.287.012 |
| 50 | Cộng doanh thu hoạt động tài chính | | 31.393.289.021 | 11.570.287.012 |

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | NĂM 2021 VND | NĂM 2020 VND |
|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|-------------------------|
| IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH | | | | |
| 51 | 1. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | | (1.654.000.000) | (2.119.000.000) |
| 60 | Cộng chi phí tài chính | | (1.654.000.000) | (2.119.000.000) |
| 62 | V. CHI PHÍ QUẢN LÝ | 37 | (120.460.846.972) | (71.742.899.142) |
| 70 | VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG | | 533.525.008.684 | 192.307.722.360 |
| VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC | | | | |
| 71 | 1. Thu nhập khác | | 584.139.429 | 354.553.480 |
| 72 | 2. Chi phí khác | | (57.500.093) | (100.000) |
| 80 | Cộng kết quả hoạt động khác | | 526.639.336 | 354.453.480 |
| 90 | VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ | | 534.051.648.020 | 192.662.175.840 |
| 91 | 1. Lợi nhuận đã thực hiện | | 516.684.646.694 | 106.846.181.574 |
| 92 | 2. Lợi nhuận chưa thực hiện | | 17.367.001.326 | 85.815.994.266 |
| 100 | IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) | 38 | (107.310.787.574) | (42.559.893.062) |
| 100.1 | 1. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 38.2 | (111.082.771.090) | (30.878.457.891) |
| 100.2 | 2. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại | 38.3 | 3.771.983.516 | (11.681.435.171) |
| 200 | X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN | | 426.740.860.446 | 150.102.282.778 |
| 201 | 1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu | | 425.664.952.635 | 150.102.282.778 |
| 203 | 2. Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát | | 1.075.907.811 | - |
| 300 | XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN | | | |
| 301 | 1. Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán | 40 | 30.012.348.800 | - |
| 400 | Tổng thu nhập toàn diện khác | | 30.012.348.800 | - |
| 401 | 1. Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu | | 30.012.348.800 | - |
| 500 | XII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG | | 425.664.952.635 | 150.102.282.778 |
| 501 | 1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 41.4 | 4.050 | 1.428 |
| 502 | 2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 41.4 | 4.050 | 1.428 |

Người lập:

Bà Dương Kim Chi
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:

Ông Lê Minh Hiền
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền
Tổng Giám đốcThành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 2 năm 2022



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

B03b-CTCK/HN

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | NĂM 2021 VND | NĂM 2020 VND |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------|-------------------------|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp | | 534.051.648.020 | 192.662.175.840 |
| 02 | 2. Điều chỉnh cho các khoản | | (28.076.194.995) | (8.678.956.429) |
| 03 | - Khấu hao TSCĐ | | 8.165.424.571 | 6.427.909.253 |
| 04 | - Các khoản dự phòng | 8.5 | (75.920) | (35.621) |
| 05 | - Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 18 | 82.000.000 | 144.000.000 |
| 07 | - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | | (31.484.951.652) | (11.779.923.376) |
| 08 | - Dự thu tiền lãi | 9 | (8.087.287.810) | (3.470.906.685) |
| 09 | - Các khoản điều chỉnh khác | | 3.248.695.816 | - |
| 10 | 3. Giảm các chi phí phi tiền tệ | | (36.226.918.907) | (27.408.818.408) |
| 11 | - Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL | 29.2 | (36.226.918.907) | (27.408.818.408) |
| 18 | 4. Tăng/(giảm) các khoản doanh thu phi tiền tệ | | 18.859.917.581 | (58.407.175.858) |
| 19 | - Lỗi/(lãi) đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL | 29.2 | 18.859.917.581 | (58.407.175.858) |
| 30 | 5. Lợi nhuận sử dụng vào hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | (1.472.523.622.981) | (18.807.872.308) |
| 31 | - Tăng tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL | | (71.095.961.609) | (71.408.566.580) |
| 33 | - (Tăng)/giảm các khoản cho vay | | (1.246.258.514.086) | 179.323.563.263 |
| 34 | - Tăng các tài sản tài chính AFS | | (109.996.540.000) | - |
| 35 | - Giảm/(tăng) phải thu bán các tài sản tài chính | | 6.141.978.000 | (6.141.978.000) |
| 36 | - Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | | 3.470.906.685 | 3.707.319.372 |
| 37 | - Giảm/(tăng) các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp | | 9.886.786.738 | (932.193.031) |
| 39 | - Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác | | 685.531.282 | (1.682.536.484) |
| 40 | - Tăng các tài sản khác | | (1.542.576.208) | (245.477.582) |
| 41 | - Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay) | | 7.088.342.831 | 4.241.095.869 |
| 42 | - (Tăng)/giảm chi phí trả trước | | (11.126.643.909) | 32.901.722 |
| 43 | - Thuế TNDN đã nộp | | (95.729.965.143) | (16.018.345.096) |
| 45 | - Giảm/(tăng) phải trả cho người bán | | 8.326.673.596 | (132.808.625.895) |
| 47 | - Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp) | | 11.063.380.342 | 5.284.773.239 |
| 48 | - Tăng phải trả người lao động | | 13.071.398.520 | 14.686.640.570 |
| 50 | - Tăng phải trả, phải nộp khác | | 3.491.579.980 | 3.153.556.325 |
| 60 | Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh | | (983.915.171.282) | 79.359.352.837 |

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | NĂM 2021 VND | NĂM 2020 VND |
|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|------------------------|
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 61 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác | | (24.627.747.800) | (6.614.181.500) |
| 62 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác | | 428.727.271 | 263.636.364 |
| 63 | 3. Tiền chi đầu tư góp vốn đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư khác | | (51.449.919.931) | - |
| 64 | 4. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn | | 31.056.224.381 | 11.516.287.012 |
| 70 | Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư | | (44.592.716.079) | 5.165.741.876 |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 73 | 1. Tiền vay gốc | | 6.449.393.000.000 | 2.961.551.000.000 |
| 73.2 | 1.1 Tiền vay khác | | 6.449.393.000.000 | 2.961.551.000.000 |
| 74 | 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | | (5.499.266.000.000) | (2.731.026.000.000) |
| 74.3 | 2.1 Tiền chi trả gốc vay khác | | (5.499.266.000.000) | (2.731.026.000.000) |
| 76 | 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 24 | (30.315.173.700) | (33.060.191.400) |
| 80 | Tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 919.811.826.300 | 197.464.808.600 |
| 90 | (GIẢM)/TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM | | (108.696.061.061) | 281.989.903.313 |
| 101 | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM | 6 | 582.254.424.536 | 300.264.521.223 |
| 101.1 | 1. Tiền | | 482.254.424.536 | 300.264.521.223 |
| 101.2 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 100.000.000.000 | - |
| 103 | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM | 6 | 473.558.363.475 | 582.254.424.536 |
| 103.1 | 1. Tiền | | 412.558.363.475 | 482.254.424.536 |
| 103.2 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 61.000.000.000 | 100.000.000.000 |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**

B03b-CTCK/HN

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | NĂM 2021 VND | NĂM 2020 VND |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------|----------------------------------|
| | I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng | | | |
| 01 | 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng | | 13.411.794.894.760 | 6.520.699.644.690 |
| 02 | 2. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng | | (13.428.632.637.640) | (6.504.834.379.960) |
| 07 | 3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | | 143.364.469.048.582 | 57.152.789.228.473 |
| 07.1 | 4. Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD | | 570.405.312.001 | 305.044.193.868 |
| 08 | 5. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | | (143.569.180.351.873) | (56.688.926.943.269) |
| 14 | 6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán | | 1.173.727.429.267 | 630.429.897.553 |
| 15 | 7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán | | (1.175.496.906.344) | (628.783.843.027) |
| 20 | Tăng tiền thuần trong năm | | 347.086.788.753 | 786.417.798.328 |
| 30 | II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng | 28.9 | 1.106.260.893.503 | 319.843.095.175 |
| 31 | Tiền gửi ngân hàng đầu năm: | | 1.106.260.893.503 | 319.843.095.175 |
| 32 | - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD | | 1.087.260.194.833 22.680.648.936 | 318.353.715.761 4.734.497.646 |
| 34 | - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | | 17.176.996.823 | 1.311.732.093 |
| 35 | - Tiền gửi của Tổ chức phát hành | | 1.823.701.847 | 177.647.321 |

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | NĂM 2021 VND | NĂM 2020 VND |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------|-------------------------------------|
| 40 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng | 28.9 | 1.453.347.682.256 | 1.106.260.893.503 |
| 41 | Tiền gửi ngân hàng cuối năm: | | 1.453.347.682.256 | 1.106.260.893.503 |
| 42 | - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD | | 1.452.954.203.543 11.850.419.876 | 1.087.260.194.833 22.680.648.936 |
| 44 | - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | | 339.253.943 | 17.176.996.823 |
| 45 | - Tiền gửi của Tổ chức phát hành | | 54.224.770 | 1.823.701.847 |

Người lập:

Bà Dương Kim Chi
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:

Ông Lê Minh Hiền
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền
Tổng Giám đốcThành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 2 năm 2022



BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

B04-CTCK/HN

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số đầu năm | | Số tăng/(giảm) | | | | Số cuối năm | |
|--------------------------------------------------------|-------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | | Ngày 1 tháng 1 năm 2020 VND | Ngày 1 tháng 1 năm 2021 VND | Năm trước | | Năm nay | | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND | Ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND |
| | | | | Tăng VND | Giảm VND | Tăng VND | Giảm VND | | |
| I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | | | | | | | |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 1.010.239.178.792 | 1.010.239.178.792 | - | - | 50.047.590.000 | - | 1.010.239.178.792 | 1.060.286.768.792 |
| 1.1 Cổ phiếu phổ thông | | 1.000.999.060.000 | 1.000.999.060.000 | - | - | 50.047.590.000 | - | 1.000.999.060.000 | 1.051.046.650.000 |
| 1.2 Thặng dư vốn cổ phần | | 9.240.118.792 | 9.240.118.792 | - | - | - | - | 9.240.118.792 | 9.240.118.792 |
| 2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | | 15.356.644.767 | 22.861.758.906 | 7.505.114.139 | - | 21.389.691.302 | - | 22.861.758.906 | 44.251.450.208 |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | | 15.356.644.767 | 22.861.758.906 | 7.505.114.139 | - | 21.389.691.302 | - | 22.861.758.906 | 44.251.450.208 |
| 4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý | | - | - | - | - | 30.012.348.800 | - | - | 30.012.348.800 |
| 5. Lợi nhuận chưa phân phối | | 4.491.790.835 | 109.553.873.535 | 150.102.282.778 | (45.040.200.078) | 425.664.952.635 | (92.826.972.604) | 109.553.873.535 | 442.391.853.566 |
| - Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | | 78.465.916.697 | 97.712.005.131 | 64.286.288.512 | (45.040.200.078) | 404.699.778.483 | (92.826.972.604) | 97.712.005.131 | 409.584.811.010 |
| - (Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện | | (73.974.125.862) | 11.841.868.404 | 85.815.994.266 | - | 20.965.174.152 | - | 11.841.868.404 | 32.807.042.556 |
| 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | | - | - | - | - | 24.669.427.913 | - | - | 24.669.427.913 |
| TỔNG CỘNG | 26 | 1.045.444.259.161 | 1.165.516.570.139 | 165.112.511.056 | (45.040.200.078) | 573.173.701.952 | (92.826.972.604) | 1.165.516.570.139 | 1.645.863.299.487 |
| II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC | | | | | | | | | |
| 1. Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS | | - | - | - | - | 30.012.348.800 | - | - | 30.012.348.800 |
| TỔNG CỘNG | 39 | - | - | - | - | 30.012.348.800 | - | - | 30.012.348.800 |

Người lập:

Bà Dương Kim Chi
Kế toán Trưởng
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 2 năm 2022

Người kiểm soát:

Ông Lê Minh Hiền
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Bà Nguyễn Thị Thu Huyền
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam. Giấy phép Thành lập và Hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty số 32/UB-CK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 12 năm 2006. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 66/GPĐC-UBCK được cấp ngày 9 tháng 8 năm 2021.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch chứng khoán phái sinh.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1-2-3-4 Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các chi nhánh tại Hà Nội, Nha Trang và Cần Thơ.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 394 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 266 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty**Quy mô vốn**

Theo báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Nhóm Công ty là 1.051.046.650.000 VND, vốn chủ sở hữu 1.645.863.299.487 VND và tổng tài sản là 4.033.154.108.571 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)**Hạn chế đầu tư (tiếp theo)**

- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- ▶ Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định sau: Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh.

Công ty con

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có một công ty con như sau:

| Công ty con | Lĩnh vực kinh doanh | Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty |
|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long (“Việt Long” hoặc “công ty con”) | Thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật | 51% |

Việt Long là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005757 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động quản lý quỹ số 10/UBCK-GPHĐQLQ ngày 22 tháng 12 năm 2006, và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“đồng” hay “VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)****2.6 Thông tin so sánh**

Vào ngày 6 tháng 1 năm 2021, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt đã hoàn tất giao dịch mua 51% cổ phần của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long. Theo đó, từ ngày này, Việt Long trở thành công ty con của Công ty, và Công ty đã trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Việt Long (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo quy định hiện hành. Do đây là năm đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, dữ liệu tương ứng trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, trên báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo, là số liệu của Công ty mẹ. Theo đó, dữ liệu tương ứng không so sánh được với năm hiện hành.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)**

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
- ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Nhóm Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh.

4.3 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Nhóm Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Nhóm Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các khoản được Nhóm Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) đi các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.4 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "*Lãi/(Lỗ)*" từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Nhóm Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

- ▶ Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- ▶ Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.5 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.5 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính (tiếp theo)**

- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Trái phiếu không niêm yết được đánh giá lại theo giá cao nhất trong các giá sau đây: Giá yết trên hệ thống báo giá trái phiếu không niêm yết (nếu có) do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn cộng lãi lũy kế, giá mua cộng lãi lũy kế, mệnh giá cộng lãi lũy kế và giá theo phương pháp nội bộ của Công ty cộng lãi lũy kế.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Nhóm Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 146/2014/TT-BTC và Thông tư 48/2019/TT-BTC.

4.6 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Nhóm Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Nhóm Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Nhóm Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Nhóm Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Nhóm Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Nhóm Công ty. Trong trường hợp đó, Nhóm Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Nhóm Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Nhóm Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.7 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Nhóm Công ty khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.7 Phân loại lại tài sản tài chính (tiếp theo)**

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Nhóm Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.8 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

| <i>Thời gian quá hạn</i> | <i>Mức trích dự phòng</i> |
|--------------------------------------------|---------------------------|
| Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm | 30% |
| Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm | 50% |
| Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm | 70% |
| Từ ba (3) năm trở lên | 100% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.10 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.12 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| | |
|------------------------------|-----------|
| Phương tiện vận tải | 6 năm |
| Thiết bị văn phòng | 3 - 8 năm |
| Phần mềm tin học | 3 - 8 năm |
| Nhãn hiệu | 5 năm |
| Bản quyền | 3 - 5 năm |
| Tài sản cố định vô hình khác | 5 năm |

4.13 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.14 Các khoản vay và phát hành trái phiếu không chuyển đổi

Các khoản vay và trái phiếu không chuyển đổi được phát hành bởi Nhóm Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.15 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí mua thiết bị văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí trả trước khác.

4.16 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là năm (5) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

4.17 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.18 Lợi ích của nhân viên**4.18.1 Trợ cấp nghỉ hưu**

Nhân viên Nhóm Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản và phụ cấp hàng tháng của họ. Ngoài ra, Nhóm Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.18.2 Trợ cấp thôi việc

Theo điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Nhóm Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.18 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)****4.18.3 Bảo hiểm thất nghiệp**

Theo quy định hiện hành, Nhóm Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.19 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Số dư nợ vay bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái mua vào của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.20 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****Thu nhập lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức độ có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.21 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

4.22 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp**Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)***Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

4.24 Vốn chủ sở hữu*Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất thuộc danh mục tài sản tài chính của Nhóm Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Nhóm Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**4.24 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)***Các quỹ*

Nhóm Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

| | Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế | Mức trích lập tối đa |
|--------------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|
| Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 5% | 10% vốn điều lệ |
| Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 5% | 10% vốn điều lệ |

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4.25 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.26 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ lập báo cáo bộ phận theo hoạt động kinh doanh.

4.27 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.28 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

5. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM**Mua công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long**

Vào ngày 6 tháng 1 năm 2021, Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt đã hoàn tất giao dịch mua 51% cổ phần của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long (“Việt Long”), một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005757 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006; Giấy phép hoạt động quản lý quỹ số 10/UBCK-GPHĐQLQ ngày 22 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Lĩnh vực kinh doanh chính của Việt Long là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, thực hiện các hoạt động kinh doanh có liên quan khác phù hợp với quy định của pháp luật. Công ty mua Việt Long với mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của công ty tại ngày mua được trình bày dưới đây.

| | <i>Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua</i> |
|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|
| Tài sản | |
| Tiền và tương đương tiền | 14.350.080.069 |
| Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 26.882.250.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 8.825.429.001 |
| Các tài sản ngắn hạn khác | 11.196.810 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 274.428.000 |
| Tài sản cố định | 227.562.519 |
| Các tài sản dài hạn khác | 11.775.500 |
| | 50.582.721.899 |
| Nợ phải trả | |
| Phải trả người bán | 13.227.832 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 60.620.605 |
| Phải trả người lao động | 1.327.670.256 |
| Chi phí phải trả | 44.000.000 |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 490.498 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả | 986.671.683 |
| | 2.432.680.874 |
| Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý | 48.150.041.025 |
| Cổ đông không kiểm soát | 23.593.520.102 |
| Lợi thế thương mại từ hợp nhất kinh doanh | 16.243.479.077 |
| Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán | 40.800.000.000 |
| Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con | |
| Tiền thu về từ công ty con | 14.350.080.069 |
| Tiền chi để mua công ty con | (40.800.000.000) |
| Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua | (26.449.919.931) |

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <i>Số cuối năm VND</i> | <i>Số đầu năm VND</i> |
|-----------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền | 412.558.363.475 | 482.254.424.536 |
| Tiền mặt tại quỹ | 47.447.055 | 78.962.012 |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Nhóm Công ty | 412.438.028.915 | 468.785.684.766 |
| Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | 72.887.505 | 13.389.777.758 |
| Các khoản tương đương tiền | 61.000.000.000 | 100.000.000.000 |
| | 473.558.363.475 | 582.254.424.536 |

7. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

| | <i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (Đơn vị)</i> | <i>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)</i> |
|--------------------------|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| a. Của Công ty | 97.955.558 | 8.571.074.997.829 |
| - Cổ phiếu | 90.205.847 | 3.247.926.691.919 |
| - Trái phiếu | 7.289.681 | 5.320.626.970.871 |
| - Chứng khoán khác | 460.030 | 2.521.335.039 |
| b. Của nhà đầu tư | 7.053.335.696 | 183.448.782.932.176 |
| - Cổ phiếu | 6.871.933.485 | 181.701.016.099.690 |
| - Trái phiếu | 8.413.211 | 863.037.601.486 |
| - Chứng khoán khác | 172.989.000 | 884.729.231.000 |
| | 7.151.291.254 | 192.019.857.930.005 |

8. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**8.1 Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)**

| | <i>Số cuối năm</i> | | <i>Số đầu năm</i> | |
|--------------------------------|------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------|
| | <i>Giá gốc VND</i> | <i>Giá trị hợp lý VND</i> | <i>Giá trị gốc VND</i> | <i>Giá trị hợp lý VND</i> |
| Cổ phiếu, chứng khoán niêm yết | 253.884.375.655 | 287.156.363.620 | 182.608.923.961 | 241.033.295.850 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 84.522.544.461 | 79.309.248.080 | 218.239.761.243 | 172.437.219.880 |
| Trái phiếu niêm yết | 10.012.779.297 | 10.359.700.000 | - | - |
| Trái phiếu chưa niêm yết | 230.075.762.032 | 235.812.377.891 | 84.601.923.048 | 83.821.960.926 |
| | 578.495.461.445 | 612.637.689.591 | 485.450.608.252 | 497.292.476.656 |

8.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

| | <i>Số cuối năm</i> | | <i>Số đầu năm</i> | |
|-------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| | <i>Giá gốc - VND</i> | <i>Giá trị đánh giá lại - VND</i> | <i>Giá trị gốc VND</i> | <i>Giá trị đánh giá lại VND</i> |
| Cổ phiếu niêm yết | 109.996.540.000 | 147.511.976.000 | - | - |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

8. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)**8.3 Các khoản cho vay**

| | Số cuối năm | | | Số đầu năm | | |
|----------------------------------------------|--------------------------|-------------------------|-----------------------------|--------------------------|-------------------------|-----------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý (iii) VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý (iii) VND |
| Cho vay hoạt động ký quỹ (i) | 2.237.907.521.353 | (44.087.269.454) | 2.193.820.251.899 | 1.257.337.721.141 | (44.087.345.374) | 1.213.250.375.767 |
| Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán (ii) | 462.223.720.648 | | 462.223.720.648 | 196.535.006.774 | | 196.535.006.774 |
| | 2.700.131.242.001 | (44.087.269.454) | 2.656.043.972.547 | 1.453.872.727.915 | (44.087.345.374) | 1.409.785.382.541 |

(i) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, giá trị mệnh giá của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 3.169.027.650.000 VND và 2.059.537.330.000 VND, giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 12.562.218.532.330 VND và 5.138.578.862.700 VND.

(ii) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.

(iii) Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán tương đương với giá gốc trừ đi dự phòng đã trích lập của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

8. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**8.4 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính**

| | NĂM 2021 | | | | | NĂM 2020 | | | | |
|---------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------|---------------------------|--------------------------------|
| | Giá mua VND | Giá trị hợp lý VND | Chênh lệch đánh giá | | Giá trị đánh giá lại VND | Giá mua VND | Giá trị hợp lý VND | Chênh lệch đánh giá | | Giá trị đánh giá lại VND |
| | | | Chênh lệch tăng VND | Chênh lệch giảm VND | | | | Chênh lệch tăng VND | Chênh lệch giảm VND | |
| I. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | | | | | | | | | | |
| 1. Cổ phiếu niêm yết | | | | | | | | | | |
| CTG | 105.012.278.995 | 103.255.671.000 | - | (1.756.607.995) | 103.255.671.000 | 928.760 | 1.243.800 | 315.040 | - | 1.243.800 |
| OCB | 41.556.344.048 | 61.976.187.000 | 20.419.842.952 | - | 61.976.187.000 | - | - | - | - | - |
| HSG | 52.664.739.374 | 57.582.723.000 | 4.917.983.626 | - | 57.582.723.000 | 4.626.897 | 7.663.900 | 3.037.003 | - | 7.663.900 |
| PHR | 30.133.220.195 | 42.552.339.100 | 12.419.118.905 | - | 42.552.339.100 | 176.310 | 189.000 | 12.690 | - | 189.000 |
| HPG | 15.798.762.650 | 12.945.600.000 | - | (2.853.162.650) | 12.945.600.000 | 9.812.432.470 | 10.373.940.200 | 561.507.730 | - | 10.373.940.200 |
| Khác | 8.719.030.393 | 8.843.843.520 | 438.225.025 | (313.411.898) | 8.843.843.520 | 172.790.759.524 | 230.650.258.950 | 58.246.204.243 | (386.704.817) | 230.650.258.950 |
| | 253.884.375.655 | 287.156.363.620 | 38.195.170.508 | (4.923.182.543) | 287.156.363.620 | 182.608.923.961 | 241.033.295.850 | 58.811.076.706 | (386.704.817) | 241.033.295.850 |
| | | | | | 3.143.522 | | | | | |
| 2. Cổ phiếu chưa niêm yết | | | | | | | | | | |
| QNS | 80.000.000.000 | 77.440.000.000 | - | (2.560.000.000) | 77.440.000.000 | 147.400.000.000 | 131.655.000.000 | - | (15.745.000.000) | 131.655.000.000 |
| DORU FOAM | 4.450.000.000 | 1.800.000.000 | - | (2.650.000.000) | 1.800.000.000 | 4.450.000.000 | 1.800.000.000 | - | (2.650.000.000) | 1.800.000.000 |
| Khác | 72.544.461 | 69.248.080 | 12.509.761 | (15.806.142) | 69.248.080 | 66.389.761.243 | 38.982.219.880 | 3.143.522 | (27.410.684.885) | 38.982.219.880 |
| | 84.522.544.461 | 79.309.248.080 | 12.509.761 | (5.225.806.142) | 79.309.248.080 | 218.239.761.243 | 172.437.219.880 | 3.143.522 | (45.805.684.885) | 172.437.219.880 |
| 3. Trái phiếu niêm yết | | | | | | | | | | |
| | 10.012.779.297 | 10.359.700.000 | 346.920.703 | - | 10.359.700.000 | - | - | - | - | - |
| 4. Trái phiếu chưa niêm yết | | | | | | | | | | |
| | 230.075.762.032 | 235.812.377.891 | 6.333.060.091 | (596.444.232) | 235.812.377.891 | 84.601.923.048 | 83.821.960.926 | - | (779.962.122) | 83.821.960.926 |
| II. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | | | | | | | | | | |
| 1. Cổ phiếu niêm yết | | | | | | | | | | |
| DBC | 109.996.540.000 | 147.511.976.000 | 37.515.436.000 | - | 147.511.976.000 | - | - | - | - | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

8. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)**8.5 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp**

Chi tiết các tài sản tài chính hạch toán theo phương pháp giá gốc và dự phòng giảm giá tài sản tài chính như sau:

| Loại TSTC | Cơ sở lập dự phòng | | | Giá trị dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND | Giá trị dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND | Hoàn nhập VND |
|--------------------------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị đánh giá lại VND | Giá trị dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND | | | |
| Các khoản cho vay | | | | | | |
| Cho vay hoạt động ký quỹ | 2.237.907.521.353 | 2.193.820.251.899 | 44.087.269.454 | 44.087.345.374 | (75.920) | |
| Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán | 462.223.720.648 | 462.223.720.648 | - | - | - | |
| | 2.700.131.242.001 | 2.656.043.972.547 | 44.087.269.454 | 44.087.345.374 | (75.920) | |

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU

| | Số cuối năm VND | Số cuối năm VND |
|----------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu bán các tài sản tài chính | - | 6.141.978.000 |
| Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | 8.087.287.810 | 3.470.906.685 |
| - Phải thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính đến ngày nhận | 244.551.648 | 97.343.733 |
| - Dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính chưa đến ngày nhận | 7.842.736.162 | 3.373.562.952 |
| Trả trước cho người bán | 1.536.612.512 | 1.821.797.251 |
| Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | 9.570.283.969 | 10.970.504.329 |
| - Phải thu phí lưu ký | 6.533.910.973 | 8.641.736.696 |
| - Phải thu khác | 3.036.372.996 | 2.328.767.633 |
| Các khoản phải thu khác | 2.071.095.346 | 2.195.425.221 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (1.978.208.478) | (1.978.208.478) |
| | 19.287.071.159 | 22.622.403.008 |

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị khoản phải thu khó đòi:

| | Giá trị phải thu khó đòi | | Dự phòng | | |
|-------------------------|--------------------------|-----------------|----------------|----------------------------------------|-----------------|
| | Số đầu năm VND | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND | Trích lập/ (hoàn nhập) trong năm - VND | Số cuối năm VND |
| Các khoản phải thu khác | | | | | |
| - Văn Thiên Hùng | 1.978.208.478 | 1.978.208.478 | 1.978.208.478 | | 1.978.208.478 |

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | Số cuối năm VND | Số cuối năm VND |
|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 9.513.765.394 | 2.550.538.995 |
| - Thiết bị văn phòng | 2.464.957.272 | 710.021.238 |
| - Bảo hành, bảo trì phần mềm | 1.340.496.264 | 325.308.832 |
| - Bảo hiểm nhân viên | 298.607.912 | 227.289.287 |
| - Chi phí cải tạo văn phòng | 254.677.901 | 140.161.904 |
| - Các dịch vụ khác | 5.155.026.045 | 1.147.757.734 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 5.018.737.136 | 832.347.316 |
| - Cải tạo văn phòng | 4.721.594.955 | 532.396.579 |
| - Các dịch vụ khác | 297.142.181 | 299.950.737 |
| | 14.532.502.530 | 3.382.886.311 |

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------|
| Đầu tư dài hạn khác | 25.000.000.000 | - |
| - Công ty Cổ phần Thương mại - Dược - Sâm Ngọc Linh Quảng Nam | 25.000.000.000 | - |
| | 25.000.000.000 | - |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | <i>Phương tiện vận tải VND</i> | <i>Thiết bị văn phòng VND</i> | <i>Tổng cộng VND</i> |
|----------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 6.597.245.900 | 47.452.187.710 | 54.049.433.610 |
| Tăng trong năm | 2.129.432.300 | 19.142.934.900 | 21.272.367.200 |
| Tăng từ hợp nhất công ty con trong năm | 1.092.300.000 | 36.932.280 | 1.129.232.280 |
| Thanh lý trong năm | (1.335.101.500) | (1.554.765.921) | (2.889.867.421) |
| Số cuối năm | 8.483.876.700 | 65.077.288.969 | 73.561.165.669 |
| Khấu hao lũy kế | | | |
| Số đầu năm | 4.092.290.778 | 36.063.026.593 | 40.155.317.371 |
| Khấu hao trong năm | 1.187.169.710 | 5.278.753.492 | 6.465.923.202 |
| Tăng từ hợp nhất công ty con trong năm | 864.737.481 | 36.932.280 | 901.669.761 |
| Thanh lý trong năm | (1.335.101.500) | (1.554.765.921) | (2.889.867.421) |
| Số cuối năm | 4.809.096.469 | 39.823.946.444 | 44.633.042.913 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 2.504.955.122 | 11.389.161.117 | 13.894.116.239 |
| Số cuối năm | 3.674.780.231 | 25.253.342.525 | 28.928.122.756 |

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 32.440.699.535 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 28.251.335.434 VND).

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | <i>Phần mềm vi tính VND</i> | <i>Nhãn hiệu VND</i> | <i>Bản quyền VND</i> | <i>Tài sản vô hình khác VND</i> | <i>Tổng cộng VND</i> |
|------------------------|-----------------------------|----------------------|----------------------|---------------------------------|----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 17.545.497.066 | 307.500.192 | 1.661.848.751 | 502.503.782 | 20.017.349.791 |
| Số cuối năm | 17.545.497.066 | 307.500.192 | 1.661.848.751 | 502.503.782 | 20.017.349.791 |
| Hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số đầu năm | 12.285.509.916 | 307.500.192 | 1.647.410.251 | 502.503.782 | 14.742.924.141 |
| Hao mòn trong năm | 1.685.062.869 | - | 14.438.500 | - | 1.699.501.369 |
| Số cuối năm | 13.970.572.785 | 307.500.192 | 1.661.848.751 | 502.503.782 | 16.442.425.510 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 5.259.987.150 | - | 14.438.500 | - | 5.274.425.650 |
| Số cuối năm | 3.574.924.281 | - | - | - | 3.574.924.281 |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng là 12.256.131.628 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.661.460.628 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

14. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC DÀI HẠN

Đây là các khoản đặt cọc ký quỹ thuê văn phòng của trụ sở chính, chi nhánh Hà Nội, Nha Trang và Cần Thơ của Nhóm Công ty.

15. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 105/QĐ-VSD ngày 20 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|------------------|----------------------------|---------------------------|
| Tiền nộp ban đầu | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Tiền nộp bổ sung | 13.464.509.286 | 13.464.509.286 |
| Tiền lãi | 6.415.490.714 | 6.415.490.714 |
| | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |

16. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác là tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh. Theo Quy chế Quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10.000.000.000 đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

**17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

| | Lợi thế thương mại từ hợp nhất công ty con | |
|------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| | Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long | |
| | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 VND | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND |
| Giá gốc | | |
| Số đầu năm | - | - |
| Tăng do hợp nhất công ty con | 16.243.479.077 | - |
| Số cuối năm | 16.243.479.077 | - |
| Phân bổ lũy kế | | |
| Số đầu năm | - | - |
| Phân bổ trong năm | 3.248.695.816 | - |
| Số cuối năm | 3.248.695.816 | - |
| Giá trị ghi sổ | | |
| Số đầu năm | - | - |
| Số cuối năm | 12.994.783.261 | - |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

| | Lãi suất vay %/năm | Số đầu năm VND | Số phát sinh trong năm VND | Số tất toán trong năm VND | Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm VND | Số cuối năm VND |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn</i> | | | | | | |
| - Vay ngân hàng nước ngoài (i) | 2.6 - 3.3 | 69.594.000.000 | 800.343.000.000 | (728.551.000.000) | 82.000.000 | 141.468.000.000 |
| - Vay ngân hàng trong nước | 4.0 - 7.5 | - | 3.935.800.000.000 | (3.835.800.000.000) | - | 100.000.000.000 |
| | | 69.594.000.000 | 4.736.143.000.000 | (4.564.351.000.000) | 82.000.000 | 241.468.000.000 |

(i) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là các khoản vay tín chấp bằng ngoại tệ với số dư nợ gốc là 6.200.000 USD, kỳ hạn vay không quá 3 tháng kể từ ngày giải ngân.

19. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

| | Lãi suất vay %/năm | Số đầu năm VND | Số phát hành trong năm VND | Số tất toán trong năm VND | Số cuối năm VND |
|--------------------------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| <i>Trái phiếu phát hành ngắn hạn</i> | | | | | |
| - Phát hành cho cá nhân | 8.5 - 9.3 | 480.415.000.000 | 600.600.000.000 | (524.565.000.000) | 556.450.000.000 |
| - Phát hành cho tổ chức | 8.8 - 9.3 | 726.500.000.000 | 1.621.500.000.000 | (966.500.000.000) | 1.381.500.000.000 |
| | | 1.206.915.000.000 | 2.222.100.000.000 | (1.491.065.000.000) | 1.937.950.000.000 |
| <i>Trái phiếu phát hành dài hạn</i> | | | | | |
| - Phát hành cho cá nhân | 9.3 | - | 37.300.000.000 | - | 37.300.000.000 |
| - Vay ngân hàng trong nước | 9.3 | - | 10.000.000.000 | - | 10.000.000.000 |
| - Phát hành cho tổ chức | | - | 47.300.000.000 | - | 47.300.000.000 |

Đây là trái phiếu ghi danh không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Các trái phiếu có mệnh giá 1.000.000 VND và kỳ hạn một năm đến hai năm từ ngày phát hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

20. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là các khoản phí giao dịch chứng khoán phải trả cho các sở giao dịch chứng khoán.

21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | <i>Số cuối năm VND</i> | <i>Số đầu năm VND</i> |
|---------------------------------------------|----------------------------|---------------------------|
| Phải trả giao dịch mua chứng khoán niêm yết | 30.000.000.000 | 18.730.000.000 |
| Phải trả mua hàng hóa dịch vụ | 1.126.883.240 | 4.056.981.812 |
| | 31.126.883.240 | 22.786.981.812 |

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | <i>Số đầu năm VND</i> | <i>Tăng do hợp nhất công ty con VND</i> | <i>Số phải nộp trong năm VND</i> | <i>Số đã nộp trong năm VND</i> | <i>Số cuối năm VND</i> |
|-----------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------|
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 14.891.581.728 | - | 111.082.771.090 | (95.729.965.143) | 30.244.387.675 |
| Thuế giá trị gia tăng | 240.033.680 | - | 1.712.593.667 | (1.473.240.552) | 479.386.795 |
| Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ Nhà đầu tư | 7.033.862.943 | - | 109.767.964.768 | (102.253.077.374) | 14.548.750.337 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.270.246.404 | 60.620.605 | 32.946.054.288 | (29.970.901.293) | 5.306.020.004 |
| - Phải trả | 2.280.613.526 | | | | 5.313.135.542 |
| - Phải thu | (10.367.122) | | | | (7.115.538) |
| Thuế nhà thầu | 124.559.017 | - | 5.018.333.538 | (4.681.095.116) | 461.797.439 |
| Thuế môn bài | - | - | 9.000.000 | (9.000.000) | = |
| | 24.560.283.772 | 60.620.605 | 260.536.717.351 | (234.117.279.478) | 51.040.342.250 |
| Trong đó: | | | | | |
| - Phải thu | (10.367.122) | | | | (7.115.538) |
| - Phải trả | 24.570.650.894 | | | | 51.047.457.788 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Lãi trái phiếu và lãi vay | 13.450.047.732 | 7.537.165.161 |
| Thù lao Hội đồng Quản trị | 4.810.000.000 | 1.700.000.000 |
| Chi phí lưu ký chứng khoán | 585.373.055 | 609.090.993 |
| Các khoản khác | 529.172.400 | 2.395.994.202 |
| | 19.374.593.187 | 12.242.250.356 |

24. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------------|--------------------|-----------------------|
| Phải trả cổ tức | 148.205.200 | 30.463.378.900 |
| - Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty | 148.205.200 | 30.463.378.900 |
| Các khoản khác | 650.670.680 | 847.951.842 |
| | 798.875.880 | 31.311.330.742 |

Chi tiết biến động phải trả cổ tức trong năm như sau:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|------------------------------------|--------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm | 30.463.378.900 | 33.493.598.500 |
| Cổ tức bằng tiền công bố trong năm | | |
| - Tạm ứng cổ tức (i) | - | 30.029.971.800 |
| Cổ tức đã trả | (30.315.173.700) | (33.060.191.400) |
| | 148.205.200 | 30.463.378.900 |

(i) Theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông ngày 28 tháng 5 năm 2020, mức trả cổ tức dự kiến cho năm 2020 là 3% trên vốn điều lệ 1.000.999.060.000 đồng. Theo đó, ngày 30 tháng 12 năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thông qua quyết định tạm ứng cổ tức năm 2020 ở mức 3% mệnh giá (1 cổ phiếu nhận cổ tức 300 đồng) cho các cổ đông có tên trong danh sách chốt ngày 19 tháng 1 năm 2021 và đã thực hiện chi trả trong tháng 1 năm 2021.

Theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông ngày 7 tháng 4 năm 2021, mức trả cổ tức cho năm 2020 là 8% trên vốn điều lệ 1.000.999.060.000 đồng. Trong đó, đã tạm ứng cổ tức ở mức 3% mệnh giá và thực hiện chi trả trong tháng 1 năm 2021. Ngày 25 tháng 6 năm 2021, Hội đồng Quản trị đã thông qua quyết định số 58/2021/QĐ-HĐQT về chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020 ở mức 5% mệnh giá, ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 9 tháng 7 năm 2021.

25. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chênh lệch tạm thời chịu thuế: | | |
| Tăng chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL | 44.887.661.062 | 58.814.220.228 |
| Tăng chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính AFS | 37.515.436.000 | - |
| | 82.403.097.062 | 58.814.220.228 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty | 16.480.619.412 | 11.762.844.045 |

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU**26.1 Lợi nhuận chưa phân phối**

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối | 409.584.811.010 | 97.712.005.131 |
| Lợi nhuận chưa thực hiện | 32.807.042.556 | 11.841.868.404 |
| | 442.391.853.566 | 109.553.873.535 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**26.2 Vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND | Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND | Tổng cộng VND |
|----------------------------------------|-------------------------------|--------------------------|------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| Ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 1.000.999.060.000 | 9.240.118.792 | 22.861.758.906 | 22.861.758.906 | - | 109.553.873.535 | - | 1.165.516.570.139 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | 425.664.952.635 | 1.075.907.811 | 426.740.860.446 |
| Thu nhập toàn diện khác sau thuế TNDN | - | - | - | - | 30.012.348.800 | - | - | 30.012.348.800 |
| Trích quỹ năm 2021 | - | - | 21.389.691.302 | 21.389.691.302 | - | (42.779.382.604) | - | - |
| Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 50.047.590.000 | - | - | - | - | (50.047.590.000) | - | - |
| Tăng do hợp nhất công ty con trong năm | - | - | - | - | - | - | 23.593.520.102 | 23.593.520.102 |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 1.051.046.650.000 | 9.240.118.792 | 44.251.450.208 | 44.251.450.208 | 30.012.348.800 | 442.391.853.566 | 24.669.427.913 | 1.645.863.299.487 |

Chi tiết vốn cổ đông lớn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

| | Số lượng cổ phần Đơn vị | Giá trị VND | Tỷ lệ sở hữu % |
|-------------------|-------------------------|--------------------------|----------------|
| Nguyễn Miên Tuấn | 18.701.500 | 187.015.000.000 | 17,79 |
| Nguyễn Xuân Đô | 17.850.000 | 178.500.000.000 | 16,98 |
| Nguyễn Hoàng Hiệp | 17.850.000 | 178.500.000.000 | 16,98 |
| Phạm Mỹ Linh | 12.517.339 | 125.173.390.000 | 11,91 |
| Các cổ đông khác | 38.185.826 | 381.858.260.000 | 36,34 |
| | 105.104.665 | 1.051.046.650.000 | 100,00 |

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

| | Số cuối năm Đơn vị | Số đầu năm Đơn vị |
|----------------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu được phép phát hành | 105.104.665 | 100.099.906 |
| Cổ phiếu thường | 105.104.665 | 100.099.906 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành và thanh toán | 105.104.665 | 100.099.906 |
| Cổ phiếu thường | 105.104.665 | 100.099.906 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 105.104.665 | 100.099.906 |
| Cổ phiếu thường | 105.104.665 | 100.099.906 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**26.3 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| 1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (tại 1/1/2021 và 1/1/2020) | 97.712.005.131 | 78.465.916.697 |
| 2. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm | 404.699.778.483 | 64.286.288.512 |
| 3. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm | 502.411.783.614 | 142.752.205.209 |
| 4. Trích lập các quỹ | | |
| - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | (21.389.691.302) | (7.505.114.139) |
| - Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | (21.389.691.302) | (7.505.114.139) |
| 5. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ | | |
| - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức | (50.047.590.000) | - |
| - Trả cổ tức bằng tiền (i) | - | (30.029.971.800) |
| Lợi nhuận tối đa còn có thể phân phối | 409.584.811.010 | 97.712.005.131 |

(i) Theo Nghị quyết Đại hội Đồng Cổ đông ngày 7 tháng 4 năm 2021, mức trả cổ tức cho năm 2020 là 8% trên vốn điều lệ 1.000.999.060.000 đồng. Ngày 25 tháng 6 năm 2021, Hội đồng Quản trị đã thông qua quyết định số 58/2021/QĐ-HĐQT về chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020 ở mức 5% mệnh giá, ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 9 tháng 7 năm 2021.

27. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích cổ đông không kiểm soát của công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Long trong năm như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------------------|-----------------------|------------------|
| Số đầu năm | - | - |
| Tăng do hợp nhất công ty con | 23.593.520.102 | - |
| Lợi nhuận đã thực hiện trong năm | 4.674.080.637 | - |
| Lỗ chưa thực hiện trong năm | (3.598.172.826) | - |
| Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 24.669.427.913 | - |

28. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**28.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK**

| | Theo mệnh giá | |
|--------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
| Tài sản tài chính giao dịch, tự do chuyển nhượng | 119.148.600.000 | 143.830.070.000 |
| Tài sản tài chính chờ thanh toán | - | 2.200.000.000 |
| Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng | - | 270.000 |
| | 119.148.600.000 | 146.030.340.000 |

28.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

| | Theo mệnh giá | |
|-------------------------------------------------------|--------------------|----------------------|
| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
| Tài sản tài chính chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | 2.450.000 | 2.990.000 |
| Tài sản tài chính chờ giao dịch, tự do chuyển nhượng | 3.780.000 | 1.928.620.000 |
| | 6.230.000 | 1.931.610.000 |

28.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

| | Theo mệnh giá | |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
| Tài sản tài chính chờ về | 6.000.000.000 | 3.500.000.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

28. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**28.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK**

| | Theo mệnh giá | |
|-------------------------------|------------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
| Tài sản tài chính chưa lưu ký | 246.529.760.000 | 88.299.890.000 |

28.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

| | Theo số lượng | |
|----------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính giao dịch tự do, chuyển nhượng | 1.615.515.807 | 1.292.454.670 |
| Tài sản tài chính giao dịch, hạn chế chuyển nhượng | 15.214.147 | 7.882.843 |
| Tài sản tài chính giao dịch, cầm cố | 241.249.958 | 231.987.522 |
| Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ | 111.485.572 | 107.346.314 |
| Tài sản tài chính chờ thanh toán | 24.378.895 | 22.591.366 |
| Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư | 237 | 420 |
| | 2.007.844.616 | 1.662.263.135 |

28.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

| | Theo số lượng | |
|------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | 15.278.966 | 6.077.118 |
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng | 511.126 | 25.200 |
| | 15.790.092 | 6.102.318 |

28.7 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

| | Theo mệnh giá | |
|----------|-------------------|-------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Cổ phiếu | 22.145.700 | 21.243.453 |

28.8 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

| | Theo số lượng | |
|----------|-------------------|----------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Cổ phiếu | 29.706.370 | 420.825 |

28.9 Tiền gửi của Nhà đầu tư

| | Số cuối năm - VND | Số đầu năm - VND |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 1.441.103.783.667 | 1.064.579.545.897 |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 1.434.855.572.912 | 1.061.446.747.454 |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 6.248.210.755 | 3.132.798.443 |
| Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD | 11.850.419.876 | 22.680.648.936 |
| Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | 339.253.943 | 17.176.996.823 |
| - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước | 261.610.809 | 16.733.847.952 |
| - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài | 77.643.134 | 443.148.871 |
| Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán | 54.224.770 | 1.823.701.847 |
| | 1.453.347.682.256 | 1.106.260.893.503 |

28.10 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | | |
| - Nhà đầu tư trong nước | 1.431.818.848.654 | 1.100.332.191.914 |
| - Nhà đầu tư nước ngoài | 6.248.210.755 | 3.132.798.443 |
| | 1.438.067.059.409 | 1.103.464.990.357 |

28.11 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|-----------------|-----------------------|----------------------|
| Phải trả cổ tức | 15.280.622.847 | 2.795.903.146 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

29. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**29.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL**

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL | 329.144.614.143 | 68.213.396.708 |
| Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL | (12.463.400.343) | (22.352.853.137) |
| | 316.681.213.800 | 45.860.543.571 |

Chi tiết lãi/(lỗ) ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

| STT | Danh mục các khoản đầu tư | Số lượng bán Cổ phiếu | Tổng giá trị bán VND | Giá vốn (*) VND | Lãi/(lỗ) bán chứng khoán năm nay VND | Lãi bán chứng khoán năm trước VND |
|-----|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1 | Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết | 36.904.332 | 1.516.294.814.176 | 1.222.958.933.939 | 293.335.880.237 | 40.554.365.204 |
| 2 | Cổ phiếu chưa niêm yết | 11.791.100 | 383.549.980.000 | 376.944.412.561 | 6.605.567.439 | 930.260.209 |
| 3 | Trái phiếu niêm yết | 1.049.000 | 104.885.880.000 | 105.642.409.703 | (756.529.703) | - |
| 4 | Trái phiếu chưa niêm yết | 2.471.729 | 2.494.424.062.419 | 2.476.927.766.592 | 17.496.295.827 | 4.375.918.158 |
| | | 52.216.161 | 4.499.154.736.595 | 4.182.473.522.795 | 316.681.213.800 | 45.860.543.571 |

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

29.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| (Giảm)/tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL | (18.859.917.581) | 58.407.175.858 |
| Giảm chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL | 36.226.918.907 | 27.408.818.408 |
| | 17.367.001.326 | 85.815.994.266 |

| STT | Danh mục các loại tài sản tài chính | Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | | | Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 VND | Chênh lệch do hợp nhất công ty con VND | Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND |
|-----|----------------------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| | | Giá mua VND | Giá trị hợp lý VND | Chênh lệch đánh giá lại lũy kế VND | | | |
| 1 | Cổ phiếu và chứng khoán niêm yết | 253.884.375.655 | 287.156.363.620 | 33.271.987.965 | 58.424.371.889 | 4.684.108.416 | (29.836.492.340) |
| 2 | Cổ phiếu chưa niêm yết | 84.522.544.461 | 79.309.248.080 | (5.213.296.381) | (45.802.541.363) | 249.250.000 | 40.339.994.982 |
| 3 | Trái phiếu niêm yết | 10.012.779.297 | 10.359.700.000 | 346.920.703 | - | - | 346.920.703 |
| 4 | Trái phiếu chưa niêm yết | 230.075.762.032 | 235.812.377.891 | 5.736.615.859 | (779.962.122) | - | 6.516.577.981 |
| | | 578.495.461.445 | 612.637.689.591 | 34.142.228.146 | 11.841.868.404 | 4.933.358.416 | 17.367.001.326 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

29. LÃI/(LỖ) CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**29.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, AFS, các khoản cho vay và phải thu**

| | Năm nay - VND | Năm trước - VND |
|---------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Cổ tức, tiền lãi từ tài sản tài chính FVTPL | 13.150.982.569 | 1.522.786.869 |
| Lãi tiền gửi | 746.151.334 | 3.000.030.939 |
| Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 300.432.322.022 | 188.368.174.593 |
| | 314.329.455.925 | 192.890.992.401 |

30. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI VÀ LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

| | Năm nay - VND | Năm trước - VND |
|---------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí đi vay tài trợ giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán | 167.716.175.813 | 95.162.904.148 |
| Hoàn nhập dự phòng suy giảm cho vay ký quỹ | (75.920) | (35.621) |
| | 167.716.099.893 | 95.162.868.527 |

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

| | Năm nay - VND | Năm trước - VND |
|------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương | 8.470.731.425 | 3.033.309.573 |
| Chi phí thuê văn phòng | 307.624.390 | 285.422.529 |
| Chi phí khác | 670.716.312 | 128.972.114 |
| | 9.449.072.127 | 3.447.704.216 |

32. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

| | Năm nay - VND | Năm trước - VND |
|------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương | 106.296.537.985 | 36.383.331.004 |
| Chi phí giao dịch chứng khoán | 49.024.201.704 | 16.638.113.530 |
| Chi phí môi giới chứng khoán của cộng tác viên | 12.161.466.814 | 4.942.421.294 |
| Chi phí thuê văn phòng | 7.062.213.896 | 6.831.743.649 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định | 958.650.000 | 958.650.000 |
| Chi phí khác | 8.502.302.208 | 5.674.839.069 |
| | 184.005.372.607 | 71.429.098.546 |

33. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ BẢO LÃNH, ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------|-----------------------|---------------|
| Chi phí môi giới, hoa hồng đối tác | 16.955.942.671 | - |
| Chi phí lương doanh số | 1.438.000.000 | - |
| | 18.393.942.671 | - |

34. CHI PHÍ NGHIỆP VỤ LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lưu ký chứng khoán | 6.129.502.266 | 7.563.584.286 |
| Chi phí khác | 1.348.619.604 | 1.279.067.172 |
| | 7.478.121.870 | 8.842.651.458 |

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương | 14.298.527.198 | 8.895.398.166 |
| Chi phí thuê văn phòng | 686.011.360 | 622.446.218 |
| Chi phí khác | 779.739.031 | 1.353.584.032 |
| | 15.764.277.589 | 10.871.428.416 |

36. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương | 14.953.004.697 | 9.892.157.189 |
| Chi phí thuê văn phòng | 1.171.198.499 | 1.473.727.425 |
| Chi phí khác | 1.820.562.051 | 742.516.432 |
| | 17.944.765.247 | 12.108.401.046 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

37. CHI PHÍ QUẢN LÝ

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí lương và các khoản đóng góp theo lương | 71.836.154.159 | 43.656.188.919 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định | 7.206.774.571 | 5.469.259.253 |
| Chi phí thuê văn phòng | 6.887.424.696 | 4.294.231.183 |
| Chi phí Hội đồng quản trị | 5.628.888.887 | 2.075.568.000 |
| Phân bổ lợi thế thương mại | 3.248.695.816 | - |
| Chi phí sửa chữa, bảo trì | 4.192.488.517 | 1.936.442.928 |
| Chi phí tiếp khách, sự kiện, công tác | 3.869.983.244 | 1.581.073.585 |
| Chi phí tiền điện, dịch vụ viễn thông | 1.645.285.659 | 1.632.591.876 |
| Chi phí khác | 15.945.151.423 | 11.097.543.398 |
| | 120.460.846.972 | 71.742.899.142 |

38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2020: 20%).

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

38.1 Chi phí thuế TNDN

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|---------------------------------------|------------------------|-----------------------|
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 111.082.771.090 | 30.878.457.891 |
| (Thu nhập)/Chi phí thuế TNDN hoãn lại | (3.771.983.516) | 11.681.435.171 |
| | 107.310.787.574 | 42.559.893.062 |

38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**38.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Lợi nhuận thuần trước thuế | 534.051.648.020 | 192.662.175.840 |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty | 106.810.329.604 | 38.532.435.168 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 2.250.837.221 | 956.367.537 |
| Chi phí hoạt động không được khấu trừ | 1.601.098.059 | 956.367.537 |
| Phân bổ lợi thế thương mại | 649.739.162 | - |
| Các khoản điều chỉnh giảm | (1.533.511.065) | 11.970.305.397 |
| Thu nhập từ cổ tức | 1.591.552.537 | 288.870.226 |
| (Giảm)/tăng chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL | (3.771.983.516) | 11.681.435.171 |
| Hoàn nhập chi phí | 338.776.469 | 11.097.543.398 |
| Lỗi tính thuế Công ty con được sử dụng | 308.143.445 | |
| Số tiền nộp thêm sau quyết toán | 488.093.200 | 3.359.960.583 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 111.082.771.090 | 30.878.457.891 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

38. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**38.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một khoản chi phí thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

| | Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất | | Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất | |
|------------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------|------------------------------------|-----------------------|
| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND | Năm này VND | Năm trước VND |
| Thuế TNDN hoãn lại phải trả | | | | |
| Chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL | 7.990.860.529 | 11.762.844.045 | (3.771.983.516) | 11.681.435.171 |
| (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại | | | (3.771.983.516) | 11.681.435.171 |

38.4 Lỗ tính thuế chuyển sang từ năm trước

Công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết như sau:

| Năm phát sinh | Năm cuối chuyển lỗ | Số lỗ tính thuế phát sinh VND | Số lỗ tính thuế đã sử dụng đến cuối năm trước VND | Chuyển lỗ trong năm VND | Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại cuối năm nay VND |
|---------------|--------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------|
| 2015 | 2020 | 6.782.975.266 | (6.782.975.266) | - | - |
| 2017 | 2022 | 122.462.822 | (122.462.822) | - | - |
| 2018 | 2023 | 4.306.950.229 | (4.306.950.229) | - | - |
| 2019 | 2024 | 3.264.287.332 | (1.723.570.109) | (1.540.717.223) | - |
| | | 14.476.675.649 | (12.935.958.426) | (1.540.717.223) | - |

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty mẹ đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2017.

39. LỖI KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

| Chỉ tiêu | Năm trước | Số phát sinh VND | Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất VND | Năm nay |
|-----------------------------------------------|-----------|------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------|
| Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS | - | 30.012.348.800 | - | 30.012.348.800 |

40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Thu nhập và lãi hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

| | Năm nay VND | Năm trước VND |
|-------------------------------------------------------|-----------------------|---------------|
| Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu | 30.012.348.800 | - |
| - Lãi từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS | 30.012.348.800 | - |
| | 30.012.348.800 | - |

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**41.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Nhóm Công ty và mối quan hệ giữa Nhóm Công ty với các bên liên quan như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ông Nguyễn Miên Tuấn | Cổ đông lớn |
| Ông Nguyễn Xuân Đô | Cổ đông lớn |
| Ông Nguyễn Hoàng Hiệp | Cổ đông lớn |
| Bà Phạm Mỹ Linh | Cổ đông lớn |
| Công ty TNHH Hoàng Triều | Thành viên Hội đồng Quản trị Nhóm Công ty là người Đại diện pháp luật của Công ty TNHH Hoàng Triều |
| Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành | Nhân sự quản lý chủ chốt |

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Năm nay VND | Năm trước VND |
|------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------|----------------|
| Công ty TNHH Hoàng Triều | Chi phí thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan | 12.011.436.135 | 11.541.156.177 |
| Các cổ đông lớn | Chi trả cổ tức bằng tiền | 14.019.668.700 | 11.098.191.300 |
| Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành | Thu nhập và thù lao | 11.012.757.250 | 9.510.404.009 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**41.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

| Bên liên quan | Nội dung nghiệp vụ | Phải trả | |
|--------------------------|---------------------------|-----------------|----------------|
| | | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
| Công ty TNHH Hoàng Triều | Phải trả dịch vụ cung cấp | - | 174.886.001 |
| Các cổ đông lớn | Cổ tức phải trả | - | 8.089.467.900 |

41.2 Thông tin báo cáo bộ phận

- ▶ Bộ phận môi giới và dịch vụ chứng khoán tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán, ký quỹ, lưu ký chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. (Năm 2020: Bộ phận dịch vụ chứng khoán được phân loại vào Dịch vụ chứng khoán và các bộ phận khác)
- ▶ Bộ phận tự doanh tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến danh mục tài sản tài chính FVTPL.
- ▶ Bộ phận tư vấn tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành, tư vấn sát nhập và mua lại và các hoạt động tư vấn tài chính khác.
- ▶ Bộ phận khác thực hiện quản trị nguồn vốn nội bộ doanh nghiệp.

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

| | Tự doanh VND | Môi giới và dịch vụ chứng khoán VND | Ngân hàng đầu tư VND | Các bộ phận khác VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 | | | | | |
| Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán | 328.076.793.247 | 627.643.930.019 | 65.775.731.817 | 604.419.399 | 1.022.100.874.482 |
| Các chi phí trực tiếp | 13.827.834.505 | (461.351.264.656) | (33.736.627.316) | 99.478.847.024 | (381.781.210.443) |
| Khấu hao và các chi phí phân bổ | (379.562.475) | (14.661.941.985) | (1.031.592.944) | - | (16.073.097.404) |
| Kết quả bộ phận | 341.525.065.277 | 151.630.723.378 | 31.007.511.557 | 100.083.266.423 | 624.246.566.635 |
| Thu nhập tài chính thuần | | | | | 29.739.289.021 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | | | | | (120.460.846.972) |
| Thu nhập khác | | | | | 526.639.336 |
| Kết quả hoạt động | | | | | 534.051.648.020 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 848.258.088.957 | 2.709.377.517.305 | 60.000.000 | - | 3.557.695.606.262 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | - | 475.458.502.309 |
| Tổng tài sản | 848.258.088.957 | 2.709.377.517.305 | 60.000.000 | - | 4.033.154.108.571 |
| Nợ phải trả bộ phận | 30.000.000.000 | 2.246.012.528.207 | 2.547.128.000 | - | 2.278.559.656.207 |
| Nợ không phân bổ | - | - | - | - | 108.731.152.877 |
| Tổng nợ phải trả | 30.000.000.000 | 2.246.012.528.207 | 2.547.128.000 | - | 2.387.290.809.084 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**41.2 Thông tin báo cáo bộ phận**

| | <i>Tự doanh VND</i> | <i>Môi giới VND</i> | <i>Tư vấn tài chính VND</i> | <i>Dịch vụ chứng khoán và các bộ phận khác VND</i> | <i>Tổng cộng VND</i> |
|-------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------|
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 | | | | | |
| Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán | 128.143.359.435 | 106.573.952.424 | 18.482.718.180 | 197.583.734.003 | 450.783.764.042 |
| Các chi phí trực tiếp | 1.356.847.056 | (63.600.875.066) | (10.105.046.505) | (100.959.707.401) | (173.308.781.916) |
| Khấu hao và các chi phí phân bổ | (300.976.318) | (10.359.260.798) | (766.381.911) | (15.054.859.480) | (26.481.478.507) |
| Kết quả bộ phận | 129.199.230.173 | 32.613.816.560 | 7.611.289.764 | 81.569.167.122 | 250.993.503.619 |
| Thu nhập tài chính thuần | | | | | 13.058.343.406 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | | | | | (71.744.124.665) |
| Thu nhập khác | | | | | 354.453.480 |
| Kết quả hoạt động Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 | | | | | 192.662.175.840 |
| Tài sản bộ phận | 616.984.013.236 | 38.602.368.613 | 401.830.000 | 1.890.948.417.866 | 2.546.936.629.715 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | - | 21.418.957.434 |
| Tổng tài sản | 616.984.013.236 | 38.602.368.613 | 401.830.000 | 1.890.948.417.866 | 2.568.355.587.149 |
| Nợ phải trả bộ phận | (18.730.000.000) | (7.632.839.030) | (1.729.878.000) | (1.284.046.165.161) | (1.312.138.882.191) |
| Nợ không phân bổ | - | - | - | - | (90.700.134.819) |
| Tổng nợ phải trả | (18.730.000.000) | (7.632.839.030) | (1.729.878.000) | (1.284.046.165.161) | (1.402.839.017.010) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**41.3 Cam kết thuê hoạt động**

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|----------------|-----------------------|-----------------------|
| Đến 1 năm | 16.212.903.960 | 14.507.397.120 |
| Từ 1 đến 5 năm | 39.154.883.580 | 35.877.925.040 |
| | 55.367.787.540 | 50.385.322.160 |

41.4 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và thu nhập pha loãng trên mỗi cổ phiếu:

| | Số cuối năm VND | Năm trước VND (trình bày lại) |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------|
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) | 425.664.952.635 | 150.102.282.778 |
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 425.664.952.635 | 150.102.282.778 |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu) | 105.104.665 | 100.099.906 |
| Ảnh hưởng pha loãng do phát hành cổ phiếu (*) | - | 5.004.759 |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố pha loãng | 105.104.665 | 105.104.665 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 4.050 | 1.428 |
| Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (**) | 4.050 | 1.428 |

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**41.4 Lãi trên cổ phiếu (tiếp theo)**

(*) Theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu, nếu số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tăng lên do vốn hóa, phát hành cổ phiếu thưởng, tách cổ phiếu hoặc giảm đi do gộp cổ phiếu, Công ty điều chỉnh hồi tố “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho tất cả các kỳ báo cáo. Nếu những thay đổi đó xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm nhưng trước ngày phát hành báo cáo tài chính, số liệu được tính trên mỗi cổ phiếu của kỳ báo cáo hiện tại và mỗi kỳ báo cáo trước đó trên báo cáo tài chính được tính lại dựa trên số lượng cổ phiếu mới. Ngày 25 tháng 6 năm 2021, Hội đồng Quản trị đã thông qua quyết định 58/2021/QĐ-HĐQT về việc chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2020 ở mức 5% mệnh giá, ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 9 tháng 7 năm 2021. Theo đó số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 được điều chỉnh cho số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu trong năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cho năm tài chính hiện tại.

(**) Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

41.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty có các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Nhóm Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Nhóm Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, tiền gửi, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn của Công ty.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Nhóm Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Nhóm Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các công cụ tài chính của Nhóm Công ty chịu lãi suất cố định.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**41.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)***Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Nhóm Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Nhóm Công ty). Nhóm Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và cập nhật kế hoạch dòng tiền bằng ngoại tệ. Việc kinh doanh của Nhóm Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ ("USD").

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Nhóm Công ty được trình bày như sau:

| | Ngoại tệ gốc USD | | Quy đổi sang VND | |
|------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------------|-------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Tài sản tài chính | - | - | - | - |
| Nợ tài chính | | | | |
| Vay ngắn hạn | 6.200.000 | 3.000.000 | 141.468.000.000 | 69.594.000.000 |
| Nợ tài chính thuần | 6.200.000 | 3.000.000 | 141.468.000.000 | 69.594.000.000 |
| Rủi ro ngoại tệ thuần | (6.200.000) | (3.000.000) | (141.468.000.000) | (69.594.000.000) |

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Khi thay đổi về giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Nhóm Công ty.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết thuộc danh mục các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ của Nhóm Công ty là 366.465.611.700 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 413.470.515.730 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 36.646.561.170 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 41.347.051.573 VND). Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 36.646.561.170 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 41.347.051.573 VND).

**41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****41.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)***Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay ký quỹ, ứng trước tiền bán cho khách hàng và các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Phải thu khách hàng

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Nhóm Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Nhóm Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Nhóm Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Nhóm Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Nhóm Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận kế toán của Nhóm Công ty theo chính sách của Nhóm Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Nhóm Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại mỗi niên độ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng

Nhóm Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Nhóm Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng.

Nhóm Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký Quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Nhóm Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**41.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****Rủi ro tín dụng (tiếp theo)**

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng (tiếp theo)

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Nhóm Công ty đã lập dự phòng, Ban Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

| | Tổng cộng VND | Số dư đã dự phòng VND | Không quá hạn và không bị suy giảm VND | Quá hạn nhưng không bị suy giảm | | | |
|-------------|-------------------|-----------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|
| | | | | Dưới 3 tháng VND | Từ 3 - 6 tháng VND | Trên 6 - 12 tháng VND | Trên 1 năm VND |
| Số đầu năm | 1.453.872.727.915 | 44.087.433.254 | 1.409.785.294.661 | | | | |
| Số cuối năm | 2.700.131.242.001 | 44.087.269.454 | 2.656.043.972.547 | | | | |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**41.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

| | Quá hạn VND | Không kỳ hạn VND | Đến 1 năm VND | Trên 1 - 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------|--------------------------|-------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| TÀI SẢN TÀI CHÍNH | | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | - | 412.558.363.475 | 61.000.000.000 | - | - | 473.558.363.475 |
| Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | - | 366.465.611.700 | 23.531.914.420 | 222.640.163.471 | - | 612.637.689.591 |
| Các khoản cho vay | 44.087.269.454 | - | 2.656.043.972.547 | - | - | 2.700.131.242.001 |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) - gộp | - | - | 147.511.976.000 | - | - | 147.511.976.000 |
| Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi tài sản tài chính | - | - | 8.087.287.810 | - | - | 8.087.287.810 |
| Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp | - | - | 9.570.283.969 | - | - | 9.570.283.969 |
| Trả trước cho người bán | - | - | 1.536.612.512 | - | - | 1.536.612.512 |
| Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | - | - | 85.400.000 | - | - | 85.400.000 |
| Các khoản phải thu khác - gộp | 1.978.208.478 | 92.886.868 | - | - | - | 2.071.095.346 |
| Tạm ứng | - | - | 316.502.858 | - | - | 316.502.858 |
| Đầu tư dài hạn | - | - | - | - | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 |
| Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn | - | - | 650.354.720 | 3.393.503.119 | - | 4.043.857.839 |
| Quỹ Hỗ trợ thanh toán | - | 20.000.000.000 | - | - | - | 20.000.000.000 |
| Tài sản dài hạn khác | - | 10.000.000.000 | - | - | - | 10.000.000.000 |
| | 46.065.477.932 | 809.116.862.043 | 2.908.334.304.836 | 226.033.666.590 | 25.000.000.000 | 4.014.550.311.401 |

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**41.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

| | Quá hạn VND | Không kỳ hạn VND | Đến 1 năm VND | Trên 1 - 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------------------|------------------------|-----------------------------|--------------------------|-------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| NỢ TÀI CHÍNH | | | | | | |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | - | - | 241.468.000.000 | - | - | 241.468.000.000 |
| Trái phiếu phát hành | - | - | 1.937.950.000.000 | 47.300.000.000 | - | 1.985.250.000.000 |
| Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | - | - | 5.844.480.475 | - | - | 5.844.480.475 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | - | - | 31.126.883.240 | - | - | 31.126.883.240 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | - | - | 2.547.128.000 | - | - | 2.547.128.000 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | - | - | 19.374.593.187 | - | - | 19.374.593.187 |
| Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác | - | 798.875.880 | 568.008.000 | - | - | 1.366.883.880 |
| | - | 798.875.880 | 2.238.879.092.902 | 47.300.000.000 | - | 2.286.977.968.782 |
| Mức chênh lệch thanh khoản ròng | 46.065.477.932 | 808.317.986.163 | 669.455.211.934 | 178.733.666.590 | 25.000.000.000 | 1.727.572.342.619 |

Nhóm Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Nhóm Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B05-CTCK/HN

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

41. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Người lập:

Bà Dương Kim Chi
Kế toán Trưởng

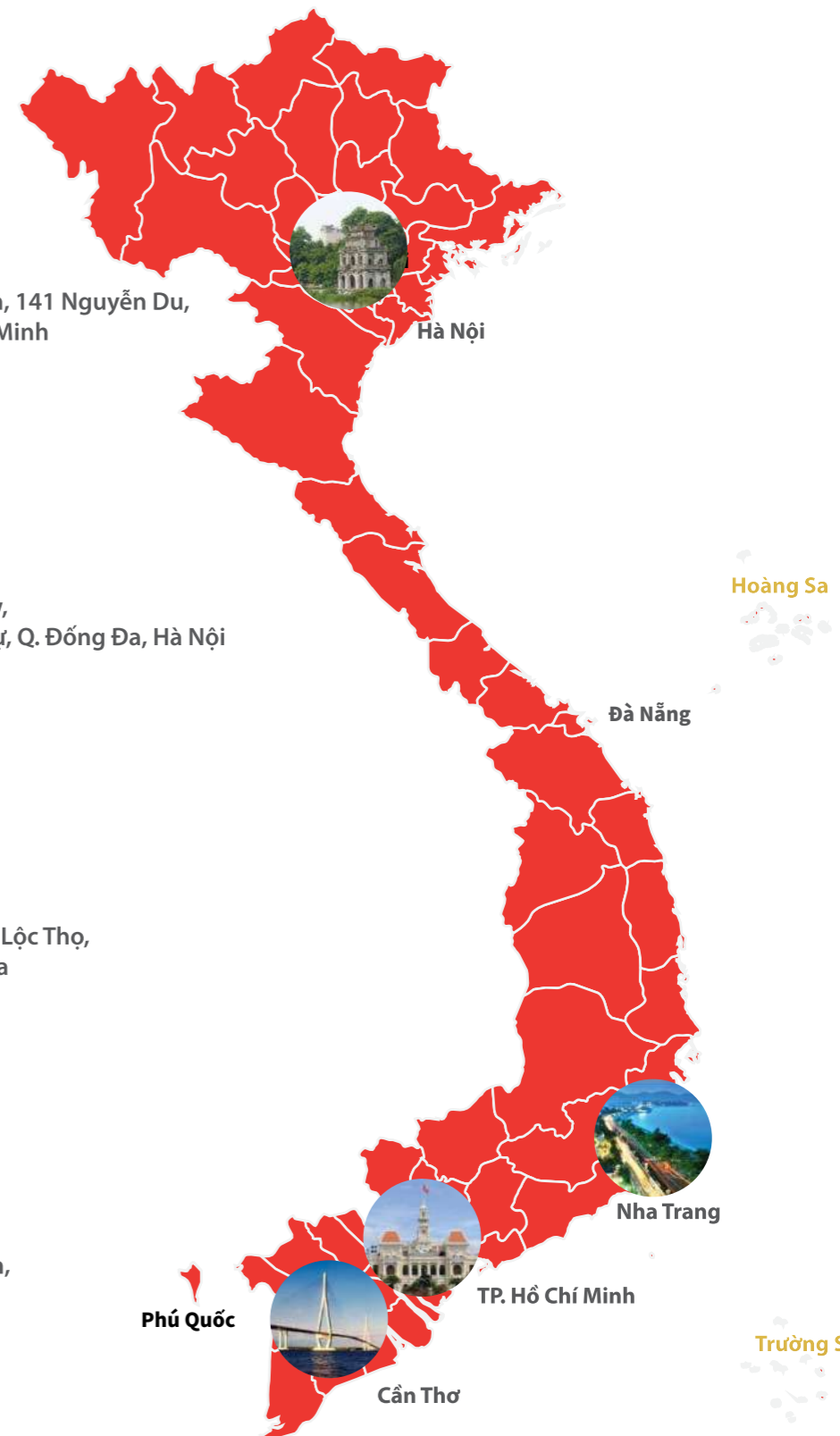
Người kiểm soát:

Ông Lê Minh Hiền
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Bà Nguyễn Thị Thu Huyền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 2 năm 2022



HỘI SỞ TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Tầng 1-4, Tòa nhà Viet Dragon, 141 Nguyễn Du, P. Bến Thành, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

- T** +84 28 6299 2006
- F** +84 28 6299 7986
- E** info@vdsc.com.vn
- W** www.vdsc.com.vn

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 10, Tòa nhà Eurowindow, số 2 Tôn Thất Tùng, P. Trung Tự, Q. Đống Đa, Hà Nội

- T** +84 24 6288 2006
- F** +84 24 6288 2008
- E** info@vdsc.com.vn
- W** www.vdsc.com.vn

CHI NHÁNH NHA TRANG

Tầng 7, số 76 Quang Trung, P. Lộc Thọ, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

- T** +84 258 3820 006
- F** +84 258 3820 008
- E** info@vdsc.com.vn
- W** www.vdsc.com.vn

CHI NHÁNH CẦN THƠ

95-97-99 Võ Văn Tần, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ

- T** +84 292 381 7578
- F** +84 292 381 8387
- E** info@vdsc.com.vn
- W** www.vdsc.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

-  141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
-  +(84)28 6299 2006
-  info@vdsc.com.vn
-  www.vdsc.com.vn